

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC
*(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Thanh Hóa, 3/2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC
*(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*






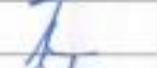





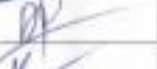






Lưu ý:

- Tài liệu này là tài sản riêng của **Trường Đại học Hồng Đức** do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN cung cấp cho Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chỉ để phục vụ hoạt động đánh giá ngoài;
- Tài liệu này không được chia sẻ với bất cứ cá nhân, tổ chức nào nếu không được sự đồng ý của **Trường Đại học Hồng Đức** và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQGHN;
- Không thực hiện các hành vi sao chụp, phát tán tài liệu dưới mọi hình thức;
- Những cá nhân không liên quan đề nghị không đọc tài liệu này.

Thanh Hóa, 3/2023

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1730/QĐ-ĐHHĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng	Chữ ký
1.	Ông Bùi Văn Dũng	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2.	Bà Hoàng Thị Mai	Phó hiệu Trưởng	Phó Chủ tịch	
3.	Bà Lê Thị Thu Hà	TK. TLGD	Phó Chủ tịch	
4.	Bà Cao Thị Cúc	Phó TBM. GDH	Thư ký	
5.	Bà Lê Thị Hạnh	TP. ĐBCL&KT	Ủy viên	
6.	Ông Đậu Bá Thìn	TP. QLĐT	Ủy viên	
7.	Bà Lương Thị Kim Phượng	TP. QL Đào tạo SDH	Ủy viên	
8.	Bà Nguyễn Thị Dung	TP. TC-HC-QT	Ủy viên	
9.	Ông Ngô Chí Thành	TP. QL KHCN&HTQT	Ủy viên	
10.	Bà Lê Thị Minh Huệ	TP. KH-TC	Ủy viên	
11.	Ông Lê Minh Hiền	TP.GDCT&CTHSSV	Ủy viên	
12.	Ông Lê Thanh Thuý	GD.TT TT-TV	Ủy viên	
13.	Bà Lê Thị Thắng	Kế toán trưởng	Ủy viên	
14.	Ông Nguyễn Đức Long	PTP. TC-HC-QT	Ủy viên	
15.	Bà Nguyễn Thị Hà Lan	PTK. TLGD	Ủy viên	
16.	Bà Dương Thị Thoan	PTK. TLGD	Ủy viên	
17.	Bà Nguyễn Thị Thanh	TBM. GDH	Ủy viên	
18.	Bà Lê Tuyết Mai	TBM. TLH	Ủy viên	
19.	Ông Cao Xuân Hải	Phó TBM. TLH	Ủy viên	
20.	Ông Nguyễn Bá Châu	Trợ lý GV và ĐT SDH	Ủy viên	
21.	Ông Lê Đình Hường	HV K14A Cao học QLGD	Ủy viên	

(Ấn định danh sách gồm 21 thành viên)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC BẢNG	vi
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề.....	1
1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá	1
1.2 Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ tự đánh giá.....	2
2. Tổng quan chung	4
2.1. Tổng quan chung về Trường Đại học Hồng Đức	4
2.2. Tổng quan về Khoa Tâm lý - Giáo dục	10
2.3. Tổng quan về chuyên ngành Quản lý giáo dục	10
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	12
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)	12
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, phù hợp với Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.....	12
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.....	17
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai	20
Kết luận về tiêu chuẩn 1	22
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	23
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.....	24
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....	27
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....	29
Kết luận về tiêu chuẩn 2	30
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	31
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra	32
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng.....	35
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....	37
Kết luận về tiêu chuẩn 3	41
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học	41

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến đến các bên liên quan.....	42
Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra...	43
Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học	46
Kết luận về tiêu chuẩn 4	48
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	12
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.....	49
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học	52
Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....	54
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập	56
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập ..	57
Kết luận về tiêu chuẩn 5	58
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	59
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	60
Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/ người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng	63
Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai..	67
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và đánh giá	69
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó	71
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	74
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	76
Kết luận tiêu chuẩn 6.....	79

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	80
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng ..	80
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai	83
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá	85
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó	87
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	89
Kết luận về tiêu chuẩn 7	91
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	92
Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.....	92
Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá	93
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học	95
Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học	97
Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học	100
Kết luận về tiêu chuẩn 8	102
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	92
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	103
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	105
Tiêu chí 9.3. Phòng thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	108
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	109
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển	

khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	112
Kết luận về Tiêu chuẩn 9.....	115
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	115
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình	116
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến	118
Tiêu chí: 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra..	119
Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học	121
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.	124
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....	127
Kết luận về tiêu chuẩn 10:	128
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	129
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	129
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	132
Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	133
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	135
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên có liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh	137
Kết luận về Tiêu chuẩn 11:.....	138
PHẦN III. KẾT LUẬN	115
1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo Thạc sĩ QLGD	140
2. Những điểm tồn tại và vấn đề cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo ngành QLGD	147
PHẦN IV. PHỤ LỤC	158

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
1.	ANTT	An ninh trật tự
2.	BM	Bộ môn
3.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
4.	CĐR	Chuẩn đầu ra
5.	CNTT-TT	Công nghệ thông tin-Truyền thông
6.	CTDH	Chương trình dạy học
7.	CTĐT	Chương trình đào tạo
8.	CSVC	Cơ sở vật chất
9.	CVHT	Cổ vấn học tập
10.	CBGV	Cán bộ giáo viên
11.	CBVC-LĐ	Cán bộ viên chức – Lao động
12.	CBQL	Cán bộ quản lý
13.	ĐCCT	Đề cương chi tiết
14.	ĐBCL&KT	Đảm bảo chất lượng và khoa thí
15.	ĐGKQ	Đánh giá kết quả
16.	ĐHHĐ	Đại học Hồng Đức
17.	ĐNGV	Đội ngũ giảng viên
18.	ĐCCTHP	Đề cương chi tiết học phần
19.	GDDH	Giáo dục đại học
20.	GV	Giảng viên
21.	HV	Học viên
22.	HSSV	Học sinh sinh viên
23.	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
24.	MC	Minh chứng
25.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
26.	PPGD	Phương pháp giảng dạy
27.	QLKH	Quản lý khoa học
28.	QLGD	Quản lý giáo dục
29.	QLĐT	Quản lý đào tạo
30.	QLSV	Quản lý sinh viên
31.	QLĐT SDH	Quản lý đào tạo sau đại học
32.	TLGD	Tâm lý-Giáo dục
33.	TC-HC-QT	Tốt chức-Hành chính-Quản trị
34.	TTTT-TV	Trung tâm thông tin-Thư viện

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Quan hệ giữa mục tiêu CTĐT ThS QLGD và Tầm nhìn – Sứ mạng của Nhà trường	14
Bảng 3.1. Cơ cấu kiến thức của CTDH THS QLGD 2020	38
Bảng 3.2. Cơ cấu kiến thức của CTDH THS QLGD 2022 - nghiên cứu.....	38
Bảng 3.3. Cơ cấu kiến thức của CTDH THS QLGD 2022 - ứng dụng.....	38
Bảng 6.1. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2021 - 2022.....	61
Bảng 6.2. Số lượng GV tham gia hướng dẫn giai đoạn 2017 - 2022	62
Bảng 6.3. Cơ cấu số lượng CBGV cơ hữu tham gia CTĐT giai đoạn 2017- 2022	62
Bảng 6.4. Số lượng giảng viên làm việc toàn thời gian của chương trình Quản lý giáo dục năm học 2021-2022	64
Bảng 6.5 Tỷ lệ người học/giảng viên của ngành.....	64
Bảng 6.6. Kết quả đánh giá xếp loại GV của CTĐT giai đoạn 2017 - 2022.....	65
Bảng 6.7. Thống kê đội ngũ cán bộ - giảng viên Khoa TLGD giai đoạn 2017-2022 ...	69
Bảng 6.8. Số lượng GV của CTĐT tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn giai đoạn 2017 - 2022	73
Bảng 6.9. Kết quả thi đua, khen thưởng GV của CTĐT giai đoạn 2017 - 2022.....	75
Bảng 6.10: Bảng thống kê các công trình NCKH do CBGV Khoa đảm nhận trong 5 năm gần đây (2017-2022).....	78
Bảng 6.11: Bảng thống kê bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế của CBGV Khoa giai đoạn 2017-2022	78
Bảng 6.12: Bảng thống kê các tài liệu phục vụ dạy học được xuất bản của GV tham gia CTĐT trong 5 năm gần đây (2017- 2022).....	78
Bảng 8.1: Thống kê tình hình nhập học của HV cao học năm thứ nhất.....	94
Bảng 8.2: Thống kê tình hình tốt nghiệp của học viên cao học QTKD	96
Bảng 10.1. Số lượng bài báo đăng tạp chí trong các năm 2017-2022.....	123
Bảng 11.1. Tỷ lệ người học Thạc sỹ QLGD tốt nghiệp và thôi học 5 khóa (K9-K13 và K14a)	130
Bảng 11.2 Tỷ lệ người học thạc sỹ QLGD chưa tốt nghiệp 5 khóa (K9 - K13)	130

Bảng 11.3. Đối sánh tỷ lệ HV tốt nghiệp, tỷ lệ HV thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình	131
Bảng 11.4. Thống kê số lượng HV tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn;	131
thời gian tốt nghiệp.....	131

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chương trình đào tạo (CTĐT) Thạc sĩ Quản lý giáo dục (QLGD) của Trường Đại học Hồng Đức được xây dựng và tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 2015, sau khi Trường được Bộ GD&ĐT chấp thuận cho đào tạo Thạc sĩ QLGD. Đây là một trong những ngành học có tính thực tiễn, tính quốc tế hoá và nhu cầu cao trong giai đoạn hội nhập và phát triển kinh tế. Trong quá trình đào tạo, ngành liên tục có những cải tiến. CTĐT được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật thường xuyên (năm 2015, 2018, 2020, 2022). CTĐT Thạc sĩ QLGD khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Về mặt nội dung và kết cấu, CTĐT Thạc sĩ QLGD được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các CTĐT Thạc sĩ QLGD của các trường đại học lớn trong và ngoài nước như: Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại Học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên; Đại học Sư Phạm thành phố Hồ Chí Minh; Đại học KHXH&NV thành phố Hồ Chí Minh; Các chương trình đào tạo QLGD của các trường đại học trên thế giới như Thái Lan, Anh; Tây Ban Nha. Trong quá trình thực hiện CTĐT Khoa và Nhà trường đã tổ chức rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTĐT, điều chỉnh trên cơ sở tiếp thu ý kiến đánh giá của người học trong quá trình học và sau khi tốt nghiệp về chất lượng Chương trình dạy học (CTDH), tiếp thu ý kiến đánh giá của cán bộ giảng dạy, ý kiến chuyên gia và đánh giá của Hội đồng Khoa Tâm lý- Giáo dục (TLGD). Trên cơ sở đó có những điều chỉnh phù hợp, đảm bảo người học đạt được Chuẩn đầu ra (CĐR) về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp.

Cấu trúc báo cáo tự đánh giá CTĐT Thạc sĩ QLGD bao gồm 4 phần:

+ Phần I: Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng mô tả sự tham gia của các bên liên quan (Khoa, phòng, ban, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức bộ phận này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục là: (1) *Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể*; (2) *Nêu những điểm mạnh của CTĐT*; (3) *Điểm tồn tại*; (4) *Kế hoạch cải tiến chất lượng và* (5) *Tự đánh giá*.

+ Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ Phần IV: Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo

công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT, cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT Thạc sĩ QLGD được xây dựng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, phần tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT Thạc sĩ QLGD được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, CĐR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung CTDH và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5- đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7- hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ giảng viên (CBGV), nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8- tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9- gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học (NCKH); tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT Thạc sĩ QLGD

1.2 Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ tự đánh giá

+ Mục đích tự đánh giá:

Trên cơ sở bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Hồng Đức, Khoa TLGD và Bộ môn quản lý CTĐT Thạc sĩ QLGD tự rà soát, đánh giá được thực trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất (CSVC), cũng như các vấn đề liên quan khác. Từ kết quả đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu trong công tác đào tạo, NCKH và tổng thể các hoạt động khác của CTĐT, Nhà trường, Khoa và ngành đào tạo tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện, đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo Thạc sĩ QLGD. đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và nhu cầu xã hội ngày càng cao, góp phần xây dựng Khoa TLGD, Trường Đại học Hồng Đức (ĐHHĐ) trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu uy tín trong cả nước.

Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Bên cạnh đó, với việc phân tích, so sánh kết quả hoạt động theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo Thạc sĩ QLGD có thể xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Từ đó, đăng ký kiểm định chất lượng ngành đào tạo với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

Phạm vi tự đánh giá: Đánh giá tất cả các hoạt động trong việc thực hiện CTĐT Thạc sĩ QLGD thuộc Khoa TLGD của Trường Đại học Hồng Đức theo bộ tiêu chuẩn

đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

+ Công cụ đánh giá:

- Hoạt động tự đánh giá được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT;

- Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

Hội đồng tự đánh giá: Thành lập theo QĐ số 2260/QĐ-ĐHHĐ ngày 24/11/2021 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Trường Đại học Hồng Đức năm học 2021-2022, Hội đồng gồm 21 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá: Ban thư ký và nhóm chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 2161/QĐ-ĐHHĐ ngày 24/11/2022. Ban thư ký gồm 07 thành viên, nhóm chuyên trách gồm 18 thành viên.

Thực hiện đánh giá CTĐT Thạc sĩ QLGD được thực hiện theo phương pháp tổng hợp, so sánh, đối chiếu...Trên cơ sở thu thập thông tin, lấy ý kiến từ cựu học viên (HV), nhà tuyển dụng, GV, các chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Các thành viên trong ban thư ký đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

+ Quy trình tự đánh giá:

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng (MC);

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;

Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

+ Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và mã minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; có 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau:Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng”.

- N: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...).

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

2. Tổng quan chung

2.1. Tổng quan chung về Trường Đại học Hồng Đức

2.1.1. Giới thiệu chung

Ngày 24/9/1997 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 797/QĐ-TTG thành lập Trường ĐHHĐ trên cơ sở 3 trường Cao đẳng đã có bề dày đào tạo hơn 40 năm gồm: Trường Cao đẳng Sư phạm, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hoá. Trường ĐHHĐ là trường đại học đầu tiên trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam được thành lập theo mô hình mới: Đại học công lập, đa ngành, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ GD&ĐT. Sự ra đời của Trường ĐHHĐ là niềm tự hào của nhân dân các dân tộc trong Tỉnh. Đây là trường đại học đầu tiên trên quê hương xứ Thanh, mảnh đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa và cách mạng; có truyền thống hiếu học và Khoa bảng hàng nghìn năm.

Hoạt động với các giá trị cốt lõi là Hiền tài - Đổi mới sáng tạo - Trách nhiệm - Hội nhập, tầm nhìn đến năm 2040, Trường ĐHHĐ là cơ sở giáo dục đại học tin cậy, có uy tín về đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ trong nước, một số ngành/chuyên ngành đào tạo mũi nhọn có uy tín trong khu vực ASEAN.

Trường ĐHHĐ có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động, NCKH, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước. Trường ĐHHĐ hoạt động với phương châm: Lấy người học, lợi ích của người sử dụng sản phẩm đào tạo và NCKH của trường làm trung tâm cho mọi hoạt động; đồng thời chất lượng, hiệu quả đào tạo là mục tiêu, nguyên tắc và là định hướng cho các hoạt động đào tạo, NCKH của Nhà trường. Đây là yếu tố then chốt quyết định đến sự mở rộng và phát triển của Trường ĐHHĐ trong lĩnh vực đào tạo, hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ. Tháng 7/2007, Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ và đến tháng 9 năm 2014 được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ. Bằng việc hoàn thiện các bậc đào tạo, Trường ĐHHĐ đã đánh dấu

bước ngoặt quan trọng trong hoạt động đào tạo và phát triển của Nhà trường.

Điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường ngày càng lớn mạnh, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển. Nhà trường hiện có 137 phòng học nhỏ với tổng 6.850 chỗ ngồi và 19 phòng học lớn với tổng 1.582 chỗ ngồi; hệ thống phòng thực hành được xây dựng với đầy đủ máy móc thiết bị hiện đại có tổng giá trị lên tới hàng chục tỷ đồng, hiện có 42 phòng thí nghiệm và thực hành được bố trí hệ thống máy móc, trang thiết bị, phần mềm đầy đủ, có đủ ánh sáng, điện, nước, quạt thông gió, máy điều hành tại các phòng máy tính, góp phần đưa các hoạt động đào tạo của Nhà trường đi vào nề nếp; khu ký túc xá được xây dựng mới và cải tạo nâng cấp theo hướng hiện đại, đảm bảo an toàn; hệ thống sân chơi bãi tập được đầu tư xây dựng mới đáp ứng yêu cầu luyện tập và vui chơi, giải trí của người học; công tác quản lý chất lượng giáo dục được cải tiến, chất lượng giáo dục được nâng cao đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho tỉnh Thanh Hóa và xã hội.

Nhà trường đã và đang liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu đào tạo các ngành, chuyên ngành đại học và sau đại học. Năm 2015, liên kết với Trường Đại học Công nghệ Hoàng Gia Thanyaburi (Thái Lan) tuyển sinh đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh quốc tế theo hình thức 1+3; đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) với trường Đại học Soongsil, Hàn Quốc. Bên cạnh đó, trường cũng đã và đang đào tạo hơn 320 lưu học sinh (Trình độ đại học và trình độ thạc sĩ) cho tỉnh Hòa Phăn, nước CHDCND Lào.

Quy mô đào tạo của Nhà trường từng bước được mở rộng hợp lý. Đến nay, Nhà trường chủ trương ổn định quy mô khoảng 9.000 đến 11.000 SV, HV; đã và đang tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu xây dựng thương hiệu một số ngành đào tạo chất lượng cao.

Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng bằng việc xây dựng và ban hành CDR của các ngành, chuyên ngành thuộc các bậc đào tạo; đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực và phát huy năng lực người học, kết hợp với các cơ sở thực hành, thực tập, biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo; đổi mới công tác kiểm tra đánh giá thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá quá trình học tập. Đề thi được ra theo hướng tổng hợp, vận dụng kiến thức thực tiễn, thực hành nhằm nâng cao chất lượng đào tạo hành nghề cho người học.

Về NCKH, chỉ trong 5 năm qua, cán bộ giảng viên Nhà trường đã triển khai thực hiện 8 đề tài Khoa học cấp Nhà nước (và tương đương), 30 đề tài cấp tỉnh và hơn 250 đề tài cấp cơ sở. Nhiều đề tài đã được áp dụng và góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ các mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh. Một số sản phẩm từ kết quả nghiên cứu của nhà trường đã được thương mại hóa, ứng dụng,

chuyển giao rộng rãi ra một số tỉnh, thành trong cả nước như: Giống lúa Hồng Đức 9, Bom thủy năng HDBT, Công nghệ xử lý môi trường, Bộ chế phẩm Trico - HDU, giống ngô QT55... SV toàn trường cũng đã thực hiện 1.080 đề tài NCKH cấp Bộ GD&ĐT, đạt 3 giải nhì, 9 giải ba và 7 giải khuyến khích. Hằng năm, cán bộ giảng viên đã công bố hàng trăm công trình NCKH trên các tạp chí Khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế. Năm 2008, Nhà trường được Bộ Văn hóa thông tin và truyền thông cho phép xuất bản Tạp chí Khoa học có chỉ số quốc tế ISSN. Hiện Tạp chí Khoa học của Nhà trường xuất bản 6 số/năm trong đó có 1 số bằng Tiếng Anh, có 5 ngành được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính điểm công trình.

Về hợp tác quốc tế, từ năm 1997 đến nay, trường đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác quốc tế với hơn 40 trường đại học và các tổ chức quốc tế ở Mỹ, Canada, Úc và nhiều nước châu Âu, châu Á; cử 186 lượt cán bộ đi học tập, công tác ở nước ngoài, đón và làm việc với 464 lượt khách quốc tế, cử 76 cán bộ đi học các khóa đào tạo ngắn, dài hạn theo chương trình hợp tác với nước ngoài, tiếp nhận 23 giáo viên tình nguyện đến giảng dạy tiếng Anh tại trường,... Thực hiện đề án liên kết đào tạo đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài bằng nguồn ngân sách địa phương, Nhà trường đã tổ chức đào tạo được 6 khoá tiếng Anh quốc tế cho 144 học viên, gửi được 117 học viên đi học tại 57 trường đại học trên thế giới (trong đó có 18 cán bộ đi đào tạo tiến sĩ, 78 cán bộ đi học thạc sĩ và 21 người học đại học).

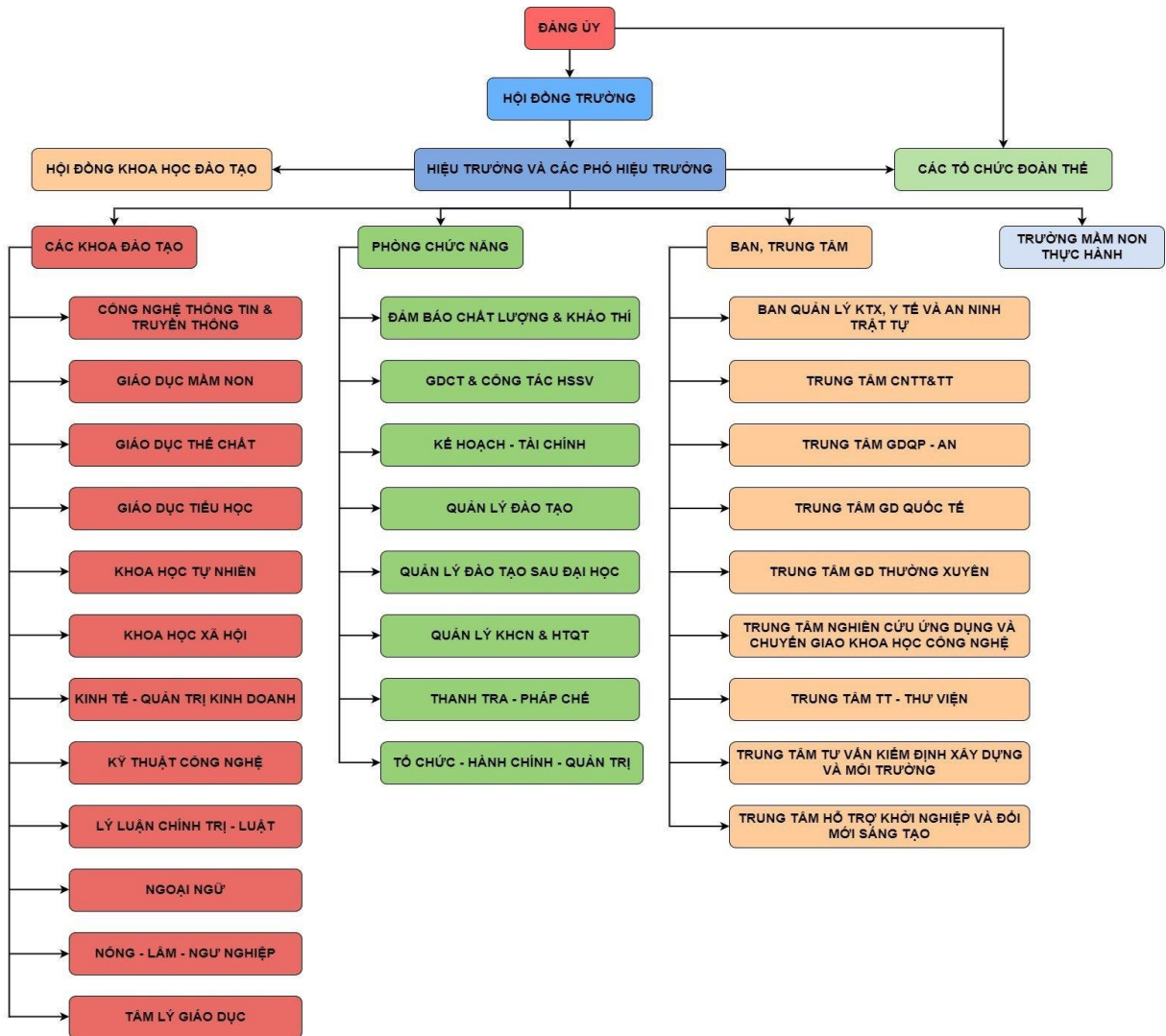
2.1.2. Cơ cấu tổ chức

Ngay sau khi có Quyết định thành lập Trường, ngày 24/12/1997, Tỉnh ủy Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 377-QĐ/TU về việc thành lập Đảng bộ Trường ĐHHĐ trực thuộc Đảng ủy khối cơ quan cấp Tỉnh. Từ tháng 9 năm 2002, Đảng bộ Nhà trường trực thuộc Tỉnh ủy. Từ tháng 5 năm 2018, Đảng bộ trường trực thuộc Đảng ủy khối cơ quan cấp Tỉnh, nay là Đảng ủy khối Cơ quan và Doanh nghiệp Tỉnh. Các tổ chức chính trị, đoàn thể trong trường trực thuộc tổ chức đoàn thể cấp Tỉnh.

Khi mới thành lập, bộ máy tổ chức của Nhà trường gồm 24 đơn vị trực thuộc, trong đó có 10 khoa, 7 phòng, 1 ban và 3 trung tâm. Nhà trường có 771 cán bộ, giảng viên, trong đó có 11 tiến sĩ, 80 thạc sĩ; tỷ lệ cán bộ, giảng viên đạt trình độ sau đại học là 18%. Trường có 3 cơ sở: Cơ sở 1 (Cao đẳng Sư phạm) tọa lạc tại phường Đông Sơn; cơ sở 2 (Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật) đặt tại phường Trường Thi; cơ sở 3 (Cao đẳng Y tế) tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.

Năm 2011, Ban Giám hiệu và các phòng ban chuyển văn phòng làm việc về cơ sở chính tại phường Đông Vệ. Ngoài ra, Nhà trường còn có Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại xã Quảng Thành, Thành phố Thanh Hoá.

Tính đến tháng 12/2022, Nhà trường có 12 khoa, 8 phòng, 1 ban, 7 trung tâm, 01 trường Mầm non thực hành. Cơ cấu tổ chức trường ĐHHĐ được thể hiện tại hình 1.



Hình 1. Hệ thống cơ cấu tổ chức của Trường ĐHHĐ

Về đội ngũ CBGV: Nhà trường hiện có 451 GV cơ hữu, trong đó có 28 Phó giáo sư, 169 tiến sĩ, 254 thạc sĩ. Nhà trường đang tổ chức đào tạo 05 chuyên ngành tiến sĩ, 19 chuyên ngành thạc sĩ, 34 ngành đại học, 01 ngành cao đẳng Mầm non hệ chính quy. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã đào tạo được 14.468 người tốt nghiệp (1.186 thạc sĩ, 11.328 đại học, 1.397 cao đẳng và 557 trung cấp) góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trình độ cao cho Tỉnh và đất nước.

Trải qua quá trình hơn gần 25 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã vinh dự nhận được nhiều bằng khen và các danh hiệu cao quý do Nhà nước tặng: Huân chương Lao động hạng Ba (2002), Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2011), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2017). Năm 2017, Nhà trường được công nhận Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Năm 2019, Nhà trường được xếp hạng 49/256 cơ sở giáo dục đại học có công bố quốc tế tốt nhất Việt Nam. Năm 2017, Nhà trường được Webometrics xếp thứ 45/100 trường đại học tốt nhất Việt Nam, năm 2020 xếp thứ 36 và năm 2022 xếp thứ 30/100 trường đại học tốt nhất tại Việt Nam.

2.1.3. Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu chiến lược của nhà trường là: Đổi mới toàn diện, thực chất công tác quản trị, quản lý Nhà trường tiên tiến, hiện đại; xây dựng đội ngũ CBGV, nhân viên có phẩm chất, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập; nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, tăng khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động, gắn đào tạo với sử dụng; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tăng cường hợp tác quốc tế; đầu tư trang thiết bị theo hướng đồng bộ, hiện đại; từng bước tiến tới tự chủ chi thường xuyên.

Đến năm 2030: Trường ĐHHĐ trở thành trường đại học thông minh, đổi mới sáng tạo; là trung tâm đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, có uy tín trong nhóm các trường đại học hàng đầu của khu vực và cả nước; nằm trong top 200 trường đại học trong khối ASEAN.

Đến năm 2045: Trường ĐHHĐ trở thành trường đại học đổi mới sáng tạo; là trung tâm đào tạo và NCKH mạnh của cả nước; nằm trong top 150 trường đại học trong khối ASEAN; hội nhập với các trường đại học tiên tiến trên thế giới”.

2.1.4. Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

▪ Sứ mệnh

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đa ngành, đa lĩnh vực, có chất lượng cao, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; NCKH, chuyển giao công nghệ phục vụ giáo dục đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

▪ Tầm nhìn

Đến năm 2045, Trường ĐHHĐ là trường đại học thông minh, đổi mới sáng tạo; là trung tâm đào tạo và NCKH mạnh của cả nước; hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khối ASEAN và quốc tế.

▪ Các giá trị cốt lõi

Hiền tài - Đổi mới sáng tạo - Trách nhiệm - Hội nhập

▪ Triết lý giáo dục

Toàn diện - Trải nghiệm - Thực nghiệm - Thực tài

▪ ***Quan điểm phát triển***

- Là cơ sở giáo dục đại học theo định hướng ứng dụng, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ;

- Xây dựng và phát triển Trường ĐHHĐ phải gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa; hoạt động đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trước hết phải phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho Tỉnh, sau đó là khu vực, đất nước và quốc tế;

- Xây dựng và phát triển Trường ĐHHĐ một cách toàn diện, dựa trên khai thác, sử dụng tổng hợp hiệu quả và bền vững các nguồn lực trong và ngoài trường;

- Nâng cao tính tự chủ và trách nhiệm giải trình xã hội; hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ.

2.1.5. Những thay đổi, cải tiến chất lượng của Nhà trường sau ĐGN

Cho đến nay, Nhà trường đã thực hiện kiểm định Trường chu kỳ 2 năm 2022 và đã đánh giá ngoài 14 CTĐT. Trên cơ sở các kết quả kiểm định Trường và đánh giá CTĐT, Nhà trường đã ban hành các văn bản để triển khai thực hiện cải tiến chất lượng Nhà trường cũng như các CTĐT: Kế hoạch số 167/KH-ĐHHĐ ngày 12/7/2022 về cải tiến chất lượng giáo dục Trường ĐHHĐ sau ĐGN giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 64/KH-ĐHHĐ ngày 14/02/2022 và kế hoạch số 100/KH-ĐHHĐ ngày 25/5/2022 về hành động khắc phục và cải tiến chất lượng CTĐT sau ĐGN của Trường ĐHHĐ đối với các CTĐT kiểm định năm 2022. Các kết quả cải tiến chất lượng được định kỳ báo cáo theo quy định của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 và Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 về chế độ báo cáo định kỳ.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành các văn bản thực hiện cải tiến chất lượng Nhà trường: Nghị quyết số 14/NQ-HĐT ngày 28/6/2022 về việc thông của Chính sách chất lượng giáo dục Trường ĐHHĐ giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 198/KH-ĐHHĐ ngày 22/8/2022 về so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục của Nhà trường năm học 2022-2023; Kế hoạch 210/KH-ĐHHĐ ngày 08/9/2022 về bảo đảm chất lượng năm học 2022-2023; Hướng dẫn số 12/HD-ĐHHĐ ngày 30/01/2023 về công tác vận hành hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong tại Trường ĐHHĐ; Kế hoạch số 21/KH-ĐHHĐ ngày 09/02/2023 về bảo đảm chất lượng giáo dục giai đoạn 2023-2025;

Hội đồng bảo đảm chất lượng Trường ĐHHĐ và các tổ bảo đảm chất lượng giáo dục ở các đơn vị cũng được kiện toàn (Quyết định số 886/QĐ-ĐHHĐ ngày 05/5/2022; Quyết định số 2619/QĐ-ĐHHĐ ngày 07/11/2022; Quyết định số 2975/QĐ-ĐHHĐ ngày 09/12/2022; Quyết định số 3268/QĐ-ĐHHĐ ngày 21/12/2022).

2.2. Tổng quan về Khoa Tâm lý - Giáo dục

Khoa TLGD hiện có 19 CBGV, nhân viên (trong đó 1 cán bộ hành chính kiêm quản lý sinh viên). Khoa đào tạo Thạc sĩ QLGD và ngành ĐH Tâm lý học. Ngoài ra, CBGV trong khoa tham gia đào tạo các ngành Sư phạm, kinh tế, Nông lâm trong nhà trường. Khoa đào tạo Thạc sĩ QLGD được tuyển sinh bắt đầu từ năm học 2016-2017, đã và đang đào tạo 460 HV. ĐNGV trong khoa có 7 tiến sĩ (trong đó có 1 PGS), ngoài ra có 8 PGS.TS là lãnh đạo nhà trường, cán bộ quản lý (CBQL) một số đơn vị cùng tham gia đào tạo, 2 cán bộ thỉnh giảng tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ.

2.3. Tổng quan về chuyên ngành Quản lý giáo dục

Chuyên ngành Thạc sĩ QLGD được tuyển sinh bắt đầu từ năm học 2016-2017, đã và đang đào tạo 460 HV. Mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có năng lực phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực QLGD, quản trị cơ sở giáo dục; ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ trong quản trị trong cơ sở giáo dục, có năng lực quản lý, quản trị giáo dục và năng lực nghiên cứu ứng dụng trong khoa học QLGD, phát hiện và giải quyết các vấn đề về thực tiễn giáo dục cũng như trong quản lý, quản trị cơ sở giáo dục; có năng lực nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong quản lý, quản trị và hoạt động nghề nghiệp đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng trong thời kỳ chuyển đổi số.

CTĐT được thiết kế đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra:

**** Kiến thức***

PLO1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của Triết học Mác – Lênin để xây dựng một thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng, kiến thức Tâm lý học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn QLGD;

PLO2. Kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu, hiện đại và tiên tiến về khoa học QLGD và kiến thức liên ngành có liên quan; nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong QLGD, quản trị cơ sở giáo dục; phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu trong QLGD và quản trị các cơ sở giáo dục; kiến thức thực tế và chuyên sâu về quản lý xây dựng văn hóa nhà trường, về kiểm tra, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; Kinh tế học giáo dục;

PLO3: Phân tích, đánh giá thực tiễn và xu hướng giáo dục; nghiên cứu và dự báo giáo dục, xây dựng chính sách và chiến lược phát triển giáo dục; các nghiên cứu về tiếp cận hiện đại và quản lý sự thay đổi trong giáo dục; quản trị hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học;

PLO4: Nghiên cứu ứng dụng khoa học giáo dục và QLGD; kiến thức liên ngành để phục vụ cho công tác

**** Kỹ năng***

PLO5: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin trong quản trị

các cơ sở giáo dục để đưa ra các giải pháp xử lý vấn đề một cách khoa học, sáng tạo và hiệu quả; Kỹ năng truyền đạt trí thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với những người cùng ngành và với những người khác

PLO6: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý trong cơ sở giáo dục; kỹ năng quản lý xây dựng văn hóa nhà trường, kỹ năng quản lý sự thay đổi trường học và lôi cuốn đồng nghiệp tham gia; kỹ năng đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục nhà trường, tư vấn hướng đồng nghiệp cùng thực hiện

PLO7: Kỹ năng phát triển các kết quả nghiên cứu cơ bản trong thực tiễn, ứng dụng các giải pháp nghiên cứu cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị; kỹ năng quản trị trong giáo dục, quản trị xây dựng văn hóa nhà trường, quản lý sự thay đổi trường học và lôi cuốn đồng nghiệp tham gia; kỹ năng thanh tra, kiểm tra và đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục nhà trường, tư vấn hướng đồng nghiệp cùng thực hiện.

PLO8: Kỹ năng nghiên cứu, phát triển và sử dụng các công nghệ linh hoạt, sáng tạo trong học thuật và quản trị cơ sở giáo dục; có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

** Mức tự chủ và trách nhiệm*

PLO9: Nghiên cứu đưa ra những sáng kiến quan trọng trong quản lý, quản trị cơ sở giáo dục; Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; Đưa ra những kết luận có tính chuyên gia trong lĩnh vực quản trị, quản lý giáo dục; Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động quản trị và quản lý giáo dục.

PLO10: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và giải trình xã hội trong quản lý, quản trị trong cơ sở giáo dục và quản lý hoạt động giáo dục; tích cực trong tiếp nhận và tạo ra sự thay đổi

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)

Trường ĐHHĐ được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo Thạc sĩ QLGD từ tháng 10 năm 2015. Đây là một trong những ngành học có tính thực tiễn và quan trọng trong lĩnh vực giáo dục, đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn cán bộ QLGD trong xu thế đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế. Chính vì vậy, ngay từ khi nghiên cứu xây dựng CTĐT Nhà trường đã xác định rất rõ mục tiêu phải phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, nhu cầu xã hội và phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật giáo dục đại học. CDR bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT cũng như thường xuyên rà soát, cập nhật để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, phù hợp với Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Từ tháng 10 năm 2015, Trường ĐHHĐ được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo trình độ Thạc sĩ QLGD [H1.01.01.01]. Trong quá trình đào tạo, mục tiêu của CTĐT đã được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường ứng với từng giai đoạn cụ thể [H1.01.01.02], phù hợp với Mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật giáo dục đại học hiện hành [H1.01.01.03].

Mục tiêu của CTĐT Thạc sĩ QLGD được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật dựa trên các quy định và văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.04], của trường [H1.01.01.05], tầm nhìn và sứ mạng của Trường trong từng giai đoạn [H1.01.01.02]. Để có cơ sở cho các lần chỉnh sửa mục tiêu của CTĐT (2020, 2022), tổ soạn thảo đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khảo sát các bên có liên quan, Nhà trường thành lập hội đồng thẩm định CTĐT, có mời các đơn vị sử dụng lao động tham gia phản biện CTĐT để góp ý mục tiêu, CDR, CTDH. Do vậy, mục tiêu của CTĐT thạc sĩ QLGD được chỉnh sửa, hoàn thiện sau khi tổng hợp các ý kiến của các bên có liên quan, qua ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động trong Hội đồng thẩm định CTĐT, sau đó thông qua thảo luận, phân tích và thống nhất của Hội đồng Khoa [H1.01.01.06]. Trường ĐHHĐ đã xác định mục tiêu CTĐT gồm mục tiêu chung và

mục tiêu cụ thể phù hợp với qui định của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.04], phù hợp với các ý kiến của các bên có liên quan [H1.01.01.06], được thể hiện đầy đủ trong [H1.01.01.07] của các năm 2020 và 2022, trong bản mô tả CTĐT [H1.01.01.08] của các năm 2019, 2020 và 2022. Trong mỗi CTĐT, mục tiêu được xác định rõ ràng gồm mục tiêu chung mô tả khái quát kỳ vọng về năng lực, triển vọng nghề nghiệp của học viên (HV) sau khi tốt nghiệp; mục tiêu cụ thể mô tả chi tiết về năng lực kiến thức, kỹ năng, phẩm chất thái độ và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của HV cần đạt được nhằm đáp ứng mục tiêu chung của CTĐT. Đặc biệt, mục tiêu chung của CTĐT phiên bản năm 2022 theo định hướng nghiên cứu tập trung hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản về QLGD và quản trị cơ sở giáo dục. Mục tiêu chung của CTĐT phiên bản năm 2022 theo định hướng ứng dụng tập trung hình thành và phát triển cho người học năng lực phát triển các kết quả nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực quản lý, quản trị các cơ sở giáo dục. Thạc sĩ QLGD là ngành học có tính ứng dụng cao vì vậy mục tiêu CTĐT được xác định tập trung nâng cao kiến thức và rèn luyện thuần thực kỹ năng quản trị giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu điều hành quản lý tổ chức, cơ sở giáo dục. Như vậy mục tiêu CTĐT được xác định rõ ràng, cụ thể bao gồm kiến thức, kỹ năng, phẩm chất thái độ và được xây dựng khoa học, có thể đo lường đánh giá được, từ đó làm căn cứ quan trọng triển khai xây dựng CDR, ma trận kỹ năng [H1.01.01.09] và đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP) [H1.01.01.10].

Mục tiêu CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.12] trong đó chuyên ngành QLGD được chọn là chuyên ngành quan trọng đối với khối sư phạm, giáo dục, vì vậy mục tiêu CTĐT được xây dựng nhằm giúp người học tích lũy kiến thức và rèn luyện, phát triển kỹ năng quản trị giáo dục từ đó dễ dàng thích ứng trong nhiều môi trường công việc. Cụ thể “Đào tạo thạc sĩ QLGD có kiến thức thực tế, lý thuyết sâu rộng, hiện đại/cập nhật về quản trị và QLGD; có kỹ năng lãnh đạo, điều hành chuyên nghiệp các cơ sở giáo dục phù hợp với bối cảnh thực tế”. Khi xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CTĐT ngành QLGD, tổ soạn thảo CTĐT đã nghiên cứu, phân tích và hiện thực hoá một phần sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường vào mục tiêu đào tạo. Các lần rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đều được tổng hợp, thảo luận, thống nhất và báo cáo trình Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt [H1.01.01.06].

**Bảng 1.1: Quan hệ giữa mục tiêu CTĐT ThS QLGD và
Tầm nhìn – Sứ mạng của Nhà trường**

Sứ mạng – Tầm nhìn	Mục tiêu CTĐT ban hành năm 2020	Mục tiêu CTĐT ban hành năm 2022
<p>Sứ mạng: Trường ĐHHĐ có sứ mạng ĐT nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; NCKH, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước.</p> <p>Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường ĐHHĐ là địa chỉ tin cậy, có uy tín về ĐT, NCKH và chuyển giao công nghệ ở một số chuyên ngành mũi nhọn thuộc các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục, kỹ thuật công nghệ, nông - lâm - ngư nghiệp, kinh tế (mỗi</p>	<p>CTĐT Thạc sĩ QLGD nhằm đào tạo CBQL, cán bộ nghiên cứu, GV và chuyên viên có trình độ tri thức sâu rộng về khoa học quản lý, có năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu công tác ở các cơ sở giáo dục, đào tạo, các tổ chức giáo dục, có năng lực NCKH giáo dục, phát hiện và giải quyết có hiệu quả các vấn đề của thực tiễn giáo dục.</p>	<p>CTĐT Thạc sĩ QLGD theo định hướng nghiên cứu nhằm đào tạo nguồn nhân lực có năng lực nghiên cứu chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong QLGD và quản trị cơ sở giáo dục, có năng lực phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các khoa học ứng dụng và công nghệ; có năng lực quản lý, quản trị giáo dục và năng lực nghiên cứu về khoa học QLGD; năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề về thực tiễn giáo dục, thực tiễn QLGD trong các cơ sở giáo dục; có năng lực nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong quản lý, có khả năng thích ứng với thay đổi, quản trị và hoạt động nghề nghiệp đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng trong thời kỳ chuyển đổi số.</p> <p>CTĐT Thạc sĩ QLGD theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo nguồn nhân lực có năng lực phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực quản lý giáo dục, quản trị cơ sở giáo dục; ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ trong quản trị trong cơ sở giáo dục, có năng lực quản lý, quản trị giáo</p>

Sứ mạng – Tầm nhìn	Mục tiêu CTĐT ban hành năm 2020	Mục tiêu CTĐT ban hành năm 2022
lĩnh vực ngành chọn 1-2 chuyên ngành) đạt trình độ ngang tầm với các trường ĐH lớn trong khu vực miền Trung.		dục và năng lực nghiên cứu ứng dụng trong khoa học QLGD, phát hiện và giải quyết các vấn đề về thực tiễn giáo dục cũng như trong quản lý, quản trị cơ sở giáo dục; có năng lực nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong quản lý, quản trị và hoạt động nghề nghiệp đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng trong thời kỳ chuyển đổi số.

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật giáo dục đại học: Mục tiêu GDDH được quy định tại Điều 5, Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật giáo dục đại học Số 42/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018, Cụ thể “Đào tạo trình độ thạc sĩ để HV có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo”.[H1.01.01.03]. Từ đó, nhà trường chỉ đạo xây dựng mục tiêu của CTĐT thạc sĩ QLGD bám sát các tiêu chí cơ bản của Luật giáo dục đại học như “Học viên có kiến thức thực tế, lý thuyết sâu rộng, hiện đại/cập nhật về quản trị và QLGD; Có kỹ năng lãnh đạo, điều hành chuyên nghiệp các cơ sở giáo dục phù hợp với bối cảnh thực tế; Có đạo đức, trách nhiệm xã hội cao và có khả năng tiếp tục học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu công việc; Có trình độ ngoại ngữ đạt chuẩn 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Quốc gia Việt Nam”. Tất cả mục tiêu CTĐT đều được đăng tải công khai trên website của nhà trường để người học, đơn vị tuyển dụng và những ai quan tâm dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu [H1.01.01.07], [H1.01.01.08].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT Thạc sĩ QLGD đã được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nguồn nhân lực

QLGD, phù hợp với khung trình độ Quốc gia Việt Nam, phù hợp với Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ GDDH được qui định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT; phù hợp với Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường ĐHHĐ tại Quyết định 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ; phù hợp với qui định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông, chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non. Quá trình xây dựng, điều chỉnh, cập nhật mục tiêu của CTĐT qua các lần điều chỉnh CTĐT (2020, 2022) đã được thực hiện theo đúng qui định, qui trình được thực hiện nghiêm túc và đảm bảo tính khách quan dựa trên khảo sát, lấy ý kiến của các bên có liên quan như Đơn vị sử dụng lao động, cựu HV, HV, giảng viên (GV) chuyên gia để đảm bảo mục tiêu của CTĐT ngày càng hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu đào tạo Thạc sĩ QLGD trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT hiện nay.

Mục tiêu của CTĐT được xây dựng phù hợp với từng giai đoạn phát triển của giáo dục, của đơn vị đào tạo và nhu cầu của xã hội thông qua việc thực hiện khảo các bên liên quan để điều chỉnh và cập nhật các nội dung mới của chuyên ngành QLGD phù hợp với thực tế nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc triển khai lấy ý kiến các bên có liên quan đến mục tiêu của CTĐT còn hạn chế về số lượng các đối tượng, chưa tổ chức được nhiều hội thảo bàn về mục tiêu CTĐT Thạc sĩ QLGD.

4. Kế hoạch hành động

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng kế hoạch rà soát cập nhật, điều chỉnh CTĐT thường xuyên và kịp thời, đáp ứng với những thay đổi về xu hướng phát triển giáo dục.	Phòng QLĐT SDH, Khoa TLGD	Đầu khoá tuyển sinh (từ năm 2022-2023)
2	Khắc phục hạn chế	- Tăng cường số lượng đối với từng loại đối tượng lấy ý kiến	Phòng QLĐT SDH,	Đầu và cuối mỗi

	khảo sát trong xây dựng mục tiêu CTĐT để điều chỉnh và cập nhật phù hợp với thực tế và đảm bảo tính khách quan. - Tổ chức các hội thảo và mời các thành phần có liên quan để trao đổi, thống nhất ý kiến về mục tiêu CTĐT sau khảo sát.	Khoa TLGD	khóa tuyển sinh từ năm 2022-2023
--	--	-----------	----------------------------------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng: Trên cơ sở mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT, CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng thành từng nhóm kiến thức, kỹ năng, phẩm chất thái độ và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm [H1.01.02.01]. Chuẩn đầu ra của CTĐT 2020 gồm: Kiến thức và năng lực chuyên môn; kỹ năng; phẩm chất đạo đức; vị trí việc làm sau tốt nghiệp; khả năng học tập trình độ sau tốt nghiệp. Nhìn chung CĐR của CTĐT 2020 đã bao quát các yêu cầu mà HV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, tuy nhiên cũng chưa lượng hóa cụ thể các yêu cầu, chưa bao quát các yêu cầu CĐR để HV có đầy đủ các yêu cầu kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Đối với CTĐT năm 2022 [H1.01.02.01] theo định hướng ứng dụng có 10 CĐR, CTĐT theo định hướng nghiên cứu có 8 CĐR ứng với các năng lực kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm, chuẩn Tiếng Anh được điều chỉnh cập nhật theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 [H1.01.01.04]. Như vậy, so với CĐR của CTĐT 2020, CĐR của CTĐT 2022 đã bao quát được những yêu cầu toàn diện về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và chịu trách nhiệm gắn với hoạt động quản lý, các chuẩn hiệu trưởng và yêu cầu đổi mới QLGD, quản trị trong giáo dục. CĐR của CTĐT nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương

lai. CDR của CTĐT nêu cụ thể kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong QLGD, kiến thức liên ngành có liên quan, kiến thức chung về quản trị và quản lý; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học, kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động tại các cơ sở giáo dục, kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp. Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm yêu cầu HV phải có khả năng nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng trong công tác, thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác, đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn và quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. CDR của chương trình cũng nêu rõ khả năng học tập suốt đời của HV như “HV có thể tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn hoặc tự học, tự nghiên cứu” và triển vọng nghề nghiệp trong tương lai như “quản trị viên, nhà lãnh đạo điều hành các tổ chức doanh nghiệp hoặc rèn luyện trở thành các nguyên cứu viên, GV tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các viện và trung tâm nghiên cứu.

CDR của CTĐT bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà HV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT: CDR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, thể hiện chi tiết trong ma trận tích hợp CDR của các môn học trong CTĐT bao gồm khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở chuyên ngành, khối kiến thức chuyên ngành [H1.01.01.09] giúp cho HV và GV dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình học tập và giảng dạy. Ngoài những kiến thức và kỹ năng chung, CDR của CTĐT đặc biệt chú trọng đến những năng lực chuyên biệt trong định hướng nghề nghiệp ở những vị trí lãnh đạo cấp cao trong doanh nghiệp và tổ chức như giám đốc, tổng giám đốc. Việc tổ chức xây dựng CDR của CTĐT được thực hiện theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.04], của Trường ĐHHĐ [H1.01.01.05]. Để có cơ sở thực hiện việc rà soát, điều chỉnh CDR ngành QLGD, Nhà trường đã ban hành quy định về việc xây dựng, điều chỉnh CDR cho các ngành đào tạo thạc sĩ trong trường [H1.01.02.02]. Trước khi ban hành CDR [H1.01.02.02b], tổ soạn thảo đã lấy ý kiến các bên liên quan đóng góp vào dự thảo CDR đã được nhóm soạn thảo biên soạn, Nhà trường đã thành lập hội đồng thẩm định CDR, CTĐT Thạc sĩ QLGD trong đó có mời các đơn vị sử dụng lao động tham gia với tư cách phản biện,

thành viên của Hội đồng thẩm định. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các bên liên quan [H1.01.01.06], ý kiến của Hội đồng thẩm định CTĐT, trong đó có ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động, Hội đồng Khoa tổ chức họp thẩm định và trình Hiệu trưởng ký ban hành CĐR.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT Thạc sĩ QLGD được xác định rõ ràng, đã xác định rõ những yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể đối với người tốt nghiệp, đặc biệt CĐR của chương trình định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng (năm 2022) có sự khác nhau, dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Quá trình xây dựng, điều chỉnh, cập nhật CĐR của CTĐT qua các lần điều chỉnh CTĐT (2020, 2022) đã được thực hiện theo đúng quy định, qui trình được thực hiện nghiêm túc và đảm bảo tính khách quan dựa trên khảo sát, lấy ý kiến của các bên có liên quan như Đơn vị sử dụng lao động, cựu HV, HV, GV/chuyên gia để đảm bảo CĐR của CTĐT ngày càng hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu đào tạo thạc sĩ QLGD trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT hiện nay.

3. Điểm tồn tại

Chưa xây dựng kế hoạch và tổ chức thường xuyên các hoạt động Hội nghị, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề để điều chỉnh, cập nhật CĐR, đặc biệt chưa tham khảo thường xuyên, trên diện rộng các bên có liên quan để lấy ý kiến cho việc điều chỉnh CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch điều chỉnh, cập nhật CĐR của CTĐT Thực hiện nghiêm túc qui trình cập nhật, chỉnh sửa CTĐT, CĐR của CTĐT theo qui định của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHHĐ	Phòng QLĐT SDH, Khoa TLGD	Đầu khoá tuyển sinh (từ năm 2022-2023)

		Thường xuyên khảo sát, lấy ý kiến của các bên có liên quan như Đơn vị sử dụng lao động, cựu HV, HV, GV/chuyên gia để ngày càng hoàn thiện CDR của CTĐT		
2	Khắc phục hạn chế	Chủ động, thường xuyên xây dựng kế hoạch và tổ chức thường xuyên các hoạt động Hội nghị, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề để điều chỉnh, cập nhật CDR, đặc biệt tham khảo thường xuyên, trên diện rộng các bên có liên quan để lấy ý kiến cho việc điều chỉnh CDR của CTĐT.	Phòng QLĐT SDH, Khoa TLGD	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CDR của CTĐT Thạc sĩ QLGD được xây dựng trên cơ sở qui định của Bộ GD&ĐT, dựa vào kết quả khảo sát các bên có liên quan [H1.01.03.01], cụ thể là các góp ý của nhà tuyển dụng lao động, GV/ chuyên gia, HV, cựu HV, có sự điều chỉnh, bổ sung 3 lần (2019, 2020 và 2022) theo hướng ngày càng cụ thể, rõ ràng và lượng hóa các yêu cầu về kiến thức; kỹ năng; thái độ, tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

CDR qua các lần điều chỉnh, cập nhật đều có sự tham khảo các CTĐT hiện hành của các trường đại học uy tín trong và ngoài nước và các CTĐT của các trường trong nước như: Trường đại học Giáo dục - Đại học Quốc Gia, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh [H1.01.01.11]. Cụ thể, CDR đã thực hiện điều chỉnh theo góp ý của các bên liên quan như tăng các học phần có tính ứng dụng, gắn với thực tiễn công tác quản lý, quản trị trong giáo dục; tăng cường rèn luyện các kỹ năng quản trị trong giáo dục, đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng và yêu cầu đổi mới giáo dục, được công khai trên website của Trường Đại học Hồng Đức [H1.01.03.01c]

Trên cơ sở Thông tư 07/2015/TT- BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực HV đạt được sau khi tốt nghiệp, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của Giáo dục Đại học, Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H1.01.01.04], CĐR của CTĐT được rà soát, chỉnh sửa theo quy định của Bộ GD&ĐT, và các văn bản hướng dẫn xây dựng CĐR của Nhà trường [H1.01.02.02], sau đó họp Hội đồng Khoa và chuyển lên Hội đồng Khoa học đào tạo Trường thẩm định nghiệm thu và tham mưu trình Hiệu trưởng ra quyết định ban hành theo quy định vào các năm 2019, 2020 và 2022. Đối với CTĐT phiên bản 2019, 2020 CĐR được xác định theo 5 yêu cầu sau: 1/ Kiến thức và năng lực chuyên môn, 2/ Kỹ năng, 3/ Phẩm chất đạo đức, 4/ Vị trí việc làm sau tốt nghiệp, 5/ Kỹ năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, đối với phiên bản 2020, 5 nội dung trên đã được điều chỉnh, hoàn thiện, trong nhóm kiến thức đã điều chỉnh gồm kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành và các học phần được xác định phù hợp. Đối với phiên bản 2022, CĐR được xác định theo hướng dẫn của TT17/2021/TT BGDĐT. CĐR CTĐT được xác định theo 3 yêu cầu sau: 1/ Kiến thức, 2/ Kỹ năng, 3/ Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Các CĐR được xác định cụ thể, dễ lượng hóa theo các PL0. [H1.01.03.01]

Việc rà soát, điều chỉnh CĐR và nâng cao chất lượng CTĐT Thạc sĩ QLGD luôn nằm trong kế hoạch và nhiệm vụ của Khoa Tâm lý Giáo dục (TLGD) được thực hiện 2 năm 1 lần. CĐR được công bố công khai trên website của Khoa và Nhà trường giúp cho người học, GV, nhà tuyển dụng và xã hội dễ dàng tiếp cận [H1.01.02.02b]

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT Thạc sĩ QLGD được xây dựng trên cơ sở các quy định hiện hành, có sự tham gia của các bên liên quan. Việc rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT được xuất phát từ thực tiễn nhu cầu của các cơ sở giáo dục; dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, gắn với vị trí việc làm của HV và sự tham gia của các nhà QLGD tại các cơ sở giáo dục.

CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát và công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Nội dung cụ thể của CĐR được phản ánh trong Bản mô tả chương trình và trong từng học phần cụ thể của CTĐT và được chỉnh sửa hàng năm; được công bố công khai trên website của trường để HV dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan để góp ý, xây dựng, chỉnh sửa CĐR trước khi ban hành chưa được nhiều, số phiếu thăm dò ý kiến dành cho mỗi nhóm đối tượng còn ít.

Chưa tổ chức các hội thảo, hội nghị, sinh hoạt chuyên đề (mở rộng các thành phần tham dự) để trao đổi, góp ý CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch rà soát cập nhật, điều chỉnh CĐR dựa trên các qui định, qui chế của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHHĐ; dựa trên các ý kiến khảo sát của các bên có liên quan và thông qua hội đồng khoa để báo cáo, tham mưu, trình Hiệu trưởng ban hành Quyết định. Công bố CĐR công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.	Phòng QLĐT SĐH, Khoa TLGD	Năm 2022-2023
2	Khắc phục hạn chế	Tăng cường tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để góp ý, xây dựng, chỉnh sửa CĐR trước khi ban hành Có kế hoạch và tổ chức các hội thảo, hội nghị, sinh hoạt chuyên đề (mở rộng các thành phần tham dự) để trao đổi, góp ý CĐR của CTĐT.	Phòng QLĐT SĐH, Khoa TLGD	Từ năm 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Mục tiêu và CDR của CTĐT Thạc sĩ QLGD đã được xác định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. CDR của CTĐT đáp ứng tốt yêu cầu, chuẩn cán bộ QLGD, phù hợp với Luật Giáo dục Đại học. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng học kỳ, từng năm học, và công bố công khai đến các bên liên quan, dễ dàng tiếp cận, được quán triệt đến từng CBGV, HV. CDR của CTĐT được thiết kế định lượng theo Thông tư 17/2021/BGD-ĐT, Khung trình độ quốc gia Việt Nam và Chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông, chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục Mầm non, từ đó làm căn cứ để HV và các bên liên quan dễ dàng thực hiện, KTĐG. CDR và CTĐT Thạc sĩ QLGD được xây dựng công phu với sự đầu tư trí tuệ, tâm huyết của của tập thể CBGV, CBQL nhà trường và các bên liên quan. Trong các lần điều chỉnh CDR của CTĐT đều đảm bảo nguyên tắc kế thừa và phát triển, có tham khảo nhiều CTĐT của các Trường Đại học có uy tín trong và ngoài nước.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt	Đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1			5.33	3	100% (3/3)
Tiêu chí 1.1		6.0			
Tiêu chí 1.2		5.0			
Tiêu chí 1.3		5.0			

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTDH thạc sĩ ngành QLGD tự đánh giá tiêu chuẩn 1 đạt 3/3 tiêu chí và đạt 5,33/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ QLGD được thiết kế, xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Trường ĐHHĐ ban hành năm 2015, được điều chỉnh năm 2019, 2020, 2022 theo đúng hướng dẫn, quy định, cấu trúc chương trình do Bộ GD&ĐT quy định [H1.01.01.07] phù hợp với mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn của Nhà trường và yêu cầu của thực tiễn đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế, đây là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT của Thạc sĩ QLGD tới người học, nhà tuyển dụng được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội [H1.01.01.02]. Dựa trên CTĐT đã được phê duyệt, Khoa TLGD đã xây dựng bản mô tả chương trình Thạc sĩ

QLGD với đầy đủ thông tin và được thông báo công khai tới các đối tượng liên quan về chương trình và từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.10].

CTĐT và ĐCCT HP định kỳ được rà soát, bổ sung và cập nhật theo quy định cũng như yêu cầu của thực tế. Việc xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CTĐT có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan như các nhà tuyển dụng, HV, GV, các nhà quản lý trong và ngoài trường có kinh nghiệm và chuyên môn cao [H2.02.01.01]; [H2.02.01.02]. CTĐT được xây dựng trên cơ sở năng lực đào tạo vốn có của Trường, tham khảo các CTĐT từ các Trường Đại học có uy tín trong và ngoài nước [H2.02.01.03].

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng.

Bản mô tả CTĐT được xây dựng với đầy đủ các thông tin liên quan và liên tục được cập nhật, bao gồm:

Giới thiệu chung về CTĐT, bao gồm: Một số thông tin về CTĐT (tên chuyên ngành đào tạo (bằng tiếng Việt và tiếng Anh), mã số chuyên ngành đào tạo, tên ngành đào tạo (bằng tiếng Việt và tiếng Anh), trình độ đào tạo, tên văn bằng tốt nghiệp (bằng tiếng Việt và tiếng Anh); Mục tiêu của CTĐT (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể); Thông tin tuyển sinh (hình thức tuyển sinh; đối tượng tuyển sinh; danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và chương trình bổ sung kiến thức) [H1.01.01.08].

CĐR của CTĐT, bao gồm: Chuẩn về kiến thức (kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, yêu cầu đối với luận văn tốt nghiệp), Về kỹ năng (kỹ năng cứng, kỹ năng mềm), về năng lực tự chủ (Những vị trí công tác HV có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp, Yêu cầu kết quả thực hiện công việc); Về phẩm chất đạo đức (Phẩm chất đạo đức cá nhân, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức xã hội).

Nội dung CTĐT, bao gồm: Tóm tắt yêu cầu CTĐT; Khung CTĐT; mô tả tóm tắt các học phần; Đề cương các học phần.

Việc tổ chức thực hiện CTĐT, GV môn học cụ thể của CTĐT Thạc sĩ QLGD đã dựa trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng trước khóa học và đã được thông báo cho

người học trước khi bắt đầu chương trình đào tạo, lịch trình giảng dạy cụ thể giúp người học chủ động trong việc lập kế hoạch học tập cho chính bản thân.

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ QLGD được xây dựng cùng với CTĐT được cập nhật năm 2019. Đến năm 2020, Khoa TLGD đã rà soát, cập nhật bản mô tả chương trình để phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, cụ thể có điều chỉnh tên một số học phần cho phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Năm 2022, dựa vào TT 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT và qui định của Trường ĐHHĐ đối với chỉnh sửa CTĐT, Khoa đã chỉnh sửa, hoàn thiện CTĐT theo 2 hướng (nghiên cứu và ứng dụng) nhằm tạo điều kiện cho người học phát huy năng lực của bản thân để lựa chọn CTĐT phù hợp. Cấu trúc CTĐT 2022 đã hợp lý, logic và có sự khác biệt giữa hướng nghiên cứu và ứng dụng. Trong đó phiên bản mô tả 2022 được cấu trúc gồm: 1/ Mô tả về CTĐT (Giới thiệu về CTĐT; Thông tin chung về chương trình; Mục tiêu đào tạo của chương trình; CDR của CTĐT; Chuẩn đầu vào của CTĐT; Ma trận mục tiêu và CDR của CTĐT; Phương pháp dạy - học và phương thức KT&DG) 2/ Mô tả chương trình dạy học (Cấu trúc; Danh sách và mô tả các học phần; Trình tự và nội dung dạy học; Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt CDR). Như vậy, so với phiên bản trước, bản mô tả CTĐT đã thể hiện ma trận Ma trận mục tiêu và CDR của CTĐT và Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt CDR. Đây là 2 điểm khác biệt và cũng rất có ý nghĩa trong mô tả CTĐT, thông qua tổ hợp ma trận thể hiện trong CTĐT, giúp cho các bên liên quan đánh giá CTĐT, đặc biệt là GV nhận thức được những yêu cầu trong quá trình dạy học, hướng dẫn các hoạt động nghiên cứu, thực tập, làm luận văn, đề án cho HV.

Việc xây dựng, điều chỉnh Bản mô tả CTĐT có sự tham gia của các bên liên quan đảm bảo đủ thông tin, cập nhật. Trước khi trình Hiệu trưởng ký ban hành, Khoa và bộ môn chuyên ngành đã tổ chức họp Hội đồng khoa để thống nhất đề xuất các nội dung chỉnh sửa, trình Hiệu trưởng xem xét, ban hành.

Kết quả lấy ý kiến ĐNGV trực tiếp giảng dạy CTĐT Thạc sĩ QLGD trong năm 2019, 2020, 2022 cho thấy đa số kiến đồng ý về mục tiêu, cấu trúc và các nội dung thuộc bản mô tả CTĐT [H2.02.01.04]. Trên cơ sở bản mô tả CTĐT và CTĐT thạc sĩ LGD để Nhà trường, khoa, GV xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp cho từng học phần được phân công giảng dạy theo học kỳ; từ đó nhà quản lý xây dựng kế hoạch

giám sát hoạt động dạy học của đội ngũ GV và hoạt động học tập của người học theo học CTĐT [H2.02.01.05].

Bản mô tả CTĐT được tổ chức thẩm định, nghiệm thu cùng với CTĐT theo qui định hướng dẫn tự đánh giá CTĐT của Cục khảo thí và kiểm định chất lượng.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT đã phản ánh rõ mục tiêu đào tạo và CDR của chương trình, bao gồm CDR về kiến thức và năng lực chuyên môn, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng bổ trợ và phẩm chất đạo đức. Bản mô tả CTĐT đã cung cấp đầy đủ thông tin về phương pháp dạy và học được áp dụng, các yêu cầu cụ thể đối với hoạt động kiểm tra, đánh giá và tổ chức thực hiện đào tạo để người học có thể đạt được CDR.

Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới. Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo quy định của các cấp quản lý thuộc Trường ĐHHĐ. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CDR của ngành.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT chưa lấy được nhiều ý kiến phản hồi từ phía cựu HV nên chưa đánh giá được toàn diện mức độ phù hợp so với nhu cầu của người học.

Chưa đa dạng hóa các hình thức công khai Bản mô tả CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Từ năm học 2022-2023, triển khai rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bản mô tả CTĐT ngoài việc tham khảo ý kiến từ phía các doanh nghiệp, các chuyên gia, đội ngũ GV còn tổ chức tham khảo, lấy ý kiến từ phía cựu	Phòng QLĐT SĐH, Khoa TLGD	Đầu khoá tuyển sinh (từ năm 2021)

		HV.		
2	Khắc phục hạn chế	- Tăng cường khảo sát thông tin phản hồi từ phía cựu học viên để hoàn chỉnh bản mô tả CTĐT - Đa dạng hóa các hình thức công khai bản mô tả CTĐT	Phòng QLĐT SĐH, Khoa TLGD	Năm học 2022 -2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

ĐCHP được cập nhật theo định kỳ cập nhật điều chỉnh CTĐT. Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, CĐR của CTĐT Khoa TLGD đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo quy trình hướng dẫn tại các văn bản của Trường ĐHHĐ ban hành [H1.01.01.10], [H2.02.02.01], cụ thể: ĐCCTHP do nhóm GV xây dựng, BM góp ý và nghiệm thu, Hội đồng Khoa thẩm định, ký ban hành và Nhà trường thực hiện đánh giá thường kỳ [H2.02.02.02].

Việc biên soạn ĐCCTHP các học phần tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn của Nhà trường. Đề cương môn học, luận văn tốt nghiệp, đề cương thực tập, đề án tốt nghiệp thuộc CTĐT Thạc sĩ QLGD thể hiện đầy đủ, rõ ràng các thông tin cần thiết: i) tên đơn vị phụ trách; ii) thông tin chung về GV đảm nhận giảng dạy; iii) thông tin chung về học phần (tên ngành, tên học phần, mã học phần, số tín chỉ; mục tiêu, CĐR của học phần, mô tả học phần, nội dung của học phần (Trong phần nội dung học phần các kiến thức cần chuẩn bị được chi tiết đến từng chương, mục rõ ràng và tỉ mỉ), lịch trình giảng dạy, phần học liệu được chia thành hai mục: tài liệu chính và tài liệu tham khảo, các tài liệu đều cập nhật và dễ tìm. [H1.01.01.10], [H2.02.02.01] [H2.02.02.02];

Đặc biệt, trong ĐCCTHP phiên bản CTĐT 2022 đã thể hiện được mối quan hệ giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT [H2.02.02.01]. Cụ thể cấu trúc ĐCCTHP gồm: 1/Thông tin chung về học phần, 2/Thông tin về GV, 3/ Mô tả tóm tắt học phần, 4/Ma trận CĐR của học phần với CĐR của CTĐT, 5/5. Tài liệu dạy học, 6/ Đánh giá kết quả học tập, 7/ Nội dung và hình thức tổ chức dạy học, 8/ Quy định đối với HV; 9/ Các yêu cầu khác của GV (nếu có), 10/ Tiến trình cập nhật ĐCCTHP.

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy tích cực. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp đặt và giải quyết vấn đề thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập).

Có nhiều hình thức và phương pháp đánh giá được áp dụng trong quá trình giảng dạy như đánh giá sự chuyên cần, đánh giá kiến thức, đánh giá quá trình và cuối kỳ, cụ thể: Đánh giá quá trình (30%); Đánh giá chuyên cần (20); Đánh giá cuối kỳ (50%). Hình thức bao gồm: Kiểm tra tự luận, vấn đáp, tiểu luận.

ĐCCTHP đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CĐR của môn học, phương pháp giảng dạy/học tập để có thể đạt được các CĐR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy.

Hàng năm, Khoa TLGD xây dựng kế hoạch rà soát ĐCCTHP về nội dung, điều chỉnh, cập nhật, bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá. Đầu mỗi kỳ học (chậm nhất trước 2 tuần) ĐCCTHP được các bộ môn rà soát điều chỉnh và cập nhật [H2.02.02.02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định về việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung ĐCCTHP đào tạo theo hệ thống tín chỉ; 100% đề ĐCCTHP được chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường, được BM quản lý CTĐT thẩm định, lãnh đạo Khoa phê duyệt và Nhà trường tổ chức đánh giá.

ĐCCTHP thuộc CTĐT Thạc sĩ QLGD bám sát mục tiêu, nội dung CTĐT và liên tục cập nhật. Trong quá trình biên soạn, cập nhật đề cương đã có sự tham gia của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Toàn bộ ĐCCTHP thuộc Bộ môn (BM), Khoa quản lý được rà soát, cập nhật, điều chỉnh hàng năm nhưng chưa được làm rõ, cụ thể hóa những nội dung cập nhật, điều chỉnh bằng văn bản.

4. Kế hoạch hành động

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường việc rà soát cập nhật, điều chỉnh ĐCCTHP, theo định kỳ từng năm học.	Phòng QLĐT SĐH, Khoa TLGD	Năm 2022-2023
2	Khắc phục hạn chế	Các nội dung cập nhật, điều chỉnh ĐCCTHP sẽ được cụ thể hóa trong biên bản các cuộc họp chuyên môn và công bố rộng rãi đến HV, GV, và các bên liên quan khác.	Khoa TLGD	Cuối mỗi khoá tuyển sinh từ năm 2022-2023

5. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ QLGD được thực hiện và ban hành lần đầu năm 2019 và ban hành kèm theo CTĐT, được thẩm định chỉnh sửa, bổ sung vào năm 2020 [H1.01.01.08]. Bản mô tả CTĐT được hội đồng cấp Khoa nghiệm thu trình hội đồng cấp Trường thẩm định và tham mưu cho Hiệu trưởng ra quyết định ban hành được các bên liên quan có thể góp ý, tham gia xây dựng [H2.02.01.04].

Bản mô tả CTĐT [H1.01.01.08] và ĐCCTHP [H1.01.01.10] nêu chi tiết chuẩn đầu ra cũng như lộ trình thực hiện khóa đào tạo đã được Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học (QLĐT SĐH), Khoa TLGD của Trường ĐHHĐ thông báo công khai đến HV ngay sau khai giảng khóa học, thông qua buổi họp theo từng lớp chuyên ngành đào tạo. Các đối tượng được thông báo bản mô tả chương trình, kế hoạch đào tạo đó là cán bộ, chuyên viên quản lý đào tạo, GV được phân công làm GV phụ trách thông qua cách phổ biến trực tiếp, bằng văn bản và đăng tải trên trang Website chính thức của

Trường ĐHHĐ, Khoa nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của các bên liên quan như người học, các cơ sở giáo dục, đơn vị tuyển dụng, và những đối tượng khác quan tâm.

Khoa, BM xây dựng kế hoạch tổ chức, lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung và sự thuận lợi dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT, ĐCCTHP [H2.02.01.04].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần được cung cấp cho người học và các bên liên quan đầy đủ, giúp cho người học có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho GV phụ trách học phần trong CTĐT hiểu rõ kiến thức người học cần nắm được sau khi kết thúc học phần; giúp cho nhà tuyển dụng biết được các kỹ năng của người học khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường tìm kiếm các kênh để công khai bản mô tả CTĐT cụ thể như: trên trang website của Trường đồng thời gửi trực tiếp tới các Cơ sở giáo dục để họ có thể tiếp cận dễ dàng hơn.	Phòng QLĐT SĐH, Khoa TLGD	Năm 2022-2023
2	Khắc phục hạn chế	Xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các bên liên quan.	Khoa TLGD	Từ năm 2022 - 2023 xây dựng cơ chế, sau đó đánh giá hàng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Trường ĐHHĐ và Khoa TLGD đã xây dựng và công bố công khai bản mô tả CTĐT và các ĐCCT HP đảm bảo đầy đủ thông tin phù hợp với tình hình chung của đơn vị đào tạo và trong Trường ĐHHĐ, giúp người học có cái nhìn tổng quát về cả khóa học cũng như chuẩn bị tinh thần học tập của từng học phần.

Nội dung bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP có đầy đủ thông tin được cập nhật và công bố công khai cho các bên liên quan để dàng tiếp cận, có sự tham gia góp ý xây dựng của các nhà quản lí, GV, cựu HV và người sử dụng lao động. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT và các ĐCCTHP thuộc CTĐT GD được công bố công khai, kịp thời, đầy đủ giúp HV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm học và trong toàn khóa. Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật. Quá trình bổ sung, điều chỉnh, công bố bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP của tổ biên soạn và BM GDH.

Việc rà soát cập nhật được tiến hành định kỳ, cần chủ động cập nhật và cập nhật thường xuyên để đảm bảo đáp ứng yêu cầu của người học cũng như xã hội. Tuy nhiên, cần cụ thể, chi tiết hóa các nội dung nội hàm của ĐCCT HP, cần xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các bên liên quan cũng như phải đa dạng hóa các bên liên quan khi khảo sát.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt	Đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 2			5.33	3	100% (3/3)
Tiêu chí 2.1		5.0			
Tiêu chí 2.2		5.0			
Tiêu chí 2.3		6.0			

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT thạc sĩ ngành QLGD tự đánh giá tiêu chuẩn 2 đạt 3/3 tiêu chí và đạt 5,33/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

CTDH Thạc sĩ QLGD được cấu trúc hợp lý và hệ thống, được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát CĐR, đáp ứng nhu cầu nguồn cán bộ QLGD phù hợp

với xu thế toàn cầu hóa và đổi mới giáo dục. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT, có sự đóng góp rõ ràng cho CĐR. CTĐT Thạc sĩ QLGD được xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

CTDH của Thạc sĩ QLGD thể hiện được sự phù hợp với mục tiêu sứ mệnh đào tạo của Trường ĐHHĐ là theo định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, phục vụ quá trình phát triển thực tiễn của tỉnh Thanh Hóa, của đất nước, chủ động hội nhập với các trường đại học trong và ngoài khu vực. CTDH của Thạc sĩ QLGD được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [H1.01.02.01]. [H1.01.01.08]. Cụ thể, chương trình được xây dựng và điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của GV trong BM, Hội đồng Khoa, phản hồi của các bên liên quan để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR [H1.01.01.06]; CTDH được xây dựng và thiết kế theo CĐR của CTĐT đã được công bố theo hướng dẫn của Nhà trường

CTDH hàng năm được điều chỉnh phù hợp CTĐT và CĐR của CTĐT các năm 2019, 2020, 2022 [H1.01.01.07]. Việc thiết kế CTDH hợp lý đáp ứng các CĐR về kiến thức, kỹ năng và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Các khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành, luận văn tốt nghiệp, thực tập, đề án trong CTĐT tương thích với chuẩn đầu ra, cụ thể sự đóng góp của các môn học có trong CĐR thể hiện trong ma trận mối quan hệ giữa CĐR của CTĐT với các học phần, luận văn tốt nghiệp, thực tập, đề án (2022). CTĐT phiên bản 2020 có cấu trúc Kiến thức chung là 10 TC, Kiến thức cơ sở 14 TC, kiến thức chuyên ngành 21 TC và luận văn 15 TC.

Đối với CTĐT phiên bản 2022 theo định hướng nghiên cứu có cấu trúc:

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung: 07 TC	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
2	Khối kiến thức cơ sở: 16 TC	Bắt buộc	10
		Tự chọn	06
3	Khối kiến thức chuyên ngành: 10 TC	Bắt buộc	06

		Tự chọn	04
4	Chuyên đề nghiên cứu 12 TC	Bắt buộc	06
		Tự chọn	06
5	Luận văn tốt nghiệp 15 TC	Bắt buộc	15
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60			

Đối với CTĐT phiên bản 2022 theo định hướng ứng dụng có cấu trúc:

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung: 07 TC	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
2	Khối kiến thức cơ sở: 19 TC	Bắt buộc	10
		Tự chọn	09
3	Khối kiến thức chuyên ngành: 19 TC	Bắt buộc	15
		Tự chọn	04
4	Thực tập: 6TC	Bắt buộc	06
		Tự chọn	0
5	Đề án tốt nghiệp: 9 TC	Bắt buộc	09
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60			

CTDH theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học đã tập trung vào việc mô tả chất lượng đầu ra, quy định những kết quả đầu ra mong muốn của quá trình đào tạo [H1.01.01.05] [H1.01.01.06] [H1.01.02.01]. Khoa và BM đã chú trọng tới tính logic của các học phần trong CTDH, nhằm đảm bảo cho người học tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức chuyên ngành hẹp. Ngoài ra, CTDH cũng đã chú trọng đến sự cân đối trong việc phân bố giữa số giờ tự học, tự nghiên cứu với số giờ trên lớp, giờ dạy lý thuyết tích hợp với các hoạt động thảo luận, thực hành, thực tế và các giờ bài tập [H1.01.01.10].

Việc đánh giá HV Thạc sĩ QLGD được thực hiện bằng nhiều phương pháp để đạt được CDR của CTĐT. Các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ, bài tập nhóm, thi kết thúc học phần đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của người học qua từng phần

[H3.03.01.04]. Đồng thời, thông qua đánh giá, các giờ thảo luận, làm việc nhóm và thuyết trình khuyến khích người học phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, có tư duy phân biện và tăng khả năng thích ứng với hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp, phù hợp với góp phần tạo cơ hội cho người học đạt được CĐR.

2. Điểm mạnh

CTDH Thạc sĩ QLGD được thiết kế đáp ứng CĐR của CTĐT. Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. ĐCCTHP trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liền mạch giúp CTDH trở thành một khối thống nhất.

Đa dạng hóa các hình thức giảng dạy, học tập và KTĐG trong quá trình đào tạo để giúp HV phát huy năng lực của bản thân đồng thời có cơ hội để hình thành, phát triển các yêu cầu của CĐR.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng CTDH các học phần chưa được tiến hành liên tục.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan, ưu tiên thu thập các ý kiến của các đối tượng như cựu HV, nhà sử dụng lao động trong việc điều chỉnh, rà soát và hoàn thiện CTDH; tổ chức rà soát CĐR của từng học phần đáp ứng yêu cầu CĐR.	CB GV giảng dạy	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và phát huy các bước rà soát, cập nhật, chỉnh sửa và xây dựng CTĐT, từ đó xây	Khoa TLGD	Năm học 2022 - 2023

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		dụng CTDH phù hợp, thống nhất với CDR.		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các học phần, luận văn tốt nghiệp, thực tập, đề án trong CTĐT Thạc sĩ QLGD đều có ĐCCTHP. Các đề cương này được xây dựng theo quy định của Nhà trường [H1.01.01.10] [H2.02.02.01], do các nhóm GV chuyên môn biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với CDR của CTĐT và phương thức đào tạo tín chỉ. Đề cương được nghiệm thu đúng qui định [H2.02.02.02]. Khoa TLGD xây dựng CTĐT Thạc sĩ QLGD với các khối kiến thức theo trình tự cơ bản, cơ sở đến chuyên sâu, trong đó bao gồm 3 khối kiến thức kiến thức chung, kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành [H1.01.01.07].

Tất cả các học phần, luận văn tốt nghiệp, thực tập, đề án trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần, luận văn tốt nghiệp, thực tập, đề án nhằm đạt được CDR. Điều này được thể hiện trong ma trận CDR về kiến thức và kỹ năng và ĐCCTHP của các học phần luận văn tốt nghiệp, thực tập, đề án [H1.01.01.09]. ĐCCTHP của mỗi học phần đều được ghi rõ số tín chỉ (Số tiết lý thuyết, số tiết thảo luận/bài tập, số tiết thực hành) và logic giữa từng học phần với các học phần tiên quyết. Tất cả các đề cương chi tiết đều có phần mục tiêu của học phần được xây dựng gắn với CDR của CTĐT đã được công bố, chú trọng vào năng lực đạt được của người học sau khi kết thúc học phần. Đây là những điểm có thể định lượng và đo lường được.

Tất cả các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR. Để hoàn thành CTĐT Thạc sĩ QLGD, người học phải đăng ký học và tích lũy đủ 60 tín chỉ được phân chia ở 4 học kỳ [H1.01.01.07]. Các học phần có các hoạt động KTĐG để đảm bảo việc đạt được CDR của người học. Phương pháp đánh giá học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT HP. Các phương pháp dạy học (PPDH) và

KTĐG đa dạng, linh hoạt, hỗ trợ nhau trong việc đáp ứng CĐR của CTDH trên cơ sở đánh giá việc học viên hiểu, vận dụng được kiến thức, đánh giá kỹ năng và thái độ học tập trong cả quá trình. Các PPDH và KTĐG được xác định chi tiết đến từng nội dung cụ thể của môn học, yêu cầu người học cần có các mức độ kiến thức và kỹ năng cần thiết đáp ứng từng phần trong nội dung CĐR. Các chương trình thực hành, luận văn tốt nghiệp, thực tập, đề án đều có kế hoạch và trong kế hoạch thể hiện rõ mục đích, yêu cầu cần đạt được sau khi thực hiện các chương trình đó. Mục tiêu của các chương trình này mô tả đảm bảo bám sát CĐR của CTĐT. Để triển khai thực hiện đạt được mục tiêu đề ra, các kế hoạch đều chỉ rõ những mốc thời gian, yêu cầu công việc, trách nhiệm cụ thể của GV, HV, cơ sở thực hành, thực tập và các bộ phận quản lý có liên quan cũng như các yêu cầu về báo cáo thực tập và đánh giá kết quả [H3.03.02.01].

Khi hoàn thành CTĐT, người học sẽ đáp ứng CĐR về khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức ngành, chuyên ngành và thực tập, thực tế, có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống và sức khỏe tốt. Có đầy đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng cần thiết về quản trị giáo dục; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, hiệu quả nhằm giải quyết những vấn đề trong thực tiễn giáo dục; có trình độ ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực của HV và đơn vị tuyển dụng.

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Để HV hoàn thành chương trình có đầy đủ năng lực để tiếp tục làm việc, học tập, bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp và chuyên môn ở trình độ cao hơn, đáp ứng với yêu cầu của xã hội, các nội dung giảng dạy được thường xuyên cập nhật và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H3.03.01.01]; 100% các học phần trong CTĐT có sự tương thích về nội dung để đảm bảo CĐR; 100% các học phần trong CTĐT xác định phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp để đạt CĐR. Kết quả khảo sát thông phương pháp lấy ý kiến trực tiếp về sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng cũng được phản hồi khá tốt.

2. Điểm mạnh

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của từng học phần và có sự gắn kết với các học phần trong các khối kiến thức khác nhằm đảm bảo quá trình dạy - học và đánh giá đạt được mục tiêu của CĐR và CTDH.

Các học phần trong chương trình luôn luôn được cập nhật, điều chỉnh nhằm trợ giúp tốt hơn cho HV đạt được CĐR. Các học phần được thiết kế đề cao tính đặc trưng của ngành. Các học phần chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp HV lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong chuyên ngành.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng lao động, của HV và cựu HV chưa được thực hiện thường xuyên để cập nhật những thay đổi cho việc điều chỉnh đóng góp của các học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa xây dựng kế hoạch và triển khai cụ thể việc lấy ý kiến đóng góp từ các bên liên quan về CTĐT	CB GV giảng dạy	Năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa ĐCCTHP nhằm đảm bảo đạt CĐR tốt hơn.	Khoa TLGD	Năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

CTDH Thạc sĩ QLGD có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất [H1.01.01.07]. CTDH được thiết kế dựa trên cơ sở CĐR của ngành với mục tiêu phát huy năng lực người học nên tăng thời lượng thực hành, giúp người học có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cũng như các kỹ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng. Bằng việc thiết kế các học phần bắt buộc và tự chọn trong CTDH giúp cho HV có kiến thức cơ bản, nền tảng bắt buộc của ngành học đồng thời có thể lựa chọn các học phần phù hợp với năng lực, sở trường của bản thân cụ thể tỷ lệ

các học phần tự chọn khối kiến thức giáo dục đại cương là 3/6 học phần (tương đương 9 TC), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là: 4/6 học phần (tương đương 13 TC).

Tất cả các học phần trong CTDH Thạc sĩ QLGD được bố trí hợp lý [H3.03.03.01]. Để đảm bảo sự cân đối giữa khối kiến thức và kỹ năng để hướng tới đạt CĐR, các học phần được sắp xếp logic, từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở, kiến thức ngành, chuyên ngành, thực hành, thực tế và được bố trí giảng dạy trong 2 năm.

Bảng 3.1. Cơ cấu kiến thức của CTDH THS QLGD 2020

STT	Nội dung	Số TC
1	Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	60
2	Khối kiến thức chung	10
3	Khối kiến cơ sở	14
4	Khối kiến thức chuyên ngành	21
5	Luận văn thạc sĩ	15

Bảng 3.2. Cơ cấu kiến thức của CTDH THS QLGD 2022 - nghiên cứu

STT	Nội dung	Số TC
1	Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	60
2	Khối kiến thức chung	7
3	Khối kiến cơ sở	16
4	Khối kiến thức chuyên ngành (cả chuyên đề nghiên cứu)	22
5	Luận văn thạc sĩ	15

Bảng 3.3. Cơ cấu kiến thức của CTDH THS QLGD 2022 - ứng dụng

STT	Nội dung	Số TC
1	Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	60
2	Khối kiến thức chung	7
3	Khối kiến cơ sở	19
4	Khối kiến thức chuyên ngành (cả chuyên đề nghiên cứu)	29
5	Thực tập (6TC), Đề án tốt nghiệp (9 TC)	15

Bên cạnh đó, nội dung các học phần tích hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm giúp người học có điều kiện củng cố lý thuyết và hình thành kỹ năng thực hành, rèn luyện các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra.

CTDH được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất thường xuyên (năm 2019, 2020, 2022). Khi CTDH Thạc sĩ QLGD khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Trong quá trình thực hiện CTDH Khoa và Nhà trường đã tổ chức rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH, điều chỉnh trên cơ sở ý kiến đánh giá của người học trong quá trình học và sau khi tốt nghiệp về chất lượng CTDH, ý kiến của CBGV, chuyên gia, của Hội đồng Khoa trong cuộc họp nghiệm thu CTĐT, CTDH Thạc sĩ QLGD có những điều chỉnh phù hợp, đảm bảo người học đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp.

CTDH được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các CTĐT Thạc sĩ QLGD của các trường đại học lớn trong nước như Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia, Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Hà Nội; Đại học Vinh. Các CTĐT Thạc sĩ QLGD của các trường đại học trên thế giới như Đại học Quốc gia Tây Ban Nha Đại học Manchester CĐSP Châu Á - Thái Lan [H1.03.03.02], đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp cụ thể như sau:

1/ Chương trình thạc sĩ QLGD của Đại học Giáo dục - ĐH Quốc gia Hà Nội
<http://education.vnu.edu.vn/index.php/WebControl/viewpage/129>

2/ Chương trình thạc sĩ QLGD của Đại học sư phạm - ĐH Thái Nguyên
<https://tnue.edu.vn/Article/ViewDetail.aspx?pageid=1591&mid=4721&itemid=3587>

3/ Chương trình thạc sĩ QLGD của Đại học xã hội nhân văn, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh
<https://123docz.net/document/8443037-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-nganh-quan-ly-giao-duc.htm>

4/ Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

5/ Đại học sư phạm Hà Nội

6/ Trường cao đẳng sư phạm châu Á -Thái Lan
<https://www.educationmanagementdiploma.com/Master-of-Arts-in-Education-with-Leadership-and-Administration.php>

7/ Đại học Quốc gia Tây Ban Nha International University of La Rioja, Tây Ban Nha <https://www.onlinestudies.com/Masters-Degree-in-Leadership-and-Management-of-Educational-Centers/Spain/UNIR/>

8/ Trường Đào tạo sau đại học _ Harvard - Thạc sĩ lãnh đạo giáo dục
<https://www.gse.harvard.edu/masters/online-program>

9/ Đại học Manchester_Thạc sĩ Lãnh đạo giáo dục trong thực hành-Vương Quốc Anh <https://promo.manchester.edu.hk/programmes-detail.php?id=6#pd-25>

Tính liên thông thể hiện: HV học xong CTĐT thạc sĩ QLGD rất thuận lợi khi học tiếp lên những bậc học cao hơn tại các trường, HV, viện có đào tạo NCS chuyên ngành QLGD [H3.03.03.03].

2. Điểm mạnh

CTDH Thạc sĩ QLGD được thiết kế với cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành. CTDH được thiết kế theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao nhằm đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng đáp ứng được những yêu cầu của công việc. Các học phần trong chương trình luôn luôn được cập nhật, điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và xu hướng phát triển chung của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Chưa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của HV sau khi tốt nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động giúp cho việc điều chỉnh CTDH chuyên ngành QLGD

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động và cựu HV để làm cơ sở cho việc rà soát, điều chỉnh CTDH của từng học phần định kỳ theo từng năm học, tạo điều kiện quản lý chất lượng theo kết quả đầu ra đã quy định, nhấn mạnh	Nhà trường cử CBGV	Năm học 2022-2023

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		năng lực vận dụng của HV.		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cân đối để có tỷ lệ hợp lý hơn giữa các học phần trong khối kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành dựa trên các ý kiến đóng góp của các bên có liên quan, hội đồng khoa.	Khoa TLGD	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 3

CTDH Thạc sĩ QLGD được thiết kế dựa trên CDR đã được ban hành, với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của QLGD, trong đó thể hiện rõ sự đóng góp của các học phần trong thực hiện CDR. Các học phần cơ sở, các học phần thuộc khối kiến thức nhóm ngành, ngành được thiết kế linh hoạt, tạo điều kiện cho người học. Nội dung của các học phần cơ sở và học phần chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, nội dung cập nhật, mang tính tích hợp. CTDH thể hiện được năng lực của người học tốt nghiệp. Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt	Đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1		5.0	5.00	3	100% (3/3)
Tiêu chí 3.2		5.0			
Tiêu chí 3.3		5.0			

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT Thạc sĩ QLGD tự đánh giá tiêu chuẩn 3 đạt 3/3 tiêu chí và đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mở đầu

Với phương châm luôn tích cực, chủ động sáng tạo trong việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, trong thời gian qua Khoa TLGD luôn chú trọng đến việc đổi phương pháp giảng dạy theo hướng ứng dụng, chú trọng hình thành năng lực thực hành, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học. Cũng như các chương trình khác, CTĐT Thạc sĩ QLGD được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát mục tiêu đào tạo và CDR của chương trình, phù hợp theo nhu cầu xã hội.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến đến các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHHĐ phù hợp với nguyên lý, mục tiêu GDĐH được cụ thể hoá trong luật giáo dục [H1.01.01.03]. Mục tiêu của Trường ĐHHĐ được đề cập trong Chiến lược Phát triển Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 [H1.01.01.02] là “Xây dựng Trường ĐHHĐ trở thành một cơ sở giáo dục đại học đa ngành theo định hướng ứng dụng đạt chuẩn quốc gia, có một số ngành đạt chuẩn quốc tế; một trung tâm nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ có uy tín, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước”.

Trên cơ sở Luật giáo dục đại học [H4.04.01.01]; Trường ĐHHĐ đã xác định mục tiêu giáo dục nói chung và mục tiêu giáo dục Thạc sĩ QLGD nói riêng, vấn đề này được tuyên bố rõ ràng trong Chính sách chất lượng do Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ ban hành, đồng thời các giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định “Chất lượng - Hiệu quả - Chuyên nghiệp - Hội nhập” trong chiến lược phát triển Trường ĐHHĐ đến năm 2020, tầm nhìn 2030 [H4.04.01.02; H4.04.01.03].

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được Khoa TLGD cụ thể hóa và phổ biến đến tất cả CBGV, HV hiểu rõ để thực hiện. Khoa đã xây dựng CTĐT, ĐCCT các học phần theo 3 phiên bản CTĐT [H4.04.01.04; H4.04.01.05]. Trong đó, mục tiêu đào tạo và CDR của CTĐT công khai trên website của Trường, Poster đặt ở giảng đường, tờ gấp giới thiệu về Nhà trường và niên lịch đào tạo hàng năm để GV, HV và các bên liên quan có thể tiếp cận một cách thuận lợi, dễ dàng, hiểu và thực hiện [H4.04.01.06]. Trên cơ sở đó, Khoa đã xác định mục tiêu giáo dục của Chương trình Thạc sĩ QLGD

sau khi tốt nghiệp có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng CDR của CTĐT.

Đối với GV, mục tiêu ĐT và CDR được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTDH, đảm bảo tính logic giữa khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, logic giữa những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng ĐCCT các học phần bám sát mô tả CTĐT và dựa trên kết quả khảo sát các bên có liên quan.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của CTĐT Thạc sĩ QLGD phù hợp với mục tiêu giáo dục của Trường, được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới tất cả các bên liên quan, tới GV, HV, đơn vị sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện đa dạng và thường xuyên các hình thức tổ chức thu nhận phản hồi lấy ý kiến đóng góp các bên có liên quan

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng và thường xuyên các hình thức tổ chức thu nhận phản hồi lấy ý kiến đóng góp các bên có liên quan	Phòng BĐCL&KT	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện nghiêm túc quy trình xây dựng CTĐT, tuyên bố đến các bên có liên quan	Trường ĐHHĐ	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy học của CTĐT Thạc sĩ QLGD được thiết kế đa dạng phù hợp để tương thích với các CDR của CTĐT được làm rõ trong ĐCCTHP [H1.01.01.07], [H1.01.01.10]. Đối với hoạt động giảng dạy, các BM và GV chủ động

thực hiện theo ĐCCT các học phần đã xây dựng, sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy cho phù hợp với không gian lớp học và đối tượng người học. Trong mỗi ĐCCT HP, mục tiêu của học phần được xác định và đối chiếu với CĐR của CTĐT; CĐR học phần được xác định, đối chiếu với mục tiêu học phần và CĐR của CTĐT; nội dung học phần được xác định và đối chiếu với CĐR học phần; từ đó, các phương pháp giảng dạy, nhiệm vụ của HV, việc hướng dẫn HV tự học và tài liệu học tập được xác định phù hợp, cùng nhau thực hiện CĐR học phần, góp phần thực hiện CĐR của CTĐT [H1.01.02.01]. Các phương pháp giảng dạy được thiết kế trong các ĐCCT học phần của CTĐT Thạc sĩ QLGD rất đa dạng, được thể hiện trong ĐCCT HP [H1.01.01.10]. Theo đó, để thực hiện việc giảng dạy 1 học phần bất kỳ của CTĐT, GV phải sử dụng phối hợp nhiều phương pháp giáo dục và kỹ thuật dạy học khác nhau nhằm phát huy mặt mạnh cũng như khắc phục mặt hạn chế của từng phương pháp giảng dạy (PPGD). Ngoài ra, các PPGD và kỹ thuật dạy học khác nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự lực và sáng tạo của người học, gắn lý luận với thực tiễn, để phát triển phẩm chất và năng lực của người học cũng được sử dụng trong CTĐT, đó là: thảo luận, tình huống, khám phá, nêu vấn đề, trực quan, trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp, dạy học tích hợp, vận dụng vào thực tiễn, HV báo cáo (cá nhân, nhóm), HV thuyết trình, HV thực hiện dự án [H4.04.02.01].

Vấn đề đổi mới nâng cao chất lượng dạy và học được chú trọng. Hàng kỳ các bộ môn luôn có kế hoạch dự giờ đối với từng GV, tổ chức góp ý gợi mở các PPGD và đánh giá người học sát với thực tế hơn nhằm đạt được mục tiêu của môn học [H4.04.02.01].

BM Giáo dục học (GDH), GV hướng dẫn người học sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp HV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Các hoạt động học tập được thiết kế để thực hiện CTĐT rất phong phú và đa dạng, bao gồm: học cá nhân, học theo nhóm/ lớp; học lý thuyết, làm thực hành, NCKH; tự học, học trong giờ chính khóa; học tại trường, thực tế ngoài trường. Như vậy, hệ thống các PPGD và kỹ thuật dạy học cùng các hình thức tổ chức dạy học và các hoạt động học tập của CTĐT giúp người học lĩnh hội kiến thức một cách chủ động; hình thành và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp; rèn luyện ý thức và tác phong chuyên nghiệp. Thông qua đó, người học đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của CTĐT.

HV hài lòng với các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT Thạc sĩ QLGD. Đối với hoạt động học tập, việc đào tạo theo học chế tín chỉ tăng cường hoạt động tự học, thúc đẩy người học chủ động hơn. Trường đã thiết lập cổng thông tin đào tạo để người học dễ dàng theo dõi nắm bắt những thông tin học tập từ phía Trường và Khoa để người học chủ động trong kế hoạch học tập <http://www.hdu.edu.vn/vi-vn/24/dao-tao-sau-dai-hoc/> [H4.04.02.02] [H4.04.03.01]

Khi thực hiện CTĐT, HV không những được chủ động thực hiện hoạt động học trong các học phần lý thuyết mà còn được chủ động, thực hiện các đề tài nghiên cứu (bài báo khoa học, luận văn, tiểu luận) [H4.04.02.04], đi thực tế [H4.03.01.05], [H4.04.02.02] sinh hoạt chuyên môn trao đổi học thuật [H4.04.02.04].

Nhà trường đã ban hành Quy định về tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, xây dựng kế hoạch và tổ chức đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được nhà trường tiến hành dưới nhiều hình thức: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy của GV, tổ chức lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ người học để kịp thời điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng CDR [H4.04.03.07].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. CTDH có nhiều hoạt động thực hành, sinh hoạt chuyên môn học thuật.

3. Điểm tồn tại

Chưa khảo sát nhiều HV về phương pháp học tập

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng hoạt động khảo sát HV	Phòng BĐCL&KT	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Điều chỉnh các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt một cách hiệu quả và phù hợp trong CTDH nhằm giúp	CB GV giảng dạy	Năm học 2022 - 2023

		NH dễ dàng đạt được CDR CTĐT		
--	--	---------------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các ĐCCTHP của CTĐT Thạc sĩ QLGD đều mô tả rõ việc sử dụng các PPGD/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề trong QLGD, kỹ năng quản trị [H1.01.01.10] [H1.01.02.01]. Các PPGD, các nhiệm vụ của HV (thảo luận, báo cáo, thuyết trình, thực hành...) [H4.04.03.01], các hình thức và nội dung đánh giá tương ứng với nhiệm vụ (điểm thảo luận, báo cáo, thuyết trình, thực hành...) cùng với các nhiệm vụ cụ thể trong phần “Hướng dẫn HV tự học” được mô tả trong các ĐCCTHP nói trên thể hiện việc rèn luyện các kỹ năng cứng liên quan đến nghề dạy học (xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học...)

100% ĐCCT các học phần đã nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho HV. Đối với hoạt động tự học, tự nghiên cứu, tất cả các ĐCCTHP đều thiết kế theo phân bố sau: Giờ lý thuyết trên lớp, giờ thực hành, thảo luận giờ thực tế và giờ các hoạt động khác; và nội dung công việc của từng giờ được qui định cụ thể trong phần Hoạt động tự học [H1.01.01.10]. Với triết lý nâng cao khả năng học tập suốt đời của HV, việc tự học, tự nghiên cứu của HV là một hoạt động bắt buộc nhằm đảm bảo sự cân đối hợp lý giữa tải trọng kiến thức và thời gian tiếp xúc trực tiếp giữa GV và HV, được coi là một hình thức dạy học bằng chính các hoạt động học tập của người học [H1.01.01.10].

GV sử dụng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ HV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Hoạt động tự học tự nghiên cứu của người học bao hàm cả 2 công việc: chuẩn bị cho các giờ lên lớp (lý thuyết, seminar, làm việc nhóm, thực hành...) và tự học có hướng dẫn (nghiên cứu, đọc tài liệu, làm bài tập...). Mục tiêu chính của việc tổ chức hình thức dạy học này là rèn luyện cho HV khả năng tự nghiên cứu, học hỏi, khả năng độc lập với các nguồn tài liệu, kinh nghiệm và những kiến thức, kỹ năng được triển khai ở trên lớp; góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.01]. Ngoài ra, tự học giúp cho người học thể hiện tinh thần cầu tiến, khát

vọng, sáng tạo. Quy trình tổ chức dạy học thông qua tự học tự nghiên cứu có hướng dẫn của GV gồm có ba hình thức sau: định hướng - triển khai - tổng kết đánh giá.

(1) Định hướng (đọc tài liệu): GV xây dựng danh mục các vấn đề nghiên cứu mang tính thực tiễn cao, công bố các yêu cầu về sản phẩm, giải đáp những khúc mắc; theo đó học viên chủ động đọc tài liệu tham khảo, lựa chọn vấn đề nghiên cứu, lập kế hoạch thực hiện. Các tài liệu học tập bắt buộc và tham khảo được giáo viên cung cấp cụ thể trong đề cương chi tiết học phần [H1.01.01.10].

(2) Triển khai (làm bài tập, thực hiện dự án): đây là phần hoạt động chính của HV để đạt được mục tiêu đã đề ra. Trong công đoạn này GV vẫn phải duy trì hoạt động theo dõi, định hướng và trợ giúp cho người học. Người học có nhiệm vụ thực hiện: thực hiện nghiên cứu, báo cáo sơ cấp kết quả nghiên cứu, kết quả làm việc nhóm.

(3) Tổng kết, đánh giá (hoạt động khác: báo cáo): GV sau khi tập hợp các kết quả, sản phẩm của HV phải tổ chức hoạt động tổng kết đánh giá. Công việc này có thể được lồng ghép triển khai dưới các hình thức lên lớp khác nhau (seminar thảo luận, giờ lý thuyết tổng kết...). Mục đích chính của công đoạn này là dạy HV cách phân tích quá trình thực hiện và các kết quả của sản phẩm nghiên cứu, đánh giá chất lượng sản phẩm của nhóm, cách bố trí sắp xếp hợp lý, khoa học trong triển khai công việc. Điều này được thể hiện thông qua các sản phẩm mà người học đã tạo ra trong các lớp học phần như bài thuyết trình, tiểu luận, luận văn, bài báo khoa học; các kết quả thực tập của HV tại các cơ sở giáo dục [H4.04.02.03].

Việc tự học, tự nghiên cứu của HV còn được hỗ trợ bởi hệ thống tài liệu trên Thư viện, Thư viện số (<http://thuvienso.hdu.edu.vn/>) [H4.04.03.02] và các tài liệu được hướng dẫn chi tiết trong ĐCCT HP [H1.01.01.10].

Định kỳ, nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của GV để có những điều chỉnh kịp thời phương pháp dạy học cho phù hợp. Trong những năm gần đây hoạt động giảng dạy của GV của Khoa đều được người học đánh giá tốt (đạt từ 90% trở lên) [H4.04.03.07].

2. Điểm mạnh

Người học được rèn luyện nhiều kỹ năng và khả năng học tập suốt đời thông qua các nhiệm vụ tự học phong phú và đa dạng.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần thiết kế phần tự học còn nặng về nghiên cứu lý thuyết.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Gắn hoạt động tự học với vận dụng trong thực tiễn công việc của HV	CBGV giảng dạy	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy sự tự học tự nghiên cứu của HV	CBGV giảng dạy	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Mục tiêu của các PPDH Thạc sĩ QLGD đã xác định rõ ràng. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng CBGV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

Các hoạt động dạy học phong phú theo định hướng phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của HV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho HV tự học, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin. HV qua đó có điều kiện phát triển cả kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như nhân cách cá nhân.

Một số hạn chế phương pháp tiếp cận trong dạy học của Khoa TLGD: phương pháp tiếp cận trong dạy học này mặc dù được phổ biến rộng rãi đến từng HV, GV khác khoa, CBGV trong trường nhưng quá trình thay đổi từ phương pháp dạy học cũ, thụ động sang phương pháp mới còn chậm; HV chưa chủ động tự học, tham gia nghiên cứu khoa học; vẫn có những HV không tích cực trong quá trình tự học, tiếp thu kiến thức một cách thụ động, kém hiệu quả.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt	Đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 4			5.00	3	100% (3/3)
Tiêu chí 4.1		5.0			
Tiêu chí 4.2		5.0			
Tiêu chí 4.3		5.0			

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ThS QLGD tiêu chuẩn 4 đạt 3/3 tiêu chí và bình quân tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

ĐGKQ học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng trong đào tạo SĐH. Khoa TLGD thực hiện ĐGKQ học tập của người học bám sát các văn bản quy định của Bộ GD-ĐT và của Trường ĐHHĐ. Việc ĐGKQ của HV căn cứ vào CĐR và nội dung của chương trình. Việc đánh giá được thể hiện ở cả ba giai đoạn: tuyển sinh đầu vào, trong quá trình học tập và khi HV tốt nghiệp.

Mục đích của việc KTĐG là nhằm xác định mức độ kiến thức cũng như kỹ năng mà HV đạt được so với mục tiêu học phần và CĐR của CTĐT đồng thời là kênh thông tin phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

Các quy định về ĐGKQ học tập của người học theo CTĐT đều được thông báo công khai tới HV qua nhiều kênh để đảm bảo tất cả người học đều hiểu rõ. Hình thức ĐGKQ học tập đa dạng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và độ tin cậy. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và nghiên cứu của mình, đồng thời tạo điều kiện cho người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHHĐ có các quy trình rõ ràng về việc ĐGKQ học tập của người học để đạt được CĐR [H5.05.01.01(1)]. Các quy định này được công bố công khai trên website của Nhà trường để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận [<http://dbclkt.hdu.edu.vn/quy-trinh-khao-thi.html>]. Với mục tiêu đảm bảo CĐR cho người học, trường đã xây dựng hệ thống ĐGKQ học tập của người học từ giai đoạn tuyển sinh đến khi bảo vệ luận văn tốt nghiệp, quy định rõ trong HD về việc xây dựng và thực hiện quy trình KTĐG kết quả học tập của người học [H5.05.01.01(1)]; Quy định CĐR ngoại ngữ theo khung năng lực 4/6 bậc, Quyết định số 1711/QĐ-ĐHHĐ ngày 25/10/2009 [H5.05.01.01(2)]; Định dạng đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực NN 6 bậc, Quyết định số 492/QĐ-ĐHHĐ ngày 03/04/2009 [H5.05.01.01(3)]; Qui định thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực NN 6 bậc, Quyết định 493/QĐ-ĐHHĐ ngày 03/04/2009 [H5.05.01.01(4)]; Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần tại Trường ĐH Hồng Đức, Quyết định số 395 ngày 29/4/2020 [H5.05.01.01(5)]. Quy định

đánh giá luận văn tốt nghiệp tại quyết định số 2147/QĐ-ĐHHD [H5.05.01.01 (7)].

Theo đó, từ giai đoạn tuyển sinh, Nhà trường đã tiến hành phân hoá thí sinh dựa theo đối tượng tuyển sinh phù hợp với chuyên ngành đào tạo, ưu tiên những đối tượng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành gần được dự thi ngay, đối với những đối tượng tốt nghiệp khác chuyên ngành, chuyên ngành sư phạm dự thi thì phải học bổ sung kiến thức nhằm đảm bảo có nền tảng kiến thức nhất định khi theo học chính thức [H5.05.01.02(1)], [H5.05.01.02(2)]. Thông báo tuyển sinh được đăng trên website của Nhà trường [H5.05.01.06], [<http://qldtsdh.hdu.edu.vn/ttts-thong-bao-tuyen-sinh.html>]; thông tin trên báo và đài phát thanh truyền hình Thanh Hoá và gửi thông tin ra Bộ GD&ĐT. Việc tổ chức thi tuyển sinh luôn được thực hiện theo đúng quy chế của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường, đảm bảo công bằng, khách quan và bảo mật nhằm tuyển chọn được những học viên thật sự muốn tham gia và có năng lực học tập. [H5.05.01.02(3)]

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thể hiện rõ trong chương trình đào tạo, trong đề cương chi tiết môn học. Trong đề cương chi tiết môn học tiêu chí đánh giá đo lường người học được xác định rõ ở mục tiêu, yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Đặc biệt, được chỉnh sửa, điều chỉnh sửa thường xuyên theo quy định cùng với cập nhật, chỉnh sửa nội dung dạy học trong đề cương môn học. Chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, thái độ của các học phần qua các lần chỉnh sửa được xác định ngày càng rõ ràng hơn với các tiêu chí cần đạt. Từ đó, làm căn cứ cho GV lựa chọn các phương pháp, hình thức thực hiện kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học môn học phù hợp [H5.05.01.09].

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá được sử dụng linh hoạt đo lường được CDR học phần các học phần, đề thi các học phần Thạc sĩ QLGD cũng được xây dựng phù hợp với CDR học phần đảm bảo thu nhận được các mức độ nhận thức tích, tổng hợp, vận dụng của HV. Với nhiều hình thức đánh giá trong quá trình học tập và thi cuối học phần KTĐG đo được mức độ tích lũy về kiến thức chuyên môn cũng như năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề của người học [H5.05.01.03].

Lịch thi được xây dựng phù hợp với hình thức đào tạo và đặc điểm của người học, có thể thi khi học xong tất cả các học phần hoặc thi cuốn chiếu, lịch thi được công bố trước khi thi ít nhất 1 tuần. Việc tổ chức đánh giá học tập được quy định rõ trong quy định đào tạo thạc sĩ của Trường [H5.05.01.10]. Nếu không đồng ý với kết quả thi, người học được quyền làm đơn phúc khảo [H5.05.01.11].

Thực hiện luận văn tốt nghiệp nhằm giúp HV vận dụng kiến thức đã học phát hiện và đề xuất giải quyết vấn đề trong thực tiễn quản lý các cơ sở giáo dục thông qua nghiên cứu, học tập, tự chủ và có trách nhiệm từ đó hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và năng lực trong QLGD. Sau khi học hết 80-90% CTĐT, BM phụ trách

chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ tổ chức cho HV đăng ký đề tài luận văn và người hướng dẫn; trao đổi và thống nhất người hướng dẫn. HV xây dựng đề cương nghiên cứu luận văn. BM tổ chức góp ý đề cương nghiên cứu đề tài luận văn, [H5.05.01.12]. Sau khi hội đồng duyệt xong đề cương, HV chỉnh sửa và hoàn thiện đề cương, xin xác nhận của người hướng dẫn nộp lại BM. Trưởng BM lập văn bản trích ngang, kèm với đề cương nghiên cứu và trưởng Khoa xác nhận gửi về phòng QLĐT SDH; Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt tên đề tài và người hướng dẫn cho HV trước khi tổ chức đánh giá luận văn ít nhất 6 tháng [H5.05.01.13]. Sau khi hoàn thành luận văn tốt nghiệp theo quy định, Khoa sẽ tổ chức hướng dẫn HV làm hồ sơ nộp về Phòng QLĐT SDH, TTTT-TV tổ chức cho HV quét đạo văn theo quy định về trích dẫn và chống đạo văn tại Trường ĐHHĐ, Quyết định số 1792/QĐ-ĐHHĐ ngày 06/9/2021 [H5.05.01.16] và đề nghị Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định và tổ chức đánh giá luận văn theo quy định [H5.05.01.14] trong đó thành phần hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp của HV gồm 5 người tối thiểu có 2 người ngoài cơ sở đào tạo và ở 2 cơ sở giáo dục khác nhau, 1 phản biện là người ngoài cơ sở đào tạo vậy nên đảm bảo tính khách quan, công bằng, và độ tin cậy trong đánh giá.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa TLGD có hệ thống văn bản, quy định về KTĐG kết quả học tập của người học một cách rõ ràng, cụ thể, luôn bám sát các CĐR của học phần và của CTĐT cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Việc ĐGKQ học tập của người học được thiết kế phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt CĐR của CTĐT, cũng như CĐR của từng học phần.

3. Điểm tồn tại

Các phương pháp KTĐG kết quả tổng kết cuối học phần chưa đa dạng, việc ĐGKQ tổng kết cuối học phần Thạc sĩ QLGD mới chỉ tập trung chủ yếu vào hình thức tự luận, chưa có hình như vấn đáp, trắc nghiệm, hay tiểu luận thay thế môn thi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng các phương pháp ĐGKQ học tập của người học.	CB GV giảng dạy	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công tác ĐGKQ học tập của người học theo đúng quy định KTĐG, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với MTĐT và mức độ CĐR.	CB GV giảng dạy	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay việc ĐGKQ học tập của người học được thực hiện theo đúng Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ bộ giáo dục đào tạo và quy định tại Trường ĐHHĐ [H5.05.02.01(2)]. Trong ĐCHP đã quy định rõ thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số đánh giá điểm (tỷ lệ điểm kiểm tra chuyên cần 20%, điểm thường xuyên là 30% và điểm thi kết thúc học phần là 50%) [H5.05.02.01(3), [H5.05.02.01(4)] Quy định đào tạo này được công bố công khai, đầy đủ trên website của Nhà trường [<http://qldtsdh.hdu.edu.vn/gioi-thieu-quy-che-dao-tao.html>] [H5.05.02.01(5)]

Các tài liệu/hướng dẫn các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học được công bố công khai tới người học trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần. Đầu năm học/học kỳ, Nhà trường ban hành kế hoạch học, thời khóa biểu của các lớp cho HV [H5.05.02.03], [H5.05.02.04] HV học 6 học phần trong mỗi kỳ. Lịch thi kết thúc học phần do Phòng ĐBCL&KT phát hành và công bố cho người học ít nhất 1 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu [H5.05.02.05(1)].

Bắt đầu mỗi môn học, GV công bố ĐCCTHP đến tất cả HV. Các thông tin về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số và các nội dung liên quan đến đánh giá được thể hiện rất rõ trong ĐCCTHP [H5.05.02.06]. Trong ĐCCTHP đã quy định rõ thời gian, hình thức, tiêu chí, trọng số đánh giá điểm (tỷ lệ điểm chuyên cần (20%), điểm thường xuyên (30%) và điểm kết thúc học phần (50%)) [H5.05.02.06]; Nhà trường ban hành quy định về đánh giá và quản lý kết quả học tập, quy định các khâu của quá trình đáng giá: đề thi, coi thi, chấm thi học phần một cách rõ ràng, chặt chẽ và phân công trách nhiệm đến từng bộ phận, GV cụ thể [H5.05.02.05(2)].

Toàn bộ điểm thường xuyên, điểm chuyên cần được GV nhập điểm trực tiếp vào phần mềm QLĐT [<http://giangvien.hdu.edu.vn/login.html>], cuối kỳ bảng điểm được trích xuất excel, có chữ ký xác nhận của GV giảng dạy, quản lý BM, giáo vụ và Lãnh đạo khoa, bảng điểm được in và lưu thành 4 bản; 2 bản được lưu ở BM và GV giảng dạy, 2 bản nộp về giáo vụ Khoa và Phòng ĐBCL&KT. Điểm thi kết thúc học phần được công bố chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc chấm [H5.05.02.05(2)]. Việc thông báo kết quả điểm thi, điểm toàn học phần được công bố công khai cho người học có thể tra cứu trên website của Nhà trường bằng tài khoản cá nhân [<http://sinhvien.hdu.edu.vn/sinh-vien-dang-nhap.html>]. Trường hợp người học có yêu cầu khiếu nại kết quả học tập, bộ phận chức năng giải quyết kịp thời, thỏa đáng theo đúng quy trình, quy định chấm phúc tra [H5.05.02.08].

Ngoài đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình, việc đánh giá đầu ra cũng được quy định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi trong Quy định đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐHHĐ [H5.05.02.09].

Người học được phổ biến các quy định về kiểm tra/đánh giá, mục tiêu, chính sách học phần, phương pháp, hình thức, quy trình phúc khảo điểm thi... qua hệ thống trang website của Nhà trường [<http://dbclkt.hdu.edu.vn/quy-trinh-khao-thi.html>], Phòng QLĐT SDH [H5.05.02.8] hoặc trong ĐCHP [H5.05.02.10].

2. Điểm mạnh

Hệ thống các văn bản quy định về ĐGKQ học tập của người học là đầy đủ, rõ ràng và được công bố công khai đến người học qua nhiều kênh thông tin. Người học biết, hiểu rõ các quy định về công tác KTĐG của Nhà trường và đồng thuận cao với các quy định hiện có.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù, hệ thống các văn bản quy định về ĐGKQ học tập của người học là đầy đủ, rõ ràng và được công bố công khai đến người học bằng nhiều hình thức nhưng vẫn còn một số ít HV chưa dành sự quan tâm để khai thác và tìm hiểu, vẫn còn HV khi làm luận văn tốt nghiệp chưa hiểu quy trình đánh giá tốt nghiệp các điều kiện để thực hiện luận văn theo quy định.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	GV giảng dạy và GV SDH của Khoa tăng cường tư vấn để người học nhận biết các hình thức và các quy định về KTĐG trong quá trình học tập toàn khoá.	CB GV giảng dạy, GVK	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Luôn cập nhật các văn bản, các quy định về KTĐG người học của bậc học thạc sĩ. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm tra, ĐGKQ học tập của người học đảm bảo tính khách quan, công bằng, chính xác, tin cậy trong KTĐG quá trình học tập của học viên trong suốt khóa học.	CB, GV giảng dạy	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Hình thức, phương pháp KTĐG kết quả học tập ngành Thạc sĩ QLGD Trường ĐHHĐ được xây dựng đa dạng, đảm bảo có giá trị, công bằng và đáng tin cậy xuyên suốt quá trình từ khi công nhận trúng tuyển đầu vào đến kết thúc quá trình đào tạo. Các phương pháp đánh giá được thực hiện theo từng học phần, tùy thuộc vào mức độ ứng dụng thực tế của học phần đó. Sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để đánh giá như thuyết trình, vấn đáp, tiểu luận, quan sát, tự luận cá nhân... Để ĐGKQ học tập được chính xác, Nhà trường ban hành quy định về xây dựng đề thi nhằm đảm bảo đánh giá đúng kiến thức người học với phương pháp phù hợp và cũng để bảo mật đảm, bảo công bằng cho người học [H5.05.03.02].

Để đảm bảo sự công bằng và độ tin cậy trong ĐGKQ học tập, công tác tổ chức thi luôn đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, đúng quy trình đã được quy định trước [H5.05.03.01]. Trong đó, quy định cụ thể các hình thức KTĐG học phần; quy định tổ chức thi kết thúc học phần (tại Quyết định số 395/QĐ-ĐHHĐ ngày 29/4/2020); và để đáp ứng tình hình mới khi dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Nhà trường cũng đã ban hành quy định về tổ chức thi học phần theo hình thức trực tuyến (quyết định 1580/QĐ-ĐHHĐ ngày 18/8/2021) [H5.05.03.01].

Các phương pháp KT,ĐG kết quả học tập của HV, được GV sử dụng phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR và sự tiến bộ của viên trong quá trình học tập. Cụ thể các phương pháp được sử dụng đa dạng, linh hoạt như: Phương pháp quan sát nhằm đánh giá sự chuyên cần, thái độ học tập; phương pháp vấn đáp nhằm kiểm tra kiến thức, kỹ năng và tính tích cực HV trong học tập; phương pháp kiểm tra viết, phương pháp đánh giá sản phẩm cá nhân và nhóm nhằm đo lường kiến thức, kỹ năng chuyên môn và các kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc nhóm, chia sẻ, trao đổi, thương lượng... được GV sử dụng thường xuyên và được thể hiện bởi 3 loại điểm số đánh giá quá trình với trọng số: *điểm chuyên cần (chiếm 20%), điểm quá trình (chiếm 30%) và điểm thi kết thúc học phần (chiếm 50%)* [H5.05.02.01(4)]

Đề thi cuối kì do giảng viên ra đề và có nội dung phù hợp với nội dung từng học phần, thời gian thi là 90 phút đối với học phần 2 tín chỉ, 120 phút đối với học phần 3 tín chỉ. Các câu hỏi đề thi đều có nội dung vận dụng kiến thức vào thực tiễn đánh giá được kiến thức và năng lực của học viên theo yêu cầu trong học phần. Mỗi học phần, giáo viên ra từ 2 đến 4 đề có độ khó tương đương nhau và có sự phân loại trình độ của học viên (minh chứng thông qua phổ điểm các năm) phòng kiểm định sẽ làm quy trình bố đề cho các buổi thi. Đáp án đề thi học phần được lập chi tiết đến 0,25 điểm

[H5.05.03.01].

Bài thi cuối kỳ do Phòng ĐBCL&KT lên kế hoạch phân công Trợ lý giáo vụ các khoa dọc phách chéo, chậm nhất 05 ngày sau khi kết thúc thi học phần. Thành lập tổ chấm gồm Tổ trưởng tổ chấm thi là lãnh đạo BM quản lý học phần, các cán bộ chấm thi do Trưởng BM phân công, thư ký chấm là trợ lý giáo vụ. Mỗi bài thi được chấm bởi 02 cán bộ chấm thi. Kết quả chấm thi được công bố trên hệ thống quản lý học tập (theo Quyết định số 395/QĐ-ĐHHĐ ngày 29/4/2020) [H5.05.03.01]. Ngoài ra, kết quả thi còn được lập biên bản đánh giá, phân loại theo từng thang điểm nhất định. Sau khi chấm thi, tiến hành đánh giá đề thi học phần dựa trên các tiêu chí như thể thức, cấu trúc đề thi; tính đồng đều của đề thi, sự phù hợp của kiến thức với thời gian làm bài; sự phù hợp của kiến thức với CDR của học phần; sự đảm bảo của đề thi về nội dung, về kiến thức, kỹ năng, thái độ, về phân loại trình độ người học; nội dung câu hỏi đảm bảo tính chính xác, giá trị, độ tin cậy, khoa học chặt chẽ và cập nhật của đề thi; có sự cụ thể về thang điểm trong đáp án đề thi và có sự đánh giá chung về kết quả học tập của HV nhằm cải tiến việc dạy và học [H5.05.03.01].

Sau khi công bố điểm thi, người học có thể khiếu nại điểm, phúc khảo bài thi trong vòng 14 ngày sau khi thi nếu thấy kết quả thi chưa đúng. Các phòng ban liên quan sẽ kiểm tra và nếu có sửa điểm thì được thực hiện đúng quy trình sửa điểm và lập biên bản theo đúng quy định [H5.05.03.06].

Cuối CTĐT, HV đăng ký làm luận văn thạc sĩ [H5.05.03.07] và phải tuân thủ các quy định về thể thức luận văn (Quyết định số 692/QĐ-ĐHHĐ ngày 10/5/2019) [H5.05.03.07]. Luận văn không được trùng lặp quá 30% so với các công trình công bố trước đó (Quyết định số 1792/QĐ-ĐHHĐ ngày 06/9/2021) [H5.05.03.08]. (https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLScumxStT4S9CHH-JySMQGK2b0kx5718GTuV3hjf_q4lMfDfXQ/viewform?usp=sf_link). Tổ chức đánh giá luận văn được thực hiện nghiêm túc, khách quan đúng quy định [H5.05.03.07], các khoá học được tổ chức bảo vệ tốt nghiệp đúng thời hạn theo quy định.

2. Điểm mạnh:

Phương pháp ĐGKQ học tập của HV ngành Thạc sĩ QLGD, Trường ĐHHĐ đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Đánh giá trong quá trình học tập cũng đã tương đối đa dạng sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để đánh giá như thuyết trình, vấn đáp, thực hiện thảo luận nhóm hoặc kiểm tra cá nhân giúp người học tự nhìn nhận về quá trình học tập của bản thân.

3. *Điểm tồn tại:* Phương pháp thi cuối học phần vẫn chủ yếu tự luận.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực	Thời gian thực hiện
----	----------	----------	--------------------	---------------------

			hiện	
1	Khắc phục điểm tồn tại	Vận dụng thực hiện tiêu luận, báo cáo chuyên đề thay thế hình thức thi tự luận đối với 1 số học viên có thành tích học tập môn học.	CB GV giảng dạy	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đa dạng các phương pháp đánh giá kết quả học tập Trong suốt quá trình học tập đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng	CB GV giảng dạy	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng:

Người học sau khi nhập học được Nhà trường cung cấp kế hoạch học tập của lớp [H5.05.04.02], trong đó thông tin đầy đủ về quy chế đào tạo cho cấp bậc thạc sĩ bao gồm những quy định chung, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét và thực hiện luận văn thạc sĩ... giúp người học nắm bắt được các quy trình nội dung nhằm kịp thời cải thiện được việc học tập của cá nhân.

Nhằm tạo điều kiện cho HV nhanh chóng biết được kết quả đánh giá học tập để có kế hoạch điều chỉnh học tập của bản thân, Nhà trường có quy định tổ chức thi kết thúc học phần, về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học [H5.05.04.03], Quy định về việc giao đề tài luận văn, kết quả đánh giá được công bố công khai đến giảng viên và người học để thực hiện và kiểm tra giám sát được thực hiện [H5.05.04.04].

Để đảm bảo đúng tiến độ Lãnh đạo khoa chỉ đạo giáo vụ phụ trách SDH của Khoa, Trưởng BM nhắc nhở GV trong việc hoàn thiện điểm đánh giá theo thời gian quy định (cụ thể sau thời gian kết thúc học phần trong 3 ngày GV phải hoàn thành điểm nhập trên phần mềm QLĐT nếu không sẽ bị khóa- thể hiện trên hệ thống). Nhằm đảm bảo phản hồi kịp thời điểm thường kỳ trên hệ thống. Việc công bố điểm sẽ được Phòng QLĐT SDH công bố công khai, đúng thời gian quy định trên Website của Nhà trường, người học có thể tra cứu tài khoản cá nhân để kịp thời nắm bắt được kết quả học tập của mình từ đó có phương án cải thiện việc học tập 1 cách nhanh nhất. [<http://sinhvien.hdu.edu.vn/sinh-vien-dang-nhap.html>].

Nhà trường ban hành và công khai các quy định về thủ tục đăng ký, làm luận văn và bảo vệ luận văn Thạc sĩ tại Trường ĐHHĐ được công bố công khai trên Website của Nhà trường [H5.05.04.04] để người học nắm bắt được nhiệm vụ và các thông tin để cải thiện quá trình làm luận văn, ra trường đúng tiến độ.

Ngoài ra, trường còn ban hành và công khai các thông tin danh mục tên đề tài và Cán bộ hướng dẫn luận văn; các thông tin công nhận tốt nghiệp trên website của Phòng QLĐT SDH (<http://hdu.edu.vn/vi-vn/39/1841/Q%C4%90-phe-duyet-ten-de-tai>), giúp HV có đầy đủ thông tin để có phương án cải thiện quá trình học tập cá nhân.

Thời gian, địa điểm bảo vệ tốt nghiệp của HV cao học cũng được công khai trên website trước một tuần để các bên liên quan, các đơn vị quan tâm tham dự giám sát và phản hồi ý kiến.

Cách thức phản hồi và thời gian phản hồi kết quả học tập được người học đánh giá 100% mức độ hài lòng thông qua đánh giá các tiêu chí hàng năm từ Phòng ĐBCL&KT và thông qua đối các Hội nghị đối thoại người học [H5.05.04.05].

2. Điểm mạnh

Có các qui trình về phản hồi KQ,ĐG người học được công khai và qua nhiều kênh. Các phòng ban chức năng như: Phòng QLĐT SDH, Phòng ĐBCL&KT, Khoa chuyên môn, GV... luôn hỗ trợ HV một cách kịp thời mọi thắc mắc trong KTĐG suốt khóa học.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm QLĐT đôi khi còn bị quá tải nên ảnh hưởng đến việc tra cứu thông tin về đánh giá tình hình học tập.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nâng cấp đường truyền internet giúp cho Cán bộ, GV, người học và các bên liên quan cập nhật tốt hơn các thông tin về kết quả của người học.	Phòng TC-HC-QT	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Công khai các qui trình về phản hồi KQĐG người học được công khai và qua nhiều kênh.	Các trợ lý SDH	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Kết quả của người học phản ánh chất lượng của công tác đào tạo. Vì vậy; để tạo

điều kiện tốt nhất cho người học, trong quá trình học tập, người học được quyền phúc tra khiếu nại kết quả học tập theo các quy định, quy trình khiếu nại. Đối với điểm quá trình, người học khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp. Đối với điểm thi kết thúc học phần, khi người học có yêu cầu khiếu nại kết quả học tập, bộ phận chức năng giải quyết kịp thời, thỏa đáng theo đúng quy định chấm phúc tra [H5.05.05.02]; với 7 bước (tiếp nhận đề nghị, kiểm tra sơ bộ tại Khoa TLGD, thành lập tổ chức phúc tra, hoặc tổ kiểm tra xác minh; kiểm tra xác minh hoặc chấm phúc khảo; BGH phê duyệt kết quả; Thực hiện sửa điểm trên hệ thống; thông báo kết quả và lưu hồ sơ) và kèm theo là có các biểu mẫu liên quan và thời gian lưu như: Phiếu phúc tra điểm, Đề nghị điều chỉnh điểm, Sổ thu nhận đơn, Danh sách tổ chức chấm, kiểm tra, Nhật ký sửa điểm [H5.05.05.02]. Các quy định quy trình được công bố công khai trên Web Phòng ĐBCL&KT để người học có thể tiếp cận dễ dàng [<http://dbclkt.hdu.edu.vn/quy-trinh-khao-thi.html>]. Ngoài ra tại các Khoa TLGD còn có các trợ lý SDH hỗ trợ kịp thời trong quá trình giải quyết khiếu nại.

Điểm phúc tra sẽ được công bố trực tiếp trên tài khoản cá nhân của người học trên hệ thống Website của Trường. Hàng năm, không có người học nào khiếu nại về kết quả học tập.

2. Điểm mạnh

- Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại nhằm hỗ trợ người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại.

- Trường có các bộ phận chuyên trách để hỗ trợ người học trong quá trình giải quyết khiếu nại, Khoa TLGD có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ người học.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn tồn tại học viên chưa nắm được quy trình khiếu nại kết quả học tập

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện khảo sát đánh giá việc tiếp cận quy trình khiếu nại của người học.	Phòng QLĐT SDH	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Các bộ phận trợ lý cần phát huy nội lực hơn nữa hỗ trợ người học	Các trợ lý SDH	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Việc ĐGKQ học tập của người học theo CTĐT thạc sĩ QLGD được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, các văn bản quy định về ĐGKQ học tập của

Trường ĐHHĐ, bám sát các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Phương pháp và quy trình KTĐG đã được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu từng học phần. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai cho người học. Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ chính xác và an toàn. Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập tại trường. Nhà trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học, giúp người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT Thạc sĩ QLGD tự đánh giá tiêu chuẩn 5 đạt 5/5 tiêu chí (Bình quân đạt 5,2/7 điểm)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt	Đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 5			5.20	5	100% (5/5)
Tiêu chí 5.1		5.0			
Tiêu chí 5.2		5.0			
Tiêu chí 5.3		5.0			
Tiêu chí 5.4		5.0			
Tiêu chí 5.5		6.0			

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Tính đến ngày 30/6/2022 khoa Tâm lý - Giáo dục có 19 cán bộ giảng viên, nhân viên. Trong đó có: 18 GV (01 PGS, 07 Tiến sĩ; 10 thạc sĩ) và 1 cán bộ hành chính kiêm quản lý sinh viên có trình độ Thạc sĩ. Ngoài ra, khoa còn có đội ngũ CBGV cơ hữu ngoài khoa là lãnh đạo trường, CBQL cấp đơn vị cũng tham gia thực hiện chương trình. Đội CBGV trong khoa có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc, có trình độ, năng lực chuyên môn đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của khoa và của nhà trường. Khoa và các BM đã xây dựng môi trường làm việc khoa học, dân chủ: CBQL, GV và người học được khuyến khích tham gia đóng góp ý kiến trong mọi hoạt động của nhà trường.

Đội ngũ CBGV tham gia giảng dạy và hướng dẫn học viên cao học QLGD được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với

trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, kỹ năng làm việc của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV, tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở Kết luận số 953-KL/TW ngày 05/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Xây dựng và phát triển Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, ngày 22/9/2022 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã ký Quyết định số 3169/QĐ-UBND ban hành Đề án “Xây dựng và phát triển Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trong đó nêu rõ mục tiêu xây dựng và phát triển Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “Đổi mới toàn diện, thực chất công tác quản trị, quản lý Nhà trường theo Luật Giáo dục đại học; xây dựng đội ngũ CBGV, nhân viên có phẩm chất, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao; nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động; đẩy mạnh hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; tăng cường CSVC, trang thiết bị theo hướng đồng bộ, hiện đại; xây dựng Trường ĐHHĐ từng bước trở thành đại học tự chủ, có hệ thống quản trị hiện đại, thông minh và chuyên nghiệp, trung tâm lớn về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo của Tỉnh, khu vực và cả nước” [H6.06.01.01]

Ngoài ra, trên cơ sở định biên được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt và yêu cầu thực tế của từng ngành đào tạo, Trường ĐHHĐ đã xây dựng và ban hành Chiến lược Phát triển Trường ĐHHĐ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 [H6.06.01.02] theo đó, mục tiêu phát triển đội ngũ CBGV là “*xây dựng đội ngũ CBGV phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển quy mô, bậc ngành đào tạo, có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu NCKH chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế, phát triển ngang tầm với nhiều trường đại học lớn trong cả nước*” được rà soát, điều chỉnh năm 2016 đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng. Hàng năm, nhà trường dựa trên Chiến lược phát triển đội ngũ để ban hành kế hoạch quy hoạch đào tạo theo từng giai đoạn. [H6.06.01.02], [H6.06.01.03]. Hiện nay, khoa Tâm lý - Giáo dục có 19 cán bộ giảng viên, nhân viên. Trong đó có 18 giảng viên và 1 cán bộ hành chính kiêm quản lý sinh viên (Sinh hoạt theo 02 bộ môn: Tâm lý học và Giáo dục học), trong đó, có 1 PGS và 7 TS tham gia trực tiếp vào CTĐT của Thạc sỹ QLGD [H6.06.01.04] [H6.06.01.05]. Ngoài ra, chương trình

Thạc sỹ QLGD còn có sự tham gia giảng dạy của các GV kiêm nhiệm, GV thỉnh giảng là các GV có uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trong nước. Với số lượng và trình độ hiện tại của ĐNGV Khoa TLGD đã đáp ứng tốt các yêu cầu trong hoạt động giảng dạy, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng.

Bảng 6.1. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2021 - 2022

TT	Trình độ/ Học vị	Số lượng người	Tỷ lệ %	Phân loại giới tính		Phân loại theo tuổi (Người)				
				Nam	Nữ	<30	30 - 40	41- 50	51- 60	>60
1	PGS,TS	8	42.1	6	2	0	0	3	3	2
2	TS	11	57.9	2	9	0	0	3	8	0
	Tổng số	19	100	8	11	0	0	6	11	2

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, nhà trường đã xây dựng quy hoạch ĐNGV trong giai đoạn 2016- 2020; 2021- 2025. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận [H6.06.01.02], [H6.06.01.03] [H6.06.01.06] [H6.06.01.07]

Trước khi xây dựng kế hoạch năm học, các BM tổ chức họp xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng GV. Trên cơ sở đề xuất của các BM, thực trạng về đội ngũ CBGV của khoa, tiêu chí, quy định chung của toàn trường, Ban chủ nhiệm Khoa TLGD và Hội đồng khoa học khoa đã họp đánh giá tình hình quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV của khoa và đề ra các tiêu chí riêng trong việc thu hút, tuyển dụng những CBGV có trình độ cao phục vụ chiến lược phát triển lâu dài của Khoa và được Hiệu trưởng phê duyệt [H6.06.01.08][H6.06.01.09] [H6.06.01.10]. Trong giai đoạn 2020 - 2025, Nhà trường đã thực hiện việc xây dựng, quy hoạch ĐNGV đi học NCS ngành QLGD đáp ứng cho thực hiện CTĐT Thạc sỹ QLGD [H6.06.01.03].

Tiêu chuẩn GV giảng dạy cho CTĐT Thạc sỹ QLGD: Có bằng tốt nghiệp tiến sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm và chuyên ngành giảng dạy; Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho GV; Có chứng chỉ bồi dưỡng hạng GV; Ngoại ngữ (Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh; Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; Chứng chỉ tiếng Anh B1 Châu Âu theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trở lên); Tin học (Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của

Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT) và có năng lực NCKH [H6.06.01.11].

Hiện nay, số GV tham gia thực hiện CTĐT Thạc sĩ QLGD bao gồm GV cơ hữu trong khoa, GV cơ hữu ngoài khoa trong nhà trường là 19 người; 100% có trình độ SDH (PGS:8; TS: 11) [H6.06.01.12]. Điều này cho thấy số lượng và chất lượng ĐNGV Thạc sĩ QLGD hiện nay đã đáp ứng yêu cầu đặt ra về phát triển đội ngũ GV của Khoa, nhà trường trong giai đoạn 2020 - 2025 và đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

Bảng 6.2. Số lượng GV tham gia hướng dẫn giai đoạn 2017 - 2022

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
GV cơ hữu của khoa	5	5	5	6	8
GV cơ hữu ngoài khoa (trong trường)	1	1	2	2	5
GV mời bên ngoài trường	6	6	7	7	8
Tổng	12	12	14	15	21

Việc tăng về số lượng Tiến sĩ đáp ứng yêu cầu CTĐT qua các năm được thể hiện qua bảng 6.3:

Bảng 6.3. Cơ cấu số lượng CBGV cơ hữu tham gia CTĐT giai đoạn 2017- 2022

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
PGS.TS	3	3	3	4	8	
Tiến sĩ	5	5	5	8	11	
Tổng	8	8	8	12	19	
Trong đó:						
Trình độ đào tạo	VB2 T.A	3	3	4	8	10

Bảng 6.3 cho thấy số lượng và chất lượng ĐNGV tham gia CTĐT hiện nay đã đáp ứng yêu cầu đặt ra về phát triển ĐNGV của Khoa và Nhà trường trong giai đoạn 2017 - 2022.

Với đội ngũ mạnh cả về lượng và chất đội ngũ CBQL, GV và nhân viên hỗ trợ của CTĐT Thạc sĩ QLGD đã đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.01.13]. Cụ thể, trong giai đoạn từ năm 2019 - 2022 ngành đã có 2 GV chủ nhiệm đề tài cấp Bộ và cấp Tỉnh, trong đó có 1 đề tài cấp tỉnh đạt xuất sắc; có 2 GV chủ nhiệm đề tài NCKH cấp cơ sở. 100% GV có bài viết đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước.

Công tác bổ nhiệm, bố trí công việc của Khoa, BM được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo các tiêu chuẩn và quy trình thực hiện [H6.06.01.05] [H6.06.01.14],

[H6.06.01.15]. Việc chấm dứt hợp đồng làm việc, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV cơ hữu được thực hiện nghiêm túc và đúng qui định. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành [H6.06.01.14]. Việc chấm dứt hợp đồng và nghỉ chế độ của nhà trường được thực hiện theo đúng quy định.

2. Điểm mạnh

Việc đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí sử dụng đối với GV đảm bảo phát huy năng lực, sở trường và cơ hội phát triển nghề nghiệp chuyên môn của đội ngũ CBGV tham gia CTĐT.

3. Điểm tồn tại

- Chưa có nhiều tiến sĩ chuyên ngành QLGD
- Đội ngũ GV cơ hữu trong khoa có chức danh PGS còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thiện bản thân.		
2	Khắc phục hạn chế	Giải pháp: Khuyến khích GV làm PGS; Giao nhiệm vụ cho giảng viên có trình độ tiến sĩ nhanh chóng được phong học hàm PGS; Giao nhiệm vụ cho GV học NCS tốt nghiệp đúng thời hạn; Cử thêm giảng viên đi đào tạo TS chuyên ngành QLGD.	Phòng TC-HC-QT, Khoa TLGD	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm.

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/ người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ do Bộ GD&ĐT ban hành, tiêu chuẩn của GV giảng dạy và hướng dẫn luận văn thạc sĩ phải có trình độ tiến sĩ. Do vậy, 100% GV trực tiếp tham gia giảng dạy và hướng dẫn luận văn Thạc sĩ QLGD đều có trình độ từ Tiến sĩ trở lên [H6.06.02.01]. Để đo lường và đánh giá khối lượng công việc của GV nhằm xác định số lượng GV cần thiết đáp ứng nhu cầu của CTĐT. Khoa TLGD đã sử dụng chỉ số qui đổi thời gian toàn phần (Full-time Equivalent - FTE) và tỷ lệ GV/HV. Đối với chỉ số FTE cho GV, được

tính dựa trên lượng thời gian đầu tư cho chương trình. 1 FTE tương đương với 40 giờ làm việc một tuần, 44 tuần/năm theo qui định tại qui chế làm việc của GV (tương đương với làm việc toàn thời gian). GV thỉnh giảng trung bình làm việc một nửa thời gian so với GV toàn thời gian tương đương 0,5 FTE (xem bảng 6.3).

Bảng 6.4. Số lượng giảng viên làm việc toàn thời gian của chương trình Quản lý giáo dục năm học 2021-2022

Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số	CB - GV quy đổi thành GV toàn thời gian (FTEs*)	Ghi chú
Phó giáo sư	5	3	8	8 x3= 24	100%
Tiến sĩ	2	9	11	11x2= 22	100%
Giáo sư/GV thỉnh giảng	0	0	0	0	0
Tổng số	7	12	19	46	100%

(*)1 FTE tương đương với 40 giờ làm việc một tuần (tương đương thời gian làm việc toàn thời gian). Một CBGV làm việc 8 giờ/tuần sẽ tương đương với 0,2 FTE.

Tổng số GV tham gia Chương trình Thạc sĩ QLGD: 19 (GS, PGS 8 x3+TS 11 x2) = 46 GV quy đổi.

Tính đến cuối năm 2021-2022, chuyên ngành Thạc sĩ QLGD có tổng số 323 HV [H6.06.02.02]. Để tính FTE của người học, chương trình dựa trên lượng thời gian đầu tư cho việc học. Do đặc thù của CTĐT chủ yếu là các đối tượng vừa làm vừa học. Vì vậy, giờ học của HV là bán thời gian. 1 FTE tương đương 24 giờ học/tuần thì FTE của một HV bán thời gian có chương trình học 12 giờ/tuần sẽ là 0.5 (xem bảng 6.5).

Bảng 6.5 Tỷ lệ người học/giảng viên của ngành

Năm học (1)	Số lượng HV (2)	Tổng số FTEs của Giảng viên (3)	Tổng số FTEs của người học (4=2*0.5)	Tỷ lệ GV/HV (5=3/4)
2017-2018	58	8	29	0.27
2018-2019	27	8	14	0.57
2019-2020	59	9	30	0.3
2020-2021	97	12	49	0.24
2021-2022	111	18	57	0.31

Khối lượng công việc, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV được thực hiện theo chế độ làm việc đối với GV của Bộ GD&ĐT, Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV Trường ĐHHĐ. Việc quy đổi khối lượng định mức

công việc của ĐNGV theo giờ chuẩn rất cụ thể, rõ ràng, dễ đo lường, giám sát và đánh giá; qua đó cũng xác định đúng định mức giờ giảng/khối lượng công việc, tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với ĐNGV, nghiên cứu viên cần thực hiện trong một năm. Cụ thể, đối với GV năm học 2021-2022 phải thực hiện định mức 250 giờ giảng dạy và 195 giờ NCKH trên 1 năm đối với GV hạng III và 270 giờ giảng dạy và 215 giờ NCKH đối với GV hạng II [H6.06.02.03], [H6.06.02.04], [H6.06.02.05], [H6.06.02.06].

Đối với GV, ngoài nhiệm vụ giảng dạy còn tham gia NCKH. Chính vì vậy GV Khoa TLGD tích cực tham gia các đề tài KHCN đề tài nghiên cứu cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp Cơ sở; viết bài cho các tạp chí khoa học chuyên ngành (có chỉ số ISSN và ISBN), các hội thảo khoa học (quy mô quốc tế, quốc gia)... [H6.06.02.07].

Vào tháng 5 hàng năm, căn cứ vào định mức giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm các công tác khác, các GV ở BM xây dựng khối lượng công tác cá nhân, các BM và Khoa tiến hành xây dựng kế hoạch cho năm học mới (*kế hoạch giảng dạy, NCKH, thực hành, thực tập, rèn nghề, viết tài liệu giáo trình, ra đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, xây dựng ĐCCCT HP...*) [H6.06.02.08], trình Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt với tổng số giờ thực hiện không vượt quá 200% định mức phải thực hiện trong năm học. Ngoài công tác quản lý chuyên môn trực tiếp từ lãnh đạo BM, Khoa, còn có các đơn vị như: Phòng QLĐT SDH, Phòng quản lý Khoa học công nghệ & hợp tác quốc tế, Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phòng ĐBCL&KT, Phòng TC-HC-QT phối hợp giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của GV nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo giờ giảng dạy và NCKH của GV [H6.06.02.06] [H6.06.02.09].

Để sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí Trường ĐHHĐ đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của ĐNGV, thanh toán vượt định mức giảng dạy và các hoạt động khác [H6.06.02.10] [H6.06.02.11].

Cuối mỗi năm học căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng công việc và mức độ hoàn thành, BM đánh giá, lãnh đạo Khoa đánh giá xếp loại và trình lên Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp Trường bình xét, đánh giá xếp loại cuối năm với các danh hiệu khác nhau [H6.06.02.09], [H6.06.02.12].

Bảng 6.6. Kết quả đánh giá xếp loại GV của CTĐT giai đoạn 2017 - 2022

TT	Năm học	Kết quả xếp loại				
		Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Không hoàn	Tổng

		XS nhiệm vụ		tốt nhiệm vụ		nhiệm vụ		thành NV		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	2017-2018	1	20	4	80	0	0	0	0	5
2	2018-2019	1	20	4	80	0	0	0	0	5
3	2019-2020	1	16.6	4	83.3	0	0	0	0	5
4	2020-2021	1	28.5	5	83.3	0	0	0	0	6
5	2021-2022	1	14.2	6	85.7	0	0	0	0	7

Việc đánh giá xếp loại GV hàng năm không chỉ giúp từng GV đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, đánh giá những hạn chế của bản thân đưa ra giải pháp cụ thể để học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác, mà còn là một phần quan trọng trong đánh giá chất lượng hoạt động của đơn vị, của nhà trường nhằm hướng tới việc thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ CBGV trong khoa luôn nỗ lực, cố gắng và thực hiện tốt khối lượng công tác giảng dạy, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Khoa có đủ ĐNGV cơ hữu và GV thỉnh giảng có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm để giảng dạy và hướng dẫn cho HV cao học chuyên ngành QLGD.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên trong khoa ít trong khi khối lượng công việc nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	-Đẩy mạnh và hoàn thiện các tiêu chí ĐGKQ thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học mới thông qua bản tự nhận xét, đánh giá của CBVC. -Tăng cường các hoạt động hỗ trợ, tạo điều kiện nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy, hướng dẫn và NCKH.	Phòng TC-HC-QT, Khoa TLGD	Năm 2023
2	Khắc phục hạn chế	Từ năm học 2022-2023, Khoa TLGD khuyến khích và giao nhiệm vụ cho GV có trình độ tiến sĩ làm PGS, BM GDH	Khoa TLGD, BM GDH	Từ năm học 2022-2023

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
		sẽ tuyển thêm GV, cử GV đi học NCS, tăng số GV có trình độ PGS.		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

ĐNGV là nhân tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Chính vì vậy, Khoa và Nhà trường luôn đảm bảo tuyển dụng CBGV có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu, có năng lực NCKH và phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào các văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của nhà trường và đặc thù riêng của Khoa TLGD, Khoa đã tổ chức thảo luận, thống nhất đề xuất và tham mưu để Nhà trường ban hành tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV công khai.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển GV được quy định cụ thể, rõ ràng, bao gồm các tiêu chí: *Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; có năng lực giảng dạy và NCKH, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; có bằng tiến sĩ đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; có trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc; có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp; có lý lịch bản thân rõ ràng...* [H6.06.03.01].

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa; được đăng tải trên báo chí khi có các đợt tuyển dụng tập trung [H6.06.03.02]. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với nâng cao chất lượng đội ngũ của Nhà trường. Việc tuyển dụng GV luôn đảm bảo khách quan, chính xác và công bằng. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai trên địa chỉ website <http://www.hdu.edu.vn/>. [H6.06.03.03] [H6.06.03.04], [H6.06.03.05].

Sau khi trúng tuyển, GV đều được Nhà trường, Khoa phân công GV có kinh nghiệm và chuyên môn hướng dẫn thử việc, thực hiện biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng, giảng trước BM và được BM dự giờ, góp ý và đánh giá chuyên môn rồi mới được lên lớp chính thức. Trong quá trình thử việc có GV hướng dẫn tập sự đi dự giờ thường xuyên nhằm góp ý chỉnh sửa những sai sót nếu có. [H6.06.03.01]; [H6.06.03.05]

Bên cạnh đó, GV thử việc cũng phải hoàn thành định mức, thực hiện 1 NCKH (báo

cáo trước hội đồng khoa học Khoa khi kết thúc giai đoạn thử việc) và tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trong giai đoạn 2017 - 2022, Khoa đã tiếp nhận và tuyển dụng được 01 GV. Kết quả tuyển dụng GV đã đáp ứng các tiêu chí, yêu cầu đề ra, GV được tuyển dụng có trình độ thạc sĩ, có năng lực CNKH và tham gia hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.03.04].

GV tham gia thực hiện CTĐT Thạc sĩ QLGD có trình độ chuyên môn cao, có các phẩm chất năng lực theo các tiêu chí đã xác định. Quá trình tuyển GV được triển khai chặt chẽ thông qua Hội đồng tuyển dụng Nhà trường.

Công tác quy hoạch nhằm xây dựng đội ngũ CBQL có chất lượng được tiến hành công khai minh bạch, đảm bảo dân chủ, quy hoạch được những cán bộ có năng lực, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức, có đủ uy tín vào những vị trí quản lý cho từng nhiệm kỳ. Việc đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức và luân chuyển các chức vụ quản lý của Khoa được Nhà trường thực hiện đúng quy trình, quy định theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo tính kế thừa và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Nhà trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GV chính, PGS, GS) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng Khoa/ Phó trưởng khoa, Trưởng BM/ Phó trưởng BM, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về giảng dạy, NCKH [H6.06.03.06], [H6.06.03.07], [H6.06.03.08].

Ngoài ra, việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý lãnh đạo trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng qui chế, qui trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm lãnh đạo quản lý Khoa căn cứ vào tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo Khoa của Nhà trường giai đoạn 2015-2020 [H6.06.03.04].

Hàng năm Nhà trường tổ chức đánh giá xếp loại thi đua, khen thưởng viên chức đúng quy trình và thủ tục, đảm bảo công bằng cho các GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H6.06.03.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các quy định đầy đủ, cụ thể, rõ ràng về việc tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm GV công khai, minh bạch nên đã tuyển dụng, bồi dưỡng được những GV có trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cao, có năng lực góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Do các cấp chưa phê duyệt đề án vị trí việc làm cho cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường nên khoa chưa được tuyển dụng giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực	Thời gian
----	----------	----------	----------------------	-----------

			hiện	
1	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh việc tổ chức lấy ý kiến, thảo luận, thống nhất xây dựng bộ tiêu chí tuyển dụng cụ thể, góp phần tuyển dụng được ĐGGV đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, có năng lực NCKH, ngoại ngữ, tin học.	Phòng TC-HC-QT Khoa TLGD	Từ năm học 2022-2023
2	Khắc phục hạn chế	- Nhà trường đề nghị Tỉnh sớm phê duyệt đề án vị trí việc làm - Khoa xây dựng kế hoạch tuyển dụng giảng viên và đề nghị nhà trường phê duyệt sau khi có đề án vị trí việc làm	Phòng TC-HC-QT Khoa TLGD	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt yêu cầu, mức 6/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

GV được xem là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng chiến lược phát triển của chương trình đào tạo, đầu tư phát triển ĐNGV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Để phát triển ĐNGV, nhà trường đã ban hành các quy định cụ thể về tiêu chuẩn của từng chức danh GV như: GV hạng I, GV hạng II, GV hạng III, Các tiêu chí chung của GV đó là: cần phải có năng lực giảng dạy, NCKH, tự học và phục vụ cộng đồng. Để thực hiện được năng lực giảng dạy, GV phải có năng lực xây dựng thiết kế và thực hiện CTDH, năng lực lựa chọn và áp dụng các PPGD, KTĐG phù hợp đáp ứng yêu cầu CTĐT, năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học, năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc. Đối với NCKH, GV cần có năng lực tự nghiên cứu đề tài, hướng dẫn người học NCKH, viết bài đăng tạp chí Khoa học và liên kết hợp tác thực hiện các nghiên cứu [H6.06.04.01].

Cơ cấu trình độ của GV của các BM trong Khoa TLGD (bảng 6.5) theo biểu đồ (số lượng và chất lượng ĐNGV của Khoa TLGD tăng lên hàng năm). Dựa vào bảng 6.7, có thể thấy, ĐNGV tham gia CTĐT đã đáp ứng về năng lực và yêu cầu của CTĐT [H6.06.04.02].

Bảng 6.7. Thống kê đội ngũ cán bộ - giảng viên Khoa TLGD giai đoạn 2017-2022

Năm	Trình độ		Chuyên ngành	
	GS, PGS	TS	Tâm lý học	Giáo dục học

2017- 2018	0	5	1	4
2018-2019	0	6	2	4
2019-2020	0	6	2	4
2020-2021	0	7	3	4
2021-2022	1	7	4	4

(Nguồn: phòng TCCB)

ĐNGV của Khoa rất nỗ lực, tích cực tham gia NCKH và điều đó được thể hiện rõ ràng qua số lượng công trình nghiên cứu được công bố hằng năm trên các tạp chí khoa học, tham gia các hội thảo khoa học uy tín trong nước và quốc tế, cũng như số lượng đề tài NCKH cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ mà GV của Khoa đã và đang thực hiện [H6.06.04.01]. Vì vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng tốt yêu cầu của công việc.

Hiện nay, 100% GV có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm về giảng dạy đại học, trình độ ngoại ngữ của Khoa có 5,2 % GV có trình độ tiếng Anh thành thạo 4 kỹ năng, 78,9% GV có văn bằng 2 tiếng Anh, 5,2 % GV được đào tạo từ nước ngoài, 100% GV có trình độ tin học đáp ứng yêu cầu công việc được giao, những chuẩn năng lực của GV thường xuyên được cập nhật và công bố công khai trên website của khoa [H6.06.04.03].

Trên cơ sở chuyên môn được đào tạo và kế hoạch dạy học hằng năm, BM đã phân công các học phần giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo và năng lực sở trường của cá nhân. Đội ngũ CBGV của Khoa không ngừng tự học tập nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của HV và xã hội.

Để đánh giá năng lực giảng dạy, Khoa triển khai công tác dự giờ GV theo đúng kế hoạch [H6.06.04.04]. Sau khi kết thúc mỗi học phần, phòng ĐBCL&KT đều lấy ý kiến phản hồi của người học về năng lực giảng dạy của GV thông qua phiếu đánh giá khuyết danh với nhiều tiêu chí khác nhau. Kết quả, SV đánh giá cao năng lực giảng dạy của GV trong khoa. ĐNGV trong Khoa đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học. [H6.06.04.05], [H6.06.04.06].

Trong 5 năm gần đây, Khoa TLGD có 1 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp Tỉnh đã được nghiệm thu; Có 11 đề tài cơ sở đã được nghiệm thu và 2 đề tài cấp cơ sở chuẩn bị nghiệm thu; có 62 bài báo đăng trên tạp chí Khoa học chuyên ngành; tổ chức 3 hội thảo cấp Trường đạt kết quả tốt. [H6.06.04.01]

Việc đánh giá năng lực của GV được thực hiện theo đúng quy định về đánh giá, xếp loại CBGV của Trường ĐHHĐ công bằng, khách quan; đánh giá lần lượt theo từng nội dung công việc (hoạt động giảng dạy, NCKH, đánh giá của đồng nghiệp dự giờ thao giảng, đánh giá của người học...) [H6.06.02.02], [H6.06.02.04]. Căn cứ vào hướng dẫn đánh giá CBVC hằng năm và hướng dẫn đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm, cá nhân tự đánh giá xếp loại, BM/tổ công tác đánh giá xếp loại, Khoa họp hội đồng bình

xét, xếp loại, trình Hội đồng Nhà trường xem xét kết quả, thành tích đóng góp của viên chức để xếp loại vào các mức: *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ/ hoàn thành tốt nhiệm vụ/ hoàn thành nhiệm vụ/ không hoàn thành nhiệm vụ*. Hội đồng trường căn cứ kết quả đánh giá từ Khoa, kết hợp với kết quả đánh giá của người học để xem xét và xin ý kiến hội đồng thi đua khen thưởng công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.02.07]

Như vậy, năng lực của của ĐNGV được xác định rõ ràng, nhất quán. Hàng năm, các quy định, quy trình đánh giá năng lực GV đều được cải tiến dựa trên những ý kiến đóng góp của CBGV. BM, Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển GV phù hợp.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã có đầy đủ các văn bản quy định về tiêu chuẩn của GV đại học .
- Việc đánh giá năng lực của đội ngũ CBGV được sử dụng làm căn cứ khen thưởng, quy hoạch, bố trí sử dụng CB góp phần thúc đẩy việc tập trung nghiên cứu học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của ĐNGV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng bài báo quốc tế/giảng viên chưa cao, chưa có nhiều bài báo có chỉ số ISI và Scopus.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường có chế độ, chính sách đãi ngộ để giảng viên yên tâm giảng dạy, nghiên cứu và cống hiến.	Phòng TC-HC-QT Khoa TLGD	Từ năm học 2022-2023
2	Khắc phục hạn chế	Động viên giảng viên tích cực nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học; Có chế độ khen thưởng đối với những giảng viên có thành tích cao trong nghiên cứu khoa học.	Phòng Quản lý KHCN&HTQT; Khoa TLGD	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Năng lực chuyên môn của ĐNGV được coi là yếu tố rất quan trọng để Nhà trường phát triển và khẳng định uy tín. Do vậy, trong chiến lược phát triển ĐNGV, nhà trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ cho GV theo từng năm. Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu, đề xuất cụ thể của GV (qua đề xuất chung của Khoa, BM). Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển ĐNGV của Khoa TLGD luôn bám sát quy định về đào tạo, bồi dưỡng CBVC của nhà trường. Hàng năm, Khoa chuyên môn đề xuất kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn gửi lên Trường để xây dựng thành kế hoạch chung [H6.06.05.01], [H6.06.05.02].

Để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của ĐNGV, nhà trường đã triển khai các thông báo về chương trình tuyển sinh đào tạo trong nước và nước ngoài của Bộ GD&ĐT đến tất cả các đơn vị trong Trường, và sau đó Khoa phổ biến đến toàn thể GV của Khoa. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho các GV có nhu cầu tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng, nghiên cứu...[H6.06.05.03], [H6.06.05.04]. Nếu GV đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tuyển sinh Nhà trường đều cử đi học tập và có chính sách ưu đãi cụ thể cho từng đối tượng theo quy định chung của trường.

Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng phát triển ĐNGV Khoa TLGD được xây dựng dựa trên chiến lược đào tạo bồi dưỡng của Trường, [H06.06.05.05] [H6.06.05.06]. Căn cứ kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ của Trường, dựa trên việc đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của CBGV, khoa đã xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí cán bộ theo từng năm học và theo các giai đoạn khác nhau [H6.06.05.07]. ĐNGV của Khoa TLGD luôn có nhu cầu được đào tạo và phát triển về chuyên môn, nghiệp vụ. Trong thời gian qua, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đã được Nhà trường triển khai, hỗ trợ kinh phí, đã thu hút đông đảo ĐNGV của Khoa tham gia như: bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh, các khóa tập huấn về đổi mới giảng dạy ở bậc đại học, thạc sỹ và các khóa học nâng cao năng lực ngoại ngữ [H6.06.05.02], [H6.06.05.04], [H6.06.05.08]

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển ĐNGV của Khoa, BM luôn bám sát Quy định về phát triển ĐNGV đạt chuẩn của Nhà trường. Hàng năm, Khoa yêu cầu cán bộ chưa đạt chuẩn đang trong độ đi học đăng ký kế hoạch học tập, nâng cao trình độ theo quy định [H6.06.05.05], [H6.06.05.09]. Trường và Khoa luôn tạo điều kiện hỗ trợ GV tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài nhằm nâng cao trình độ [H6.06.05.01]. Để đẩy nhanh tiến độ GV đạt chuẩn học vị tiến sĩ, Trường có nhiều chính sách như: giảm 100% định mức giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV học nghiên cứu sinh diện tập trung; giảm 50% giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV học nghiên cứu sinh diện không tập trung [H6.06.05.09].

Ngoài ra, Nhà trường còn ban hành những chính sách đãi ngộ cụ thể được quy

định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và Quy định chế độ làm việc của GV Trường ĐHHĐ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo, phát triển chuyên môn của ĐNGV, chuyên viên trong nhà trường như: Hỗ trợ một phần học phí, cắt giảm $\frac{1}{2}$ định mức hàng năm, khuyến khích khen thưởng khi GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập [H6.06.02.02].

Bảng 6.8. Số lượng GV của CTĐT tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn giai đoạn 2017 - 2022

Năm học		2017-2018	2018 - 2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Đào tạo dài hạn						
Trình độ đào tạo	TS	3	3	0	0	0
Kế hoạch học tập		Cấp bằng	Cấp bằng	Cấp bằng	Cấp bằng	Cấp bằng
Loại hình đào tạo		Không TT	Không TT	Tập trung	Tập trung	Tập trung
Chuyên ngành đào tạo		Tâm lý học, Giáo dục học	Tâm lý học, Giáo dục học			
Trình độ đào tạo	VB2	0	0	0	4	3
Chuyên ngành đào tạo					Đại học Sư phạm Tiếng Anh	Đại học Sư phạm Tiếng Anh
Trong hoặc ngoài nước		Trong nước	Trong nước	Trong nước	Trong nước	Trong nước
Kinh phí thực hiện		Theo QĐ	Theo QĐ	Theo QĐ	Theo QĐ	Theo QĐ
Đào tạo ngắn hạn						
QLGD				3		
Tin học				7		
NVSP				7		
GV hạng 1				3		
GV hạng 2			2	5		
GV hạng 3				2		
Kinh phí thực hiện			Theo QĐ	Theo QĐ	Theo QĐ	

(Nguồn: phòng TCCB)

2. Điểm mạnh

Việc xác định nhu cầu đào tạo phát triển của ĐNGV đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT tiên sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo).

3. Điểm tồn tại

Giảng viên chưa được tham gia nhiều các các hội thảo quốc tế để phát triển chuyên môn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV đi học nghiên cứu sinh, các khóa đào tạo ngắn hạn, các hội thảo quốc tế - Thường xuyên tổ chức các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho GV chất lượng, hiệu quả.	Phòng TC-HC-QT Khoa TLGD	Từ năm học 2022-2023
2	Khắc phục hạn chế	Khuyến khích giảng viên tham gia các hoạt động thực tế và các hội thảo quốc tế.	Phòng TC-HC-QT Khoa TLGD	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Quản trị theo kết quả công việc của GV là việc mà Trường ĐHHĐ đã triển khai sâu rộng nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhà trường có quy định cụ thể về chế độ làm việc của CBGV ban hành kèm theo Quyết định 726/QĐ-ĐHHĐ ngày 27/5/2019; Trong đó có các nội dung về định mức khối lượng công tác GV về giảng dạy, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng bắt buộc phải thực hiện trong năm [H6.06.06.01].

Đầu mỗi năm học, Khoa TLGD và Nhà trường đã triển khai việc giao định mức các hoạt động giảng dạy, học tập kèm theo kinh phí theo từng nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị (căn cứ vào kế hoạch đã xây dựng). Trên cơ sở đó, lãnh đạo BM căn cứ vào năng lực chuyên môn, sở trường của mỗi GV để phân công khối lượng giờ giảng cho từng GV theo quy định của Nhà trường. Bên cạnh đó, GV còn phải hoàn thành các khối lượng công việc cụ thể như: Coi thi, chấm thi, xây dựng và chỉnh sửa ĐCCT HP, Ngân hàng câu hỏi thi, soạn bài giảng, viết bài báo Khoa học, hướng dẫn người học NCKH, tham gia hội thảo, seminar, nghiên cứu đề tài Khoa học các cấp, tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng... [H6.06.06.02].

Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả, tiến độ triển khai khối lượng công tác của GV được thực hiện nghiêm túc thông qua Trưởng BM và lãnh đạo Khoa, Phòng QLĐT SDH, Phòng Quản lý KHCN & HTQT, Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phòng ĐBCL&KT... của Nhà trường; Các bài báo của CBGV có nội dung phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường, gắn kết chặt chẽ với các ngành, chuyên ngành đào tạo của Trường và phù hợp với các chương trình KH&CN trọng tâm của tỉnh Thanh Hoá [H6.06.06.03]. Để khuyến khích động viên GV tham gia NCKH có chất lượng cao, Nhà trường đã có Quy định về khen thưởng đối với các công trình khoa học đăng trên các tạp chí Khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao (ISI, SCI, Scopus...) [H6.06.06.04]. Các đề tài trong lĩnh vực giáo dục, đổi mới công tác quản lý và nhiều đề tài nghiên cứu đổi mới CTĐT, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới công tác thi, KTĐG theo yêu cầu của thực tiễn đã được CBGV Nhà trường chú trọng thực hiện. Đây là các nghiên cứu quan trọng góp phần tích cực trong việc xây dựng và phát triển Nhà trường, trước yêu cầu cấp thiết của đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT.

Việc đánh giá khối lượng thực hiện công việc của GV được tiến hành theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật, xếp loại, thi đua của Nhà trường, của Đảng bộ và các tổ chức chính trị. Cụ thể, đầu năm mỗi GV sẽ có kế hoạch về khối lượng công việc cũng như đăng ký các tiêu chí thi đua của trường, cuối năm căn cứ khối lượng công việc thực hiện cũng như những tiêu chí thi đua làm căn cứ đánh giá xếp loại và khen thưởng GV [H6.06.06.04].

Hàng năm, nhà trường tiến hành tôn vinh và bình xét các danh hiệu vào cuối năm học (đối với thi đua của Đảng được thực hiện vào cuối năm dương lịch). Cụ thể, GV được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc vụ khi có các thành tích xuất sắc trong giảng dạy, NCKH và gương mẫu trong thực hiện nội quy, quy chế đào tạo. Những GV này sẽ được bình xét lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp hằng năm. Đối với khen thưởng NCKH, GV phải có ít nhất một trong các điều kiện sau: Có đề tài NCKH đạt loại xuất sắc hoặc có ít nhất 4 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành được hội đồng nhà nước tính điểm hoặc có 1 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISI, Scopus hoặc có chỉ số Impact. Sự ghi nhận và khen thưởng đối với GV luôn được triển khai kịp thời, đúng quy định đó chính là động lực cho ĐNGV tích cực hơn trong công tác [H6.06.06.05]. Đặc biệt những GV có thành tích xuất sắc và đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2 năm liên tục được xem xét nâng bậc lương trước hạn [H6.06.06.06]

Bảng 6.9. Kết quả thi đua, khen thưởng GV của CTĐT giai đoạn 2017 - 2022

TT	Năm học	Khen thưởng					
		LĐTT	CSTĐ cấp	CSTĐ cấp tỉnh	Cấp Bộ	XS trong HĐ NCKH	Tăng lương trước hạn

		trường				cấp trường							
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	2017-2018	4	20	1	10.5	0	0	0	0	0	0	0	0
2	2018-2019	4	20	1	10.5	0	0	0	0	0	0	0	0
3	2019-2020	4	20	1	10.5	0	0	0	0	0	0	0	0
4	2020-2021	5	16,6	1	10.5	0	0	0	0	0	0	0	0
5	2021-2022	5	28.5	2	5.3	0	0	0	0	0	0	1	16.6

2. Điểm mạnh

Việc quản lý, xác nhận kết quả khối lượng công tác, kết quả bình xét thi đua khen thưởng đối với ĐNGV luôn được thực hiện công khai, minh bạch, kịp thời, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn làm thước đo khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện chặt chẽ, giúp cho công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa, tạo động lực cho GV trong công tác giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc quản trị theo kết quả công việc đôi lúc còn chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho GV, nghiên cứu viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục có cơ chế thi đua, khen thưởng, khuyến khích các GV có thành tích xuất sắc trong các hoạt động giảng dạy, NCKH; tạo động lực cho GV trong công tác giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của Khoa và Nhà trường.	Phòng TC-HC-QT Khoa TLGD	Từ năm học 2022 - 2023
2	Khắc phục hạn chế	Nhà trường cần có biện pháp động viên, khuyến khích, khen thưởng kịp thời nhằm tạo động lực cho GV, nghiên cứu viên.	Phòng TC-HC-QT Khoa TLGD	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành nhiệm vụ quan trọng đối với GV. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của GV luôn được xác lập rõ ràng. Trong bản kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn HV NCKH đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định [H6.06.07.01]. Kết thúc năm học, Khoa và Trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV [H6.06.07.02] [H6.06.07.03] [H6.06.07.04]. Theo quy định về chế độ làm việc đối với GV [H6.06.07.05]. Hằng năm GV phải dành ít nhất 1/3 định mức giờ chuẩn trong năm để thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho GV và đơn vị theo định mức, cuối năm phải hoàn thành các nhiệm vụ quy đổi là 195 giờ (đối với GV) và 215 giờ (đối với GVC): (Chủ trì/tham gia thực hiện đề tài các cấp; chuyển giao kết quả NCKH; công bố kết quả trên tạp chí chuyên ngành; hướng dẫn HV NCKH; đề xuất, chủ trì/tham gia các hoạt động về hợp tác quốc tế trong KH&CN; đề xuất hoặc thực hiện ý tưởng sáng tạo và các hoạt động KH&CN) [H6.06.07.06.a].

Ngay sau khi Hội đồng đã thẩm định hợp đánh giá, góp ý, Hiệu trưởng ký thông báo nhiệm vụ NCKH của mỗi cá nhân để tiếp tục triển khai, thực hiện. Khi xây dựng và ban hành các quy định này, CBGV của Nhà trường đều có ý kiến tham gia đầy đủ. Công tác quản lý đề tài cấp cơ sở, Nhà trường đã ban hành quy định rất rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn của chủ nhiệm đề tài, quy trình, mẫu biểu thẩm định và nghiệm thu đề tài, quy định về kiểm tra tiến độ thực hiện...Đề tài xếp loại xuất sắc được áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống sẽ được Hiệu trưởng xem xét khen thưởng, ngược lại đề tài không thực hiện đúng tiến độ thì thu hồi kinh phí và xử phạt theo quy định [H6.06.07.02], [H6.06.07.07].

Các công trình nghiên cứu của GV luôn được thông qua bởi một Hội đồng nghiệm thu với các thành viên là những người am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của GV. Các ấn phẩm khoa học của GV được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có phản biện kín nhằm đảm bảo về chất lượng. Từ năm 2017 đến nay, mỗi năm CBGV trong khoa đều có bài viết đăng trên tạp chí uy tín trong và ngoài nước. Bên cạnh các bài báo khoa học GV còn thực hiện các đề tài NCKH các cấp. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa TLGD luôn quan tâm, tạo điều kiện để GV tham gia hướng dẫn HV làm luận văn thạc sĩ [H6.06.07.02]; [H6.06.07.08].

Kết quả thực hiện NCKH trong 5 năm qua, Khoa TLGD có 1 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp Tỉnh đã được nghiệm thu; Có 8 đề tài cơ sở đã được nghiệm thu; có 108 bài báo đăng trên tạp chí trong nước và quốc tế; tổ chức 3 hội thảo cấp Trường và 1 hội thảo cấp khoa; hướng dẫn 237 học viên làm luận văn, có 4 đề tài NCKH của SV đạt kết quả tốt. [H6.06.07.02], [H6.06.07.06.b]. Số liệu các công trình NCKH cụ thể do cán bộ GV Khoa

TLGD thực hiện trong giai đoạn 2017-2022 được tổng hợp qua Bảng 6.10 dưới đây.

Bảng 6.10: Bảng thống kê các công trình NCKH do CBGV Khoa đảm nhận trong 5 năm gần đây (2017-2022)

TT	Nội dung		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Hội thảo khoa học		2		1	1	
2	Đề tài nghiên cứu khoa học của CBGV	Cấp Bộ			1		
		Cấp tỉnh					1
		Cấp cơ sở	1	2	2	1	2
3	Đề tài nghiên cứu khoa học của SV		2	2			
4	Danh mục bài báo	BB trong nước	28	13	29	18	11
		Bài báo quốc tế	1	1	2	2	3

(Nguồn: [H6.06.07.02])

Qua bảng 6.10 cho thấy, số lượng các công trình NCKH của Khoa ngày càng gia tăng không chỉ về mặt số lượng mà còn nâng cao về mặt chất lượng, cấp độ và hàm lượng Khoa học trong các đề tài, hội thảo bài báo ngày càng cao. Giai đoạn 2017 - 2022 số lượng các bài báo khoa học GV tham gia CTĐT cũng tăng lên qua các năm (bảng 6.11). Tuy nhiên, so với các công bố trong nước, thì số lượng công bố quốc tế vẫn đang còn hạn chế.

Bảng 6.11: Bảng thống kê bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế của CBGV Khoa giai đoạn 2017-2022

TT	Nội dung	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Bài báo đăng trong các tạp chí nước ngoài	1	1	2	2	3

Số lượng GV tham gia đề tài NCKH các cấp, tham gia viết sách của Nhà trường ngày càng tăng. Đây là cơ sở cho việc nâng cao chất lượng bài giảng và định hướng nghiên cứu cho các HV khi thực hiện các luận văn thạc sĩ [H6.06.07.02] [H6.06.07.08].

Bảng 6.12: Bảng thống kê các tài liệu phục vụ dạy học được xuất bản của GV tham gia CTĐT trong 5 năm gần đây (2017- 2022)

TT	Tên tài liệu dạy học	Tên tác giả	Năm
----	----------------------	-------------	-----

			xuất bản
1	Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống.	Nguyễn Thanh Bình - Lê Thị Thu Hà - Đỗ Khánh Năm - Nguyễn Thị Quỳnh Phương	2017
2	Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm trường Đại học Hồng Đức, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.	Dương Thị Thoan (CB), Phạm Thị Thu Hòa - Nguyễn Thị Hương	2021
3	Phát triển phẩm chất trách nhiệm của học sinh phổ thông, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.	Lê Minh Nguyệt, Khúc Năng Toàn, Trần Thị Cẩm Tú, Cao Xuân Hải, Trần Thị Hà	2022
4	Giáo dục kỹ năng ra quyết định cho sinh viên đại học	Lê Thị Thu Hà	2022

2. Điểm mạnh

Tất cả GV tham gia giảng dạy CTĐT luôn vượt định mức số giờ NCKH hằng năm do Trường đề ra. GV tham gia ngày càng nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: Đề tài Khoa học các cấp, các hội thảo, các bài báo Khoa học được đăng trên các kỷ yếu Khoa học trong nước và quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Các đề tài NCKH ở cấp cao chưa nhiều; Các công trình nghiên cứu đóng góp cho phát triển địa phương còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện cho các GV tham gia các tài Khoa học các cấp, các dự án, các hội thảo, các bài báo Khoa học trong nước và quốc tế.	Phòng TC-HC-QT, Khoa TLGD	Từ năm học 2022-2023
2	Khắc phục hạn chế	Từ năm học 2022-2023, Khoa TLGD động viên thúc đẩy GV tham gia đa dạng hóa các hình thức NCKH, tích cực viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus. Khoa tích cực tham gia đấu thầu chương trình NCKH cấp cao	Phòng QL KHCN&HTQT; Khoa TLGD	Năm 2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 6

DNGV tham gia CTĐT Thạc sĩ QLGD cơ bản đáp ứng được yêu cầu về năng lực chuyên môn và NCKH; Công tác quy hoạch GV được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục, công khai, minh bạch. Khoa và Nhà trường khuyến khích, động viên CBGV tham gia đầy đủ và có chất lượng các hoạt động KH&CN, góp phần nâng cao trình độ, khả năng độc lập nghiên cứu của GV.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT Thạc sĩ QLGD tự đánh giá tiêu chuẩn 6 đạt 7/7 tiêu chí và Bình quân đạt 5.4/7 điểm.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 6:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt	Đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 6					
Tiêu chí 6.1		6.0	5.43	7	100% (7/7)
Tiêu chí 6.2		6.0			
Tiêu chí 6.3		6.0			
Tiêu chí 6.4		5.0			
Tiêu chí 6.5		5.0			
Tiêu chí 6.6		5.0			
Tiêu chí 6.7		5.0			

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Trường ĐHHĐ luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Chính vì thế, Nhà trường và Khoa TLGD luôn chú trọng việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác, để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong quá trình sử dụng, các tiêu chí và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Hằng năm, năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

Nhà trường và Khoa luôn xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và các hoạt động triển khai. Đồng thời, thường xuyên tiến hành triển khai việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên gồm cả khen thưởng và công nhận để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ

cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở phân tích dự báo nhu cầu về thực trạng nhân sự, Trường ĐHHĐ đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHHĐ giai đoạn 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030 [H7.07.01.01] và xác định vị trí việc làm đối với cán bộ hỗ trợ tại các bộ phận phòng, ban, Khoa [H7.07.01.02], [H7.07.01.03]. Nhà trường đã có bản mô tả công việc đối với độ ngũ nhân viên [H7.07.01.02], qua đó Nhà trường thực hiện việc quy hoạch đội ngũ này dựa trên chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng thể hiện qua Quy định về tuyển, học việc, thử việc và mẫu hồ sơ thử việc đối với lao động hợp đồng trong Trường ĐHHĐ [H7.07.01.04]. Dựa vào số lượng HV đơn vị hỗ trợ, khối lượng công việc đảm nhận và kế hoạch đào tạo cán bộ, độ tuổi về hưu, Trường đơn vị xác định được nhu cầu về đội ngũ nhân viên ở đơn vị mình trong các năm và đề xuất chỉ tiêu tuyển dụng với Phòng TC-HC-QT, Phòng TC-HC-QT sẽ xem xét và trình Hiệu trưởng phê duyệt ra quyết định thông báo tuyển viên chức với các yêu cầu về trình độ nghiệp vụ, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp với từng vị trí của các đơn vị [H7.07.01.05] [H7.07.01.06].

CTĐT Thạc sĩ QLGD được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm như Phòng Giáo dục Chính trị & Công tác HSSV, Phòng QLĐT, Phòng QLĐT SDH, Trung tâm Thông tin Thư viện (TTTT-TV), Phòng ĐBCL&KT, Khoa CNTT&TT,... Tại Khoa TLGD, có 01 nhân viên hành chính, văn thư kiêm trợ lý quản lý sinh viên; còn có các GV kiêm nhiệm: 01 trợ lý giáo vụ hỗ trợ phụ trách công tác đào tạo đại học và SDH, 01 cán bộ trợ lý Khoa học và Nghiệp vụ; 01 cán bộ kiểm soát tài liệu ISO của Khoa và 01 cố vấn học tập. Đội ngũ nhân viên của Khoa có đầy đủ hồ sơ, lý lịch [H7.07.01.07], [H7.07.01.08] đáp ứng được nhu cầu đào tạo và NCKH và phục vụ cộng đồng. Kết quả đánh giá công chức, viên chức hàng năm cho thấy các trợ lý của Khoa được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H7.07.01.09].

Các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ từ thạc sĩ trở lên, được đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ như: tin học, công tác văn thư, lưu trữ, nghiệp vụ kiểm soát tài liệu;... Tất cả GV kiêm nhiệm đều có kinh nghiệm từ 5 năm trở lên, hiểu biết rất sâu sắc về CTĐT, là cầu nối giúp lãnh đạo Khoa, hỗ trợ HV thực hiện CTĐT [H7.07.01.08]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa luôn hoàn thành tốt việc hỗ trợ học tập và nghiên cứu của HV trong quá trình học tập.

Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ thư viện, cán bộ CNTT và các dịch vụ hỗ trợ

được thực hiện bài bản, Khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. TTTT-TV luôn chú trọng công tác số hóa trong thông tin lưu trữ, tạo được nguồn dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu của GV và HV. Tư liệu của các Khoa luôn được kịp thời cập nhật, kiểm kê và phân loại số lượng theo danh mục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu tư liệu.

Đội ngũ nhân viên thư viện của trường đủ về số lượng, có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc. Số lượng cán bộ thư viện gồm 23 người (TS: 1; ThS: 5; ĐH: 17), được tổ chức trong 3 bộ phận: bộ phận Nghiệp vụ, bộ phận phục vụ bạn đọc, bộ phận quản lý, khai thác Thư viện điện tử [H7.07.01.08]. Các công cụ lưu trữ và tra cứu tài liệu được kiểm tra, đánh giá định kỳ để nâng cấp và cải tiến cho chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn. Đội ngũ cán bộ nhân viên phục vụ thường xuyên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học và đội ngũ cán bộ GV về chất lượng và thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên, các ý kiến đều thống nhất cho rằng đội ngũ kỹ thuật viên có thái độ phục vụ nghiêm túc, thành thạo nghiệp vụ [H7.07.01.10] [H7.07.01.11]. Để kịp thời động viên và thu hút đội ngũ nhân viên, bên cạnh các chế độ ưu đãi được hưởng như các đối tượng khác trong Nhà trường, đội ngũ nhân viên thư viện còn được hưởng chế độ độc hại theo quy định hiện hành .

Đội ngũ cán bộ CNTT của Nhà trường hiện nay có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ đủ đáp ứng yêu cầu trong việc theo dõi, sửa chữa, hướng dẫn sử dụng hệ thống thiết bị CNTT, tổ chức thi, KTĐG năng lực người học bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy và đảm bảo sự hoạt động tốt của các thiết bị hiện đại, cơ sở vật chất phục vụ chung trong Nhà trường, Khoa và BM.

Nhà trường, Khoa chú trọng việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nhân viên thông qua kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm [H7.07.01.05] [H7.07.01.06]. Kết quả được thể hiện thông qua các báo cáo công tác, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức và người lao động các năm của Nhà trường. Hàng năm, các kỹ thuật viên, nhân viên được đi bồi dưỡng nghiệp vụ, cách thức quản lý, sử dụng các trang thiết bị, thư viện điện tử ở một số trường trong và ngoài nước. Từ năm 2016 đến năm 2021 có 30 lượt kỹ thuật viên, nhân viên được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ .

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có năng lực, trình độ chuyên môn đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao. Kết quả khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên định kỳ cho thấy người học hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ nhân viên của Nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Hầu hết đội ngũ cán bộ thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT Thạc sĩ QLGD.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ ngoài các chuyên viên chuyên trách còn lại đều là GV kiêm nhiệm, vừa giảng dạy vừa thực hiện công tác hỗ trợ nên còn gặp khó khăn trong việc phân bổ, sắp xếp thời gian thực hiện công việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường cử nhân viên tham gia các chương trình, dự án, các lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn hoặc tập huấn nghiệp vụ.	Phòng TC-HC-QT, Khoa TLGD	Năm học 2022-2023
2	Khắc phục hạn chế	Thực hiện tốt công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	Phòng TC-HC-QT, Khoa TLGD	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Để tiến tới thực hiện đề án vị trí việc làm nên trong những năm qua, Nhà trường rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua quy định về tuyển, học việc, thử việc và mẫu hồ sơ thử việc đối với lao động hợp đồng trong Trường ĐHHĐ [H7.07.02.01]. Các quy định cụ thể về các tiêu chí bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo quản lý theo quy định của tỉnh Thanh Hóa [H7.07.02.02]. Các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học theo quy định. Các tiêu chuẩn tuyển dụng là có lý lịch rõ ràng, văn bằng, chứng chỉ đào tạo và kỹ năng phù hợp vị trí việc làm, có đủ sức khỏe để thực hiện công việc. Mặt khác, việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào các vị trí Trưởng/Phó các đơn vị cũng cần đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về

trình độ, năng lực và kinh nghiệm công tác....Các tiêu chí tuyển dụng, tuyển chọn và bổ nhiệm đội ngũ nhân viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H7.07.02.03]. Tiêu chí tuyển dụng được rà soát, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Nhà trường, phù hợp với nâng cao chất lượng đội ngũ của Nhà trường. Việc tuyển dụng được thực hiện bởi hội đồng nhằm đảm bảo khách quan, chính xác [H7.07.02.04]. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai trên địa chỉ website <http://www.hdu.edu.vn/>. [H7.07.02.05]

Căn cứ tình hình cụ thể hàng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch nhu cầu đội ngũ hỗ trợ của từng Khoa và Nhà trường [H7.07.02.06], [H7.07.02.07]

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H7.07.02.03]. Để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Tiêu chí tuyển dụng ngoài trình độ chuyên môn, khả năng ngoại ngữ, tin học còn có bài khảo sát hiểu biết về công việc chuyên môn [H7.07.02.01]. Nhà trường có đội ngũ cán bộ công chức, viên chức có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đào tạo các ngành học của trường nói chung và đào tạo, NCKH Thạc sĩ QLGD nói riêng.

Trong thời gian vừa qua Khoa thực hiện tiếp nhận 03 cán bộ hành chính về khoa trong đó có 2 cán bộ luân chuyển từ khoa, trung tâm khác sang và 1 cán bộ chính đã được hội đồng tuyển dụng Nhà trường đánh giá và tuyển chọn. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong thời gian vừa qua, cụ thể là kết quả đánh giá xếp loại cán bộ viên chức trong năm học 2021-2022 cho thấy đội ngũ nhân viên của khoa đã đáp ứng tốt hơn yêu cầu về nhân lực và hoạt động hỗ trợ người học [H7.07.02.02] [H7.07.02.08] [H7.07.02.09].

Nhà trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm ngạch chuyên viên (chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp). Các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm được phổ biến công khai đến các đơn vị trong toàn Trường [H7.07.02.09].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng bổ nhiệm và điều chuyển được Nhà trường công khai đầy đủ trên hệ thống website, được phổ biến đến toàn thể CBVC-LĐ trong Trường và được công khai qua các phương tiện thông tin (đài, báo của Tỉnh) vào các đợt tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Việc điều chuyển nhân viên giữa các đơn vị trong nhà trường đôi khi chưa thực sự phù hợp với thực tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường công khai trên hệ thống website, phương tiện thông tin (đài, báo của Tỉnh).	Phòng TC-HC-QT, Khoa TLGD	Năm học 2022-2023
2	Khắc phục hạn chế	Nhà trường căn cứ vào yêu cầu thực tế công việc của đơn vị và nhu cầu của cán bộ để chuyển đổi cho phù hợp.	Phòng TC-HC-QT, Khoa TLGD	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHHĐ và các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc đánh giá, xếp loại viên chức - Lao động, các đơn vị trong Trường tổ chức thực hiện việc đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên trong đơn vị theo quy trình, phương pháp và các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, cụ thể [H7.07.03.01] [H7.07.03.02]. Hằng tháng, trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể được lãnh đạo đơn vị phân công, việc đánh giá năng lực của nhân viên (với 4 mức đánh giá A, B, C, D) được Khoa/Phòng thực hiện theo các bước: nhân viên tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá và ban lãnh đạo Khoa/Phòng đánh giá kết quả đánh giá hằng tháng được căn cứ đánh giá xếp loại cuối năm [H7.07.03.03][H7.07.03.04][H7.07.03.05]. Ngoài ra, để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng phù hợp với các văn bản quy định hiện hành và yêu cầu thực tiễn vị trí việc làm [H7.07.03.06]. Bên cạnh đó, để cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên trong công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH đáp ứng yêu cầu, các đơn vị đã chủ trì xây dựng kế hoạch, mẫu phiếu tổ chức lấy ý kiến ĐNGV, người học về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.07].

Khoa TLGD là một trong các Khoa đào tạo của Nhà trường, vì vậy bên cạnh đội ngũ GV luôn có sự hỗ trợ tích cực của đội ngũ nhân viên. Hiện nay, đội ngũ nhân viên của Khoa TLGD có 01 nhân viên hành chính, văn thư kiêm trợ lý quản lý sinh viên; còn có các GV kiêm nhiệm: 01 trợ lý giáo vụ hỗ trợ phụ trách công tác đào tạo đại học và SDH, 01 cán bộ trợ lý Khoa học và Nghiệp vụ; 01 cán bộ kiểm soát tài liệu ISO của Khoa và 01 cố vấn học tập [H7.07.03.08] [H7.07.03.09]. Trong đó cả 5/5 cán bộ có trình độ thạc sỹ đạt 100%. Có đầy đủ các chứng chỉ, kỹ năng như tin học, tiếng Anh, công tác văn thư, lưu trữ...[H7.07.03.01]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa làm việc giờ hành

chính theo quy định của Nhà nước. Các GV kiêm nhiệm công việc trợ lý luôn có giờ trực và được phân công việc cụ thể các ngày trong tuần theo từng bộ môn.

Để đạt được hiệu quả cao trong công việc, các cán bộ hỗ trợ đều được tập huấn và đào tạo đầy đủ hàng năm theo đúng công việc mà mình phụ trách thực hiện theo công văn tập huấn cán bộ nhân viên hằng năm. Kế hoạch và kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên [H7.07.03.10]

Bên cạnh đó, còn có đội ngũ nhân viên thuộc Phòng Giáo dục chính trị và CT HSSV, Phòng TC-HC-QT, Phòng ĐBCL&KT, TTTT-TV, Ban Quản lý Ký túc xá, Y tế và An toàn trật tự, Khoa CNTT&TT hỗ trợ hoạt động dạy, học, NCKH và phục vụ cộng đồng của đội ngũ CBGV Trường ĐHHĐ nói chung và ĐNGV Thạc sĩ QLGD nói riêng.

Lãnh đạo trường luôn đề cao vai trò của đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, các đơn vị đều triển khai thực hiện đồng bộ quy trình đánh giá do Trường quy định. Các văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng phù hợp với các văn bản quy định hiện hành và yêu cầu thực tiễn vị trí việc làm. Năng lực của nhân viên được đánh giá dựa trên các tiêu chí về trình độ chuyên môn, tinh thần học tập và nâng cao trình độ chuyên môn nhiệm vụ, phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, tư tưởng chính trị, tác phong lễ lối thực hiện và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các tiêu chí được đưa ra cụ thể và cho điểm rõ ràng làm căn cứ để xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.06]. Bên cạnh đó, để cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên trong công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH đáp ứng yêu cầu của ĐNGV các đơn vị đã chủ trì xây dựng kế hoạch, mẫu phiếu tổ chức lấy ý kiến ĐNGV, người học về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.07]

Việc đánh giá năng lực của nhân viên được thực hiện bằng cách các nhân viên sẽ tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học sau đó là đánh giá của tổ chuyên môn, của lãnh đạo đơn vị. Kết quả đánh giá cuối cùng được thể hiện dưới dạng quyết định của Trường. Ngoài ra, hàng năm Nhà trường tổ chức các buổi đối thoại sinh viên, để các em được quyền bày tỏ quan điểm và góp ý tinh thần, thái độ, trình độ và năng lực của nhân viên hỗ trợ.

Năng lực của nhân viên hỗ trợ, CBVC được thể hiện thông qua kết quả đánh giá CBVC hàng năm cùng với kết quả thi đua khen thưởng cá nhân và các đơn vị hỗ trợ. Những đóng góp của đội ngũ nhân viên của Khoa được đánh giá theo đúng tiêu chuẩn và quy trình bình xét danh hiệu thi đua đã ban hành; được nhà trường ghi nhận bằng các quyết định đạt các danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; trong những năm qua đội ngũ nhân viên của Khoa liên tục đạt danh hiệu lao động tiên tiến [H7.07.03.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên một cách cụ thể rõ ràng; hoạt động đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai, khách quan, công bằng.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thường xuyên, mở rộng việc lấy ý kiến của các bên liên quan về giảng viên, mới chủ yếu lấy ý kiến của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Phát triển hoạt động đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên công khai, khách quan, công bằng thông qua tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên.	Phòng ĐBCL&KT, Khoa TLGD	Năm học 2022-2023
2	Khắc phục hạn chế	Nhà trường thường xuyên, mở rộng việc lấy ý kiến của các bên liên quan về giảng viên	Phòng ĐBCL&KT, Khoa TLGD	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Một trong những thách thức đặt ra đối với giáo dục trong kỷ nguyên số đó là phát triển nguồn nhân lực. Do vậy, công tác đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ luôn được Nhà trường, Khoa xác định và có kế hoạch thực hiện nghiêm túc. Thông qua việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức hành chính của các đơn vị, Nhà trường triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.01] [H7.07.04.02]. Đội ngũ nhân viên của Khoa TLGD nói riêng và Trường ĐHHĐ nói chung, có đầy đủ năng lực và trình độ chuyên môn để hoàn thành công việc. Nhà trường có chính sách hỗ trợ về thời gian và kinh phí để chuyên viên, nhân viên có thể tham gia các hoạt động phát triển chuyên môn như các khóa học bồi dưỡng ngắn hạn hay dài hạn được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của trường [H7.07.04.03]. Việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, nhân viên phục vụ đã được thực hiện từ việc xác định nhu cầu đến các hoạt động triển khai thực

hiện. Việc đào tạo, bồi dưỡng được dựa trên cơ sở quy hoạch định kỳ để có kế hoạch sử dụng và bổ sung kịp thời nguồn nhân lực phục vụ, đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Trường. Hàng năm, Nhà trường gửi thông báo đến các đơn vị có nhu cầu đăng ký cho nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.04] [H7.07.04.05]. Việc thông báo và cử nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện đúng quy định, thông báo đến các đơn vị có nhu cầu đăng ký cho nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.04] [H7.07.04.05] [H7.07.04.06] [H7.07.04.07]

Đội ngũ CBGV - người lao động của Khoa là 19 người, GV 18 người, nhân viên 01 người. Đội ngũ nhân viên đã đóng góp quan trọng vào kết quả hàng năm của Khoa TLGD.

Để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của HV, Khoa đã xây dựng nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị giai đoạn 2015 - 2020 được các phòng chức năng thẩm định và ban Giám hiệu phê duyệt ban hành trong Nhà trường [H7.07.04.01]. Trên cơ sở đó Khoa và Nhà trường đã triển khai kế hoạch về phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên như: tập huấn công tác giáo vụ, công tác kiểm soát tài liệu ISO, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, tiếng anh... [H7.07.04.08]. Kết quả, trong 05 năm qua đội ngũ nhân viên của Trường được cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ hoạt động dạy, học của GV và người học [H7.07.04.07] [H7.07.04.09]. Sau khi được tham gia bồi dưỡng, tập huấn các nhân viên của Khoa báo cáo kết quả học tập với lãnh đạo quản lý trực tiếp và văn bằng chứng chỉ được sao lưu gửi Phòng TC-HC-QT theo quy định của trường.

Hàng tháng, đội ngũ nhân viên được đánh giá xếp loại; Cuối năm học được xếp loại viên chức - Lao động, nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xem xét khen thưởng. Hàng năm Khoa và các đơn vị có trách nhiệm đánh giá lại hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực báo cáo Ban Giám hiệu [H7.07.04.10]

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đã xác định đúng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ và được triển khai thực hiện đúng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đã được xác định.

Nhà trường đã có chính sách đáp ứng yêu cầu học tập bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên phục vụ.

3. Điểm tồn tại

Tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn chưa tương xứng với yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

4. Kế hoạch hành động

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	- Xác định đúng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên và triển khai thực hiện đúng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng - Khuyến khích đội ngũ nhân viên học tập bồi dưỡng thông qua các cơ chế chính sách hỗ trợ	Phòng TC-HC-QT, Khoa TLGD	Năm học 2022-2023
2	Khắc phục hạn chế	Xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên hướng đến tính chuyên nghiệp trong việc phục vụ công tác đào tạo và NCKH	Phòng TC-HC-QT, Khoa TLGD	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện các hoạt động hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cho tất cả các ngành đào tạo của Trường, trong đó có ngành QLGD, đội ngũ nhân viên được bố trí tại các phòng ban, TT-TTTV, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Phòng ĐBCL&KT, Phòng QLĐT, Phòng QL KHCN&HTQT, Phòng TC-HC-QT, Khoa CNTT&TT; Phòng Giáo dục Chính trị & Công tác HSSV, Tại Khoa TLGD có 5 nhân viên làm nhiệm vụ văn phòng, quản lý HV và Trợ lý giáo vụ, Trợ lý nghiệp vụ...

Với từng chức danh công việc, Nhà trường đã có quy định về chức năng, nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên, khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên để có cơ sở đánh giá hiệu quả và năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ [H7.07.05.01]

Các quy định về đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng của Nhà trường, của Đảng bộ và các tổ chức chính trị đều được thực hiện rất nghiêm túc và nề nếp [H7.07.05.01] và bản mô tả vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ được nêu rõ trong Đề án xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc trong Trường ĐHHĐ, giai đoạn 2018-2020 [H7.07.05.03].

Công việc hỗ trợ của nhân viên các khoa, phòng, trung tâm được quy định cụ thể trong Đề án vị trí việc làm của Nhà trường, mỗi nhân viên cũng có kế hoạch công việc cụ

thể của bản thân vào đầu các học kì, năm học. Đối với nội dung theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên hiện được thực hiện thông qua lãnh đạo các khoa, phòng, trung tâm. Các nhân viên hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng kỳ đều có kế hoạch công tác, học tập bồi dưỡng [H7.07.05.04]. Trên cơ sở kế hoạch, tình hình thực tế, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Về phía Nhà trường và Khoa TLGD luôn thực hiện việc giám sát và kiểm tra chặt chẽ hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác của GV, người học. Trưởng bộ phận, lãnh đạo các đơn vị, Phòng Thanh tra - Pháp chế thực hiện việc theo dõi giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ theo các văn bản quy định của Nhà trường về chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc của cán bộ hành chính, trợ lý, cán bộ kiểm soát tài liệu và Cố vấn học tập, quy định của Nhà trường, khu nội trú, phòng học,... [H7.07.05.01]. Việc quản lý công việc và khen thưởng cũng như ghi nhận thành tích của CBVC của Nhà trường được công khai và thực hiện theo quy chế thi đua, khen thưởng [H7.07.05.05] [H7.07.05.06]. Nhà trường luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên, hỗ trợ nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình giảng dạy và NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Ngoài ra, hàng tháng căn cứ vào kết quả xếp loại của BM, Ban chủ nhiệm Khoa cũng sẽ tổ chức họp bình xét đánh giá kết quả xếp loại lao động (A, B, C,D) đối với CBVC - LĐ hợp đồng của Khoa. Kết quả xếp loại lao động của CBVC-LĐ sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm. Thu nhập tăng thêm hàng tháng là nguồn động viên, khuyến khích kịp thời để CBVC-LĐ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm. Kết quả của Hội đồng khen thưởng được công khai rộng rãi trong toàn trường [H7.07.05.07]. Mức chi khen thưởng tương ứng với thành tích của nhân viên đạt được trong các hoạt động hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động hỗ trợ cộng đồng được nêu chi tiết trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm [H7.07.05.08][H7.07.05.09].

Hàng năm, Nhà trường đều có văn bản hướng dẫn tổng kết, đánh giá, xếp loại, bình xét thi đua khen thưởng, các danh hiệu thi đua được tôn vinh, bình xét cán bộ viên chức- Lao động (CBVC -LĐ) về các mặt hoạt động đào tạo, NCKH, Công tác cố vấn học tập, hỗ trợ đào tạo.... Sự công nhận kết quả và khen thưởng, bình xét lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp hằng năm là động lực cho đội ngũ nhân viên tích cực hơn trong công tác [H7.07.05.9] [H7.07.05.10].

Công tác đánh giá, phân loại và thi đua khen thưởng của Nhà trường và Khoa TLGD được thực hiện đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, chính xác, khách quan, góp phần giúp đội ngũ này cải thiện hiệu quả công việc được giao. Hàng năm (2017 - 2022), tất cả các nhân viên thuộc Khoa TLGD đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong mỗi công việc luôn có những suy nghĩ cải tiến để đem lại hiệu quả cao hơn [H7.07.05.07].

Mỗi thành viên đều rất cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ cho dù có khó khăn phát sinh, thành tích hoạt động đó được thể hiện trong biên bản họp BM thống kê. Kết quả công việc của nhân viên Khoa TLGD được đánh giá, khen thưởng và kỷ luật rõ ràng theo đúng quy định nhờ đó đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Kết quả công việc của đội ngũ nhân viên theo vị trí việc làm đều được đánh giá từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Tính đến thời điểm hiện nay chưa nhận được đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho CBVC - LD và việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên công khai, minh bạch và rõ ràng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa TLGD có sự phân công công việc cho đội ngũ nhân viên một cách rõ ràng, có cơ chế giám sát chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo đánh giá, khen thưởng. Kết quả công việc được định kỳ đánh giá, nhờ đó đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Nhân viên được khen thưởng, đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường cơ chế giám sát trong việc thực hiện nhiệm vụ, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo khen thưởng. Kết quả công việc được đánh giá định kỳ hàng năm	Phòng TC-HC-QT,	Năm học 2022-2023
2	Khắc phục hạn chế	- Xây dựng các tiêu chí đánh giá, khen thưởng cụ thể, phù hợp với vị trí của nhân viên. - Tăng chỉ tiêu về khen thưởng và chiến sĩ thi đua cho đội ngũ nhân viên.	Phòng TC-HC-QT	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Khoa TLGD cơ bản đảm bảo về số lượng và chất lượng, nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy trình và công bố công khai. Trường ĐHHĐ tạo mọi điều kiện để nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên của Khoa luôn có tinh thần phục vụ cao và sẵn sàng nhận nhiệm vụ được phân công.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT Thạc sĩ QLGD tự đánh giá tiêu chuẩn 7 đạt 5/5 tiêu chí (bình quân đạt 5.2/7 điểm).

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt	Đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7					
Tiêu chí 7.1		6.0	5.20	5	100% (3/3)
Tiêu chí 7.2		5.0			
Tiêu chí 7.3		5.0			
Tiêu chí 7.4		5.0			
Tiêu chí 7.5		5.0			

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Học viên học Thạc sĩ QLGD, Trường ĐHHĐ được bảo đảm các điều kiện nhằm hỗ trợ, giúp đỡ HV như: Thực hiện kịp thời các chế độ chính sách; HV có cơ hội gặp gỡ, giao lưu với các đơn vị, cơ sở giáo dục phát triển và có uy tín để học hỏi các kỹ năng quản lý trong giáo dục và được tiếp cận website nhà trường, thư viện số, phòng thư viện của trường với đầy đủ tài liệu... để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ học tập.

Chính sách tuyển sinh được được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Người học Thạc sĩ QLGD được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống phù hợp từ phần mềm đến hệ thống giảng viên, trợ lý và cán bộ của Khoa, các tổ chức đơn vị liên quan trong Nhà trường.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Trường có chính sách tuyển sinh dành cho CTĐT SDH rõ ràng, đầy đủ, chi tiết. Căn cứ vào các quy chế đào tạo Thạc sĩ của Bộ GD&ĐT và Trường, hằng năm, Trường đều xây dựng các kế hoạch và Thông báo tuyển sinh và thông báo thi tuyển chuyên ngành QLGD trình độ thạc sĩ [H8.08.01.01] [H8.08.01.02] [H8.08.01.03]. Thông báo tuyển sinh có đầy đủ các nội dung về đối tượng thi tuyển, đối tượng ưu tiên (theo quy định của Bộ GD&ĐT), môn thi tuyển [H8.08.01.03]. Các điều kiện trúng tuyển và xét tuyển được mô tả rõ ràng là căn cứ cho việc xét và công nhận kết quả trúng tuyển của thí sinh.

Thông báo tuyển sinh, kết quả trúng tuyển của trường được gửi đến các quan, tổ chức có liên quan như các trường Đại học, Cao đẳng, Trường THPT, THCS, Tiểu học, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT và các cơ sở giáo dục khác thông qua địa chỉ Email và

website... và được đăng tải trên trang chủ của Trường Đại học Hồng Đức và website của Khoa TLGD [H8.08.01.04]. Bên cạnh đó, các thông tin tuyển sinh được cập nhật thường xuyên, liên tục trên các nền tảng mạng xã hội phổ biến để tăng hiệu quả tương tác.

Trong quá trình xây dựng thông báo tuyển sinh, Trường có tham khảo ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động để định hướng ngành đào tạo [H8.08.01.06]. Trong các thông báo tuyển sinh từ năm 2017 trở đi, Trường đã bổ sung điều kiện thâm niên công tác (tối thiểu 02 năm) dành cho các đối tượng dự thi có bằng đại học ngành khác với ngành đăng ký dự thi [H8.08.01.03]. Ngoài ra đến năm 2022, phương thức tuyển sinh có sự điều chỉnh là kết hợp thi tuyển và xét tuyển. Thi tuyển dành cho đối tượng chưa đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ và xét tuyển cho các đối tượng thỏa mãn yêu cầu văn bằng đại học, điều kiện ngoại ngữ với các điểm trung bình chung tích lũy theo thang điểm 4. Thông báo tuyển sinh có đính kèm thang tham chiếu quy đổi văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương và tham chiếu quy đổi thang điểm 10 áp dụng trong tuyển sinh cho thí sinh được biết.

2. Điểm mạnh

Trường có chính sách tuyển sinh dành cho CTĐT Thạc sĩ QLGD rõ ràng, đầy đủ, chi tiết theo quy chế đào tạo Thạc sĩ của Bộ GD&ĐT và nhà trường. Hàng năm, Trường đều xây dựng các kế hoạch và Thông báo tuyển sinh và gửi thông báo đến các cơ sở giáo dục, các bên liên quan để HV dễ dàng tiếp cận và đăng ký thi tuyển.

3. Điểm tồn tại

Chưa có phỏng vấn đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hàng năm (mặc dù có đánh giá và dự báo nhu cầu nhân lực khi rà soát, cập nhật CTĐT).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ thu thập, tổng hợp ý kiến của đơn vị sử dụng lao động	Phòng QLĐT-SĐH	Hàng năm, trước khi lập kế hoạch tuyển sinh
2	Khắc phục tồn tại	Tiến hành đánh giá, dự báo nhu cầu nhân lực hàng năm	Phòng QLĐT-SĐH	Hàng năm, trước khi lập kế hoạch tuyển sinh

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ được quy định tại Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT. Trên cơ sở văn bản pháp lý này, Trường xây dựng quy định đào

tạo trình độ thạc sĩ, trong đó quy định chi tiết về kế hoạch tuyển sinh hằng năm [H8.08.02.01]

Hằng năm, Nhà trường đều xây dựng và công bố thông báo tuyển sinh. Thông báo tuyển sinh có nêu rõ môn thi tuyển gồm 3 môn là môn không chủ chốt, môn chủ chốt và ngoại ngữ. Bên cạnh đó, trong thông báo tuyển sinh còn quy định rõ các điều kiện về miễn thi môn ngoại ngữ và các chính sách ưu tiên đối với thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm đối tượng ưu tiên và các mức ưu tiên [H8.08.02.03]. Để thuận tiện cho thí sinh trong việc chuẩn bị, Trường công bố đề cương ôn thi để hệ thống lại kiến thức trọng tâm cho thí sinh [H8.08.02.04].

Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, Trường yêu cầu phải học bổ sung kiến thức, để đảm bảo đủ điều kiện dự thi. Việc thực hiện các nội dung bổ sung kiến thức được diễn ra đầy đủ, nghiêm túc theo Quyết định số 692/QĐ-ĐHHD ngày 10/5/2019 [H8.08.02.05].

Trước mỗi đợt tuyển sinh, Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc, trong đó có Ban đề thi và Ban chấm thi [H8.08.02.06] thực hiện nghiêm túc quy chế tuyển sinh. Kết quả thi được công bố công khai trong thời hạn quy định sau khi tổ chức thi tuyển. Thí sinh có quyền được yêu cầu chấm phúc khảo theo các thông báo phúc khảo bài thi tuyển sinh được công bố rõ ràng trên website <http://sinhvien.hdu.edu.vn/sinh-vien-dang-nhap.html>,

Bảng 8.1: Thống kê tình hình nhập học của HV cao học năm thứ nhất

Khóa	Chỉ tiêu	Ứng viên		
		Số lượng đăng ký dự tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học
K10	50	75	72	72 (2 Học viên Lào)
K11	40	37	36	35
K12	40	27	27	25
K13	30	63	59	59 (2 Học viên Lào)
K14	50	105	96	96 (1 Học viên Lào)
K15	110	114	112	111 (1 học viên Lào)
Tổng cộng		421	401	398

2. Điểm mạnh

Có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được cập nhật theo quy định của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm tồn tại

Chưa lấy ý kiến phản hồi về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đầu vào từ phía người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về tiêu chí tuyển chọn đầu vào	Phòng QLĐT-SĐH	Trước khi lập kế hoạch tuyển sinh
2	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến của HV đầu khóa về tiêu chí tuyển chọn đầu vào	Phòng QLĐT-SĐH	Hàng năm, ngay sau khi khai giảng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

Phòng QLĐT SDH của Nhà trường và Khoa TLGD có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học mà được quy định đầy đủ trong các văn bản và được các cán bộ, giảng viên thực hiện đầy đủ. Căn cứ vào Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ GD&ĐT [H8.08.03.01] các quy định này được thể hiện chi tiết trong CTĐT Thạc sĩ QLGD ban hành theo Quyết định số 886/QĐ-ĐHHĐ, ngày 06/07/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ và Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ ban hành theo QĐ số 692/QĐ-ĐHHĐ ngày 10/5/2019 [H8.08.03.02], trong đó có bao gồm các quy định trách nhiệm và quyền hạn về công tác quản lý các hoạt động đào tạo (học tập, thi, NCKH, bảng điểm ...) cho HV chủ yếu thuộc về Khoa, BM quản lý CTĐT Thạc sĩ và Phòng QLĐT SDH [H8.08.03.02].

Ở cấp Khoa và BM trực tiếp quản lý, hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của HV được thực hiện chặt chẽ trên cơ sở đề nghị của BM GDH quản lý CTĐT Thạc sĩ QLGD thông qua kế hoạch học tập [H8.08.03.02]; khi học được 80% chương trình đào tạo, Bộ môn tư vấn HV lựa chọn đề tài và đề xuất giáo viên hướng dẫn và thành lập qua hội đồng tư vấn đề cương đề tài tốt nghiệp; Hội đồng kiểm tra tiến độ đề tài tốt nghiệp của học viên [H8.08.03.09].

Quyết định phân công nhiệm vụ của Khoa giao nhiệm vụ Trợ lý giáo vụ (Trợ lý SDH), Trợ lý SDH của Khoa TLGD [H8.08.03.03]. Nhiệm vụ của Trợ lý SDH do Khoa TLGD điều động để hỗ trợ, tư vấn trực tiếp cho người học về các vấn đề phát sinh trong quá trình học và thực hiện các nhiệm vụ đôn đốc, nhắc nhở HV về tiến độ

các công việc học tập do Trưởng BM GDH và Trưởng khoa TLGD yêu cầu.

Cơ sở dữ liệu về kết quả học tập, rèn luyện của người học được lưu trữ trên phần mềm QLĐT SDH (<http://hdu.edu.vn/c24/sau-dai-hoc>), ngoài ra còn được thể hiện trong Sổ theo dõi kế hoạch dạy học do Trợ lý giáo vụ SDH của Khoa quản lý [H8.08.03.04]. Việc theo dõi và ĐGKQ rèn luyện của HV được thực hiện đúng theo quy định về trách nhiệm và chế độ lưu trữ theo Quy chế đào tạo theo QĐ số 692 [H8.08.03.02].

Đối với CTĐT Thạc sĩ QLGD, người học sẽ phải hoàn thành số tín chỉ quy định trong CTĐT đã được phê duyệt [H8.08.03.02], trong 2 năm (4 kỳ học chính) trong đó có quy định chặt chẽ về ràng buộc thứ tự các môn học (có cụ thể điều kiện tiên quyết), khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi học viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ là 15 tín chỉ. Theo đó, mỗi học kỳ, Nhà trường cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến độ của người học trên phần mềm quản lý đào tạo SDH (<http://hdu.edu.vn/c24/sau-dai-hoc>). Bên cạnh đó, Phòng QLĐT SDH phối hợp với Khoa TLGD quản lý, rà soát HV đủ điều kiện làm luận văn tốt nghiệp, xét tốt nghiệp, HV chậm tiến độ, học viên bị buộc thôi học [H8.08.03.07] hoặc có những vấn đề trong học tập, chưa hoàn thành được các học phần trong CTĐT thì Trợ lý SDH sẽ trao đổi trực tiếp giúp người học lập kế hoạch học tập tích lũy để có thể đảm bảo tốt nghiệp đúng theo kế hoạch [H8.08.03.02] Đối với HV đã đủ điều kiện làm luận văn tốt nghiệp khoa sẽ hướng dẫn Quy trình thủ tục đăng ký làm luận văn và bảo vệ luận văn thạc sĩ theo kế hoạch [H8.08.03.05]

Bảng 8.2: Thống kê tình hình tốt nghiệp của học viên cao học QTKD

TT	Khóa đào tạo	Số HV nhập học	Số TN	Số bảo lưu	Số thôi học	Tỷ lệ thôi học	Tỷ lệ tốt nghiệp
1	K9 (2016-2018)	47	47	-	-	0%	100%
2	K10 (2017-2019)	72	71	-	01	0,9	99,1%
3	K11 (2018-2020)	35	35	-	-	0	100%
4	K12 (2019-2021)	25	25	-	-	0	100%
5	K13 (2020-2022)	59	59	-	-	0	100%
6	K14a (2020-2022)	39	39	-	-	-	100%

Thông tin về quá trình học tập của người học được thông báo đến từng người học sau khi kết thúc từng học kỳ và được cập nhật trong Sổ theo dõi giảng dạy của từng lớp, trên phần mềm QLĐT, website của Nhà trường, Khoa; ngoài ra, người học

có thể nắm bắt thông tin về kết quả học tập và rèn luyện thông qua tự đăng nhập vào phần mềm <http://sinhvien.hdu.edu.vn/sinh-vien-dang-nhap.html>, mỗi HV được cấp một tài khoản riêng có đầy đủ các thông tin cá nhân, điểm, các môn học còn phải học.... [H8.08.03.08]. Đối với những HV có kết quả học tập chưa đảm bảo tiến độ, phòng QLĐT SDH sẽ thông tin về bộ môn và Trợ lý đào tạo SDH sẽ thông báo cho HV để có giải pháp hỗ trợ học tập cho HV đáp ứng tiến độ học tập. Trong trường hợp HV vì lý do cá nhân mà không thể hoặc chưa tham gia học sẽ được tư vấn bảo lưu kết quả học tập hoặc làm đơn xin thôi học. Tỷ lệ HV tốt nghiệp khóa K10 đạt 99,1%, từ 2019-2022 đạt 100%.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp trường đến cấp khoa, có Trợ lý giáo vụ SDH do Khoa điều động để hỗ trợ, tư vấn trực tiếp cho người học về các vấn đề phát sinh trong quá trình học và thực hiện các nhiệm vụ đôn đốc, nhắc nhở HV về tiến độ các công việc học tập do Trưởng BM GDH và Trưởng khoa TLGD yêu cầu; có những quy định về tiến trình học tập được thể hiện rõ trong ĐCCTHP, cách kết quả đào tạo công khai, minh bạch và thực hiện nghiêm túc theo quy định.

3. Điểm hạn chế

Hệ thống giám sát mới chỉ ghi nhận thống kê tiến độ học tập của học viên mà chưa thực sự giám sát sự tiến bộ của người học.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục giám sát kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa; công khai, minh bạch kết quả học theo quy định	Phòng QLĐT-SDH	Từng học kỳ
2	Khắc phục tồn tại	Tăng cường phối hợp với phòng QLĐT SDH, nâng cao vai trò trách nhiệm của BM GDH, định kỳ rà soát, đánh giá quy trình giám sát tiến độ học tập, rèn luyện của HV	Khoa TLGD, Phòng QLĐT SDH	Hàng năm, trước khi lập kế hoạch tuyển sinh

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có quy trình/kế hoạch và thực hiện triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học được quy định cụ thể trong quy chế đào tạo thạc sĩ [H8.08.04.01], cụ thể:

Nhà trường: Đầu khóa học, Phòng QLĐ SDH phổ biến CTĐT toàn khóa, kế hoạch học tập, kế hoạch thi, thời gian bảo vệ luận văn và các quy định đào tạo trình độ thạc sĩ khác có liên quan cho toàn bộ HV được biết [H8.08.04.02].

Khoa TLGD, BM quản lý CTĐT có quyết định giao nhiệm vụ trợ lý giáo vụ SDH, phối hợp Phòng QLĐT SDH trình Nhà trường ra quyết định danh sách ban cán sự lớp [H8.08.04.03] nhằm hỗ trợ, kết nối, tư vấn thường xuyên cho người học trong học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các hoạt động khác trong quá trình học tập của người học [H8.08.04.08].

GV cung cấp đề cương chi tiết học phần cho HV đầu mỗi môn học nhằm giúp học viên nắm bắt mục tiêu, nội dung kiến thức và hình thức thi ... để có kế hoạch học tập và nghiên cứu phù hợp. Trong ĐCCTHP của CTĐT Thạc sĩ QLGD [H8.08.04.04] có bố trí thời lượng dành cho thực hành, thực tế với các mục tiêu và nội dung cụ thể khi tham quan làm việc tại cơ sở giáo dục và được thực hiện trong quá trình dạy học thực tiễn nhằm giúp HV ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn thông qua quá trình quan sát và trao đổi, thảo luận thực tiễn tại cơ sở giáo dục nhằm cải thiện chất lượng việc học tập nâng cao năng lực quản lý, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực quản lý, có khả năng ứng dụng sáng tạo khoa học quản lý, có phẩm chất nhân cách của người cán bộ quản lý, có thể làm việc, nghiên cứu độc lập và có năng lực phát hiện, giải quyết có hiệu quả những vấn đề thuộc chuyên ngành quản lý giáo dục đào tạo.

Trước thời gian chuẩn bị đăng ký đề tài tốt nghiệp, đề xuất cán bộ hướng dẫn. Khoa, BM quản lý chương trình đào tạo hợp hỗ trợ HV hiểu rõ chuyên môn về hướng lựa chọn vấn đề nghiên cứu, quy trình, thủ tục đăng ký tốt nghiệp.

Khoa, BM quản lý chương trình đào tạo tổ chức tư vấn, hỗ trợ đề cương chi tiết và chuẩn hoá tên đề tài tốt nghiệp cho học viên [H8.08.04.06]; 1/2 thời gian làm đề tài, tổ chức hội đồng kiểm tra tiến độ đề tài đảm bảo đề tài được thực hiện đúng tiến độ; trước khi chuẩn bị nộp đề tài tốt nghiệp tư vấn hỗ trợ tư vấn hỗ trợ học viên quét đạo văn

Với đặc thù 95% người học chương trình Thạc sĩ QLGD đang là lãnh đạo, nguồn quy hoạch cán bộ, quản lý tại các cơ sở giáo dục chủ yếu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và khu vực lân cận, do đó vấn đề tìm kiếm việc làm không phải là mục tiêu ưu tiên của người học mà là sự kết nối giữa người học với nhau và với các cơ sở giáo dục để phát triển các mối quan hệ xã hội và hợp tác cùng phát triển.

Trong các hoạt động tư vấn hỗ trợ, giáo vụ Khoa hướng dẫn cho người học thực hiện các quy chế, quy định đào tạo; khuyến khích người học tham gia các hoạt động sinh hoạt học thuật như thội thảo viết bài cho các tạp chí khoa học chuyên ngành và tham gia các hoạt động văn, thể, mỹ bổ ích như: thăm quan danh lam, thắng cảnh; tham gia các hoạt động từ thiện, văn nghệ, thể thao, bóng đá, [H8.08.04.08]. Đối với những người học làm luận văn tốt nghiệp.

Kết quả lấy ý kiến người học của CTĐT Thạc sĩ QLGD cho thấy trên 90% ý kiến hài lòng và rất hài lòng về hoạt động tư vấn, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của cán bộ GV trong Khoa và Nhà trường đã giúp cải thiện việc học tập và khả năng kết nối của người học [H8.08.04.08]. Nhà trường có chính sách khen thưởng cho HV có thành tích xuất sắc trong học tập và NCKH sau mỗi khoá đào tạo [H8.08.04.09]; Tổ chức hội nghị giao ban SDH hàng năm để kịp thời đôn đốc nhắc nhở tiến độ thực hiện kế hoạch năm học cũng như giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của HV [H8.08.04.10].

Sau khi học viên hoàn thành trên 80% CTĐT sẽ đăng ký tên đề tài và cán bộ hướng dẫn Khoa tổ chức tư vấn đề cương đề tài và làm đề nghị Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt theo Quyết định số 692/QĐ-ĐHHD ngày 10/5/2019 [H8.08.04.08]; Trong quá trình làm luận văn tốt nghiệp, Khoa, TBM, Trợ lý SDH, GV hướng dẫn có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ HV, theo dõi tiến độ làm luận văn của HV kịp thời hỗ trợ khi HV có yêu cầu. Sau khi HV hoàn thành làm luận văn tốt nghiệp, Khoa phối hợp phòng SDH hướng dẫn và tổ chức cho HV làm hồ sơ bảo vệ, tổ chức bảo vệ luận văn tốt nghiệp cho viên theo quy định [H8.08.04.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa TLGD, BM quản lý CTĐT chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hướng dẫn khai khác website nhà trường, viện số, phòng thư viện và các dịch vụ hỗ trợ...khác để cải thiện việc học tập của người học. Thường xuyên lắng nghe và trao đổi với HV để hỗ trợ học tập, trao đổi chuyên môn và giải quyết mọi thắc mắc trong quá trình học tập .

3. Điểm tồn tại

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người học trong việc sử dụng thư viện số, thư viện của trường còn chưa thực sự tốt. HV còn thụ động trong các hoạt động học tập chưa lên đọc sách tìm tài liệu, chưa biết cách vào thư viện số để tìm hiểu và khai thác tài liệu học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phối hợp với các cơ sở giáo dục để hỗ trợ học tập, tham quan, trao đổi chuyên môn cho người học.	Phòng QLĐT SDH, Khoa TLGD	Từng học kỳ
2	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hoạt động tư vấn hỗ trợ, giúp người học tích cực tham gia tìm tòi, khám phá, nghiên cứu tài liệu tập thông qua website của trường, thư viện số. Tiếp tục lấy ý kiến người học về các hoạt động hỗ trợ người học trong học tập, sinh hoạt và kết nối việc làm sau khi tốt nghiệp... để kịp thời điều chỉnh, cải tiến hình thức triển khai	Trợ lý SDH Khoa TLGD, TTTT-TV Trường ĐHHĐ	Từng học kỳ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có khuôn viên rộng, xanh, sạch, đẹp, CSVC đáp ứng đầy đủ cho việc dạy-học, cụ thể: Nhà trường có tổng diện tích 55,47 ha, bao gồm hệ thống Nhà điều hành, các giảng đường, văn phòng Khoa, BM, Trung tâm giáo dục quốc phòng, ký túc xá hiện đại được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH.

Khuôn viên Nhà trường rộng rãi, thoáng mát; công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt, nhiều cây xanh trong khuôn viên trường, khu liên hợp thể thao, gồm: sân bóng đá với sân cỏ tự nhiên đảm bảo chất lượng, sân bóng đá mini, sân bóng chuyên, bóng rổ, bóng ném, cầu lông, tennis, nhà tập luyện bóng bàn có công năng sử dụng cho luyện tập thể thao, nhà tập luyện thể dục thể hình, hội trường lớn có sức chứa 504 chỗ ngồi phục vụ tốt cho các hoạt động chung của Nhà trường.

Khoa TLGD có đầy đủ hệ thống phòng làm việc tại nhà A6 với các thiết bị phù hợp, gồm 01 phòng làm việc của trưởng khoa, 02 phòng làm việc của phó trưởng khoa, 01 phòng làm việc của giáo vụ, 01 Phòng HC- QLSV, 01 thực hành, 02 phòng

cho 02 bộ môn làm việc, 01 phòng lưu hồ sơ, 01 phòng lớn để họp và sinh hoạt cho toàn Khoa. Các phòng làm việc được trang bị bàn làm việc, tủ đựng tài liệu, máy in, máy tính được kết nối internet, và các trang thiết bị đủ tiêu chuẩn phục vụ công tác đào tạo Thạc sĩ QLGD. Ngoài ra khoa còn được sử dụng chung 5 phòng hội thảo có đầy đủ phương tiện, thiết bị thiết bị hiện

Học viên cao học QLGD được hỗ trợ bởi các CSVC phục vụ cho việc học tập, tự học, phòng sinh hoạt chuyên môn/seminar tại phòng học giảng đường A6 và TTTT-TV được xây dựng khang trang với nguồn tài liệu phong phú, hàng năm đều được bổ sung, cập nhật phù hợp với CTĐT, được trang bị hệ thống máy vi tính có kết nối mạng Internet phục vụ cho việc khai thác, tìm kiếm dữ liệu.

Nhà trường có quy định về văn hóa ứng xử trong học đường ban hành các nội quy giảng đường, nội quy phòng thí nghiệm [H8.08.05.04], nội quy Thư viện. [H8.08.05.05].

Việc chăm lo sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH [H8.08.05.06]. Vì vậy, Nhà trường đặc biệt quan tâm và bổ sung mua sắm trang thiết bị cần thiết cho Trạm y tế phục vụ tốt nhất công tác chăm sóc sức khỏe cho người học.

Công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm tại các Căng tin phục vụ người học của Nhà trường luôn được Trạm Y tế kiểm tra, nhắc nhở và đảm bảo an toàn vệ sinh an toàn thực phẩm. [H8.08.05.06] [H8.08.05.07].

Công tác phòng, chống cháy nổ luôn được Nhà trường quan tâm và kiểm tra thường xuyên; định kỳ mua sắm bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác PCCC. Hàng năm, Nhà trường phối hợp với Công an PCCC xây dựng kế hoạch, tổ chức cho cán bộ và người học thực hành diễn tập về PCCC [H8.08.05.08]. Tại Nhà Điều hành, khu giảng đường, phòng học, phòng làm việc của Khoa, BM, phòng chờ giáo viên, TTTT-TV, khu nội trú... luôn được Nhà trường trang bị các thiết bị PCCC đầy đủ kèm theo tiêu lệnh và nội quy PCCC được niêm yết và có kiểm tra PCCC của cơ quan chức năng ngành. [H8.08.05.09].

Công tác an ninh trật tự và an toàn trong trường học được Nhà trường đặc biệt quan tâm, Ban bảo vệ phân công trực 24/24 [H8.08.05.10]; hệ thống điện chiếu sáng được lắp đặt theo thiết kế đảm bảo trong toàn khuôn viên Nhà trường, chiếu sáng đầy đủ vào ban đêm, đảm bảo an toàn cho người học và công tác quản lý tài sản chung của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Trường có CSVC, phòng học, tự học, sinh hoạt chuyên môn/seminar dành cho học viên được trang bị đầy đủ phương tiện học học như máy chiếu, mạng internet, Wifi phục vụ cho việc khai thác, tìm kiếm dữ liệu. Cảnh quan môi trường học tập và

ngiên cứu xanh, sạch, đẹp, an toàn, tạo môi trường học tập, nghiên cứu, làm việc thân thiện, thoải mái, đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến CTĐT. HV cao học chuyên ngành QLGD luôn có ý thức tuân thủ các quy định trong trường học và quy định của Luật pháp.

Cảnh quan sư phạm thoáng mát, sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn và tạo sự thoải mái cho người học.

3. Điểm tồn tại

Thi thoảng vẫn tồn tại tình trạng khu vệ sinh một số giảng đường thiếu nước, chưa sạch sẽ vào cuối tuần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Khoa đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho người học góp phần làm đẹp cảnh quan của trường	Khoa TLGD	Năm học 2022-2023
2	Khắc phục hạn chế	Khắc phục tình trạng thiếu nước, mất vệ sinh tại các giảng đường vào ngày cuối tuần.	Phòng TC-HC-QT	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học Thạc sĩ QLGD được Khoa và Nhà trường xác định rõ ràng và được cập nhật thường xuyên. Bên cạnh đó, để hỗ trợ tốt nhất cho người học, Khoa TLGD và Nhà trường cũng đã xây dựng hệ thống giám sát phù hợp để đánh giá sự tiến bộ trong học tập của người học, đồng thời có các hoạt động tư vấn, hoạt động ngoại khoá và các hoạt động hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập cũng như tăng khả năng cải thiện việc làm của người học. Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan cũng là yếu tố tạo thuận lợi, tạo sự thoải mái cho người học trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT Thạc sĩ QLGD tự đánh giá tiêu chuẩn 8 đạt 5/5 tiêu chí (Bình quân đạt 5,2/7 điểm).

Đánh giá về Tiêu chuẩn 8:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt	Đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 8					

Tiêu chí 8.1		5.0	5.20	5	100% (5/5)
Tiêu chí 8.2		5.0			
Tiêu chí 8.3		5.0			
Tiêu chí 8.4		6.0			
Tiêu chí 8.5		5.0			

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

CSVC của Trường ĐHHĐ nói chung và của Khoa TLGD nói riêng được được quy hoạch tổng thể và đầu tư xây dựng theo phương án đã được UBND Tỉnh Thanh hóa phê duyệt với hệ thống phòng học, phòng thực hành, thư viện, thư viện điện tử đầy đủ và ngày càng hiện đại. Các vấn đề về an ninh, vệ sinh môi trường luôn được nhà trường chú trọng đảm bảo đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH của GV và HV trong toàn trường, với chủ trương xây dựng môi trường học tập xanh- sạch - đẹp phù hợp với mọi đối tượng người học. Trong những năm qua, CBGV và HV đã thực hiện quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả hệ thống CSVC hiện có.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHHĐ có trụ sở chính tại số 565 Quang Trung, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa và Cơ sở 2 Trung tâm Giáo dục Quốc phòng- An Ninh tại xã Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa với đầy đủ diện tích và hệ thống phòng học, phòng làm việc phục vụ QLĐT và NCKH, đáp ứng tốt mọi hoạt động của Nhà trường. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành và các phòng chức năng của Nhà trường được bố trí tại các khu nhà A1, A2, A3, A5, A6 cơ bản đáp ứng được yêu cầu dạy và học của CBGV và HV.

Khoa TLGD có đầy đủ hệ thống phòng làm việc tại nhà A6 với các thiết bị phù hợp, gồm 01 phòng làm việc của trưởng khoa, 02 phòng làm việc của phó trưởng khoa, 01 phòng làm việc của giáo vụ, 01 phòng HC- QLSV, 01 thực hành, 02 phòng cho 02 BM làm việc, 01 phòng lưu hồ sơ, 01 phòng lớn để họp và sinh hoạt cho toàn Khoa [H9.09.01.02]. Các phòng làm việc được trang bị bàn làm việc, tủ đựng tài liệu, máy in, máy tính được kết nối internet, và các trang thiết bị đủ tiêu chuẩn phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu ngành Đại học Tâm lý học và Thạc sĩ QLGD.

Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập tại các giảng đường trong Khoa đều được Nhà trường có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, Phòng TC-HC-QT cử cán bộ phụ

trách từng dây giảng đường để mở, tắt, theo dõi, kiểm tra sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ tốt nhất yêu cầu dạy học của GV, HV. Tài sản bố trí tại các phòng làm việc trong Khoa được nhà trường tổ chức kiểm kê theo quy định để theo dõi và tính khấu hao đồng thời thanh lý những tài sản không còn sử dụng được và bổ sung mua mới tài sản phục vụ kịp thời cho công tác dạy và học. Ngoài ra khoa còn được sử dụng chung 5 phòng hội thảo có đầy đủ phương tiện, thiết bị thiết bị hiện đại phục vụ hội thảo cấp trường, cấp bộ hoặc cấp Quốc gia.

CSVC và trang thiết bị của Khoa đã có đầy đủ, được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên, liên tục. Các thiết bị hư hỏng được thay thế theo từng học kỳ, hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng thực hành chuyên ngành với các trang thiết bị đi kèm phù hợp đã đáp ứng được các hoạt động đào tạo và NCKH của GV, HV.

Định kỳ hàng năm, Nhà trường có lịch rà soát, kiểm tra kế hoạch tăng cường CSVC. Trong giai đoạn 2017 - 2022, Trường đã đầu tư kinh phí cho việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, bổ sung các trang thiết bị phương tiện làm việc cho các đơn vị là 16.684.459.749đ, trung bình mỗi năm khoảng 3,3 tỷ đồng để đảm bảo điều kiện trang thiết bị làm việc tại các phòng làm việc, phòng học của các đơn vị. Ngoài ra, hàng năm Trường có đầu tư kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa các phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng đảm bảo cho các hoạt động của nhà trường luôn thuận lợi, hiệu quả. Với kinh phí đầu tư thường xuyên hàng năm đủ đảm bảo cho CBGV của Khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhà trường có tổ chức khảo sát lấy ý kiến của CBGV, HV về CSVC, trang thiết bị của hệ thống phòng học và các phòng chức năng bằng hình thức phiếu hỏi. Kết quả cho thấy, mức hài lòng của CBGV và người học khá cao.

2. Điểm mạnh

CSVC và trang thiết bị của Khoa đã có đầy đủ, được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên, liên tục. Các thiết bị hư hỏng được thay thế kịp thời theo từng học kỳ, hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng thực hành chuyên ngành với các trang thiết bị đi kèm phù hợp đã đáp ứng được các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên, học viên và sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Một số trang thiết bị, linh kiện tại hệ thống phòng học bị sự cố hoặc hỏng công tác kiểm tra, khắc phục, thay thế còn chậm.

Các phòng làm việc của 2 Bộ môn, phòng của Trợ lý giáo vụ chưa đảm bảo, thường xuyên bị dột, ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Khoa.

Phương thức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CSVC, trang thiết bị mới ở phạm vi điều tra cơ bản, chưa có phân tích, xử lý dữ liệu thu được để

đánh giá định kỳ chất lượng CSVC, trang thiết bị. Khoa chưa tổ chức khảo sát ý kiến của CBGV, nhân viên và SV của Khoa về điều kiện CSVC, trang thiết bị, chất lượng đáp ứng hoạt động đào tạo của các phòng học, phòng thực hành... do Khoa quản lý và sử dụng để có cơ sở lập kế hoạch đề xuất Nhà trường kịp thời sửa chữa, nâng cấp, bổ sung hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa cần định kỳ hàng năm tổ chức khảo sát ý kiến của CBGV, HV của Khoa về điều kiện CSVC, trang thiết bị đáp ứng hoạt động đào tạo; Nhà trường có phương án cải tạo, sửa chữa, bổ sung kịp thời trang thiết bị làm việc cho hệ thống các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng.	Phòng TC-HC-QT; Khoa TLGD	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường đầu tư hơn nữa về CSVC và trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học.	Phòng TC-HC-QT	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Nguồn học liệu phục vụ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Khoa và Nhà trường được sử dụng từ Thư viện Nhà trường và tủ sách của Khoa. Thư viện trường luôn được chú trọng xây dựng, đầu tư, phát triển nhằm cung cấp tài liệu, sách báo phục vụ đào tạo và NCKH. Hiện nay, TTTT-TV của Trường bao gồm thư viện sách, thư viện điện tử, hệ thống hỗ trợ học tập và hệ thống mạng máy tính để tìm kiếm thông tin [H9.09.02.01]. Tổng diện tích thư viện 5166m². Thư viện được tổ chức theo hình thức kho mở với phòng đọc 500 chỗ ngồi, phòng đa chức năng có 130 máy tính cho bạn đọc sử dụng và cán bộ làm việc, đáp ứng đủ nhu cầu phòng đọc, phòng mượn, phòng tra cứu phục vụ học tập của CBGV, HV trong trường [H9.09.02.02]. Thư viện mở cửa từ thứ hai đến thứ bảy, hai buổi mỗi ngày, phục vụ CBGV và người học đến Thư viện tra cứu, đọc và mượn tài liệu. Hiện nay Thư viện có 15.865 đầu sách tương đương với 156.222 bản sách; có 150 đầu báo và tạp chí. Sách, giáo trình, tài liệu tham

khảo phục vụ đào tạo và NCKH của Thư viện về cơ bản đáp ứng yêu cầu sử dụng của CBGV và người học. Sách phục vụ học tập chuyên ngành có 51 cuốn [H9.09.02.04]. Hàng năm thư viện đều xây dựng kế hoạch khối lượng công việc và kinh phí mua sắm bổ sung tài liệu, học liệu cho tất cả các chuyên ngành trong nhà trường nói chung và CTĐT Thạc sĩ QLGD nói riêng. Ngoài ra, Thư viện Nhà trường còn được bổ sung hàng năm nguồn tài liệu nội sinh với hơn 4.000 cuốn luận văn, luận án, khóa luận, đề án tốt nghiệp. Toàn bộ nguồn học liệu trong Thư viện có bản quyền sử dụng, được quản lý bằng phần mềm quản lý Thư viện Libol, được đưa lên mạng để bạn đọc tra cứu. Để nâng cao nghiệp vụ thủ thư, quản lý Thư viện, ... hàng năm TTTT-TV đề cử cán bộ tham gia tập huấn các lớp đào tạo ngắn hạn nhằm cập nhật thông tin và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Từ năm học 2006 - 2007, Thư viện đã xây dựng trang website riêng để giới thiệu thông tin, tài liệu đến bạn đọc, qua đó bạn đọc dễ dàng tra cứu tài liệu cần đọc ở phần mềm Libol, danh mục tài liệu mới. Năm 2013, Nhà trường đã có Thư viện điện tử. Hiện nay, với hệ thống 130 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập trên mạng [H9.09.02.04]. Năm 2014, Nhà trường mua quyền truy cập khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trên mạng (Cơ sở dữ liệu tài liệu KH&CN Việt Nam; Cơ sở dữ liệu ProQuest Central) do Liên hiệp thư viện Việt Nam về nguồn tin điện tử và Cục KHCN Quốc gia cung cấp. Năm 2016, Nhà trường mua nguồn tài nguyên số từ website Tailieu.vn với hơn 1.400.000 tài liệu của Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến Vi Na; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0. Hiện tại TTTT-TV có 3 máy chủ dùng để cài đặt Website và các phần mềm dùng chung của Nhà trường [H9.09.02.04]. Năm 2020, Thư viện đã có CSVN hiện đại với hệ thống 130 máy tính, được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập trên mạng. Thư viện hoạt động với 5 tầng, được tổ chức theo hình thức kho mở với 4 phòng đọc 500 chỗ ngồi, 6 phòng học nhóm, 2 phòng hội thảo, 1 phòng quản trị mạng, 4 phòng làm việc nghiệp vụ, 1 kho lưu. Các phòng hội thảo, phòng đọc, phòng học nhóm được trang bị hệ thống camera, máy chiếu, điều hoà phục vụ người sử dụng Thư viện. Hàng năm thư viện mở lớp tập huấn cho sinh viên đầu vào để hỗ trợ hướng dẫn cho sinh viên sử dụng tài nguyên của Thư viện, Thư viện tổ chức ngày sách giới thiệu quảng bá và hướng bạn đọc đến Văn hóa đọc. Nhà trường và TTTT-TV đã ban hành các văn bản quy định về quản lý, khai thác sử dụng thông tin, tài liệu và hướng dẫn quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu tại Thư viện; toàn bộ nguồn học liệu thư viện được quản lý bằng phần mềm Libol 6.0, được đưa lên mạng để bạn đọc tra cứu. Từ năm 2011, Thư viện tổ chức khảo sát thăm dò chất lượng phục vụ của đơn vị, sự hài lòng của SV nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Kết quả hài

lòng của SV hàng năm đạt trên 90%. [H9.09.02.11].

Từ năm học 2020-2021 TTTT-TV đã chuyển sang tòa nhà 5 tầng với số phòng đọc, học nhóm, phòng hội thảo, và các phòng nghiệp vụ đầy đủ đáp ứng cao hơn nhu cầu của CBGV và người học trong trường; đồng thời phục vụ CBGV, SV có nhu cầu tra cứu, khai thác trực tuyến tài liệu. Đội ngũ 23 CBGV đảm nhận nhiệm vụ quản lý Thư viện và quản trị hệ thống CNTT toàn trường được phân thành 3 tổ chuyên môn. Khảo sát ngẫu nhiên học liệu của 15 đề ĐCCT HP (công bố có 19 giáo trình và 27 tài liệu tham khảo) tại Thư viện có 16 giáo trình (84%) và 27 tài liệu tham khảo (100%). Hàng năm, TTTT-TV tiến hành điều tra, thu thập nguồn tin phản hồi từ bạn đọc nhằm nâng cao chất lượng phục vụ. Đánh giá chất lượng phục vụ của Thư viện dựa trên mức độ tìm kiếm và cung cấp các học liệu do GV dạy học phần giới thiệu và mức độ phục vụ phòng đọc Thư viện cho người học cho thấy mức độ hài lòng của CBGV về nguồn tài nguyên thông tin thư viện khá cao.

2. Điểm mạnh

Hệ thống phần mềm quản lý tra cứu tư liệu, thiết bị hiện đại, đầy đủ. Hệ thống mạng nội bộ, mạng liên kết với bên ngoài có tốc độ cao liên kết chặt chẽ với các cơ sở dữ liệu khác trong cả nước. Có đủ nguồn học liệu đáp ứng nhu cầu học tập nghiên cứu của giảng viên và HV. Thư viện được đầu tư xây dựng mới đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn hiện đại, tiện nghi, đa chức năng. Khuôn viên nhà thư viện rộng rãi, thoáng mát.

3. Điểm tồn tại

Thư viện được xây dựng mới và hiện đang trong giai đoạn sắp xếp ổn định lại nên công tác phục vụ nhu cầu người học đôi lúc còn chưa đáp ứng kịp thời. Phần mềm quản lý Thư viện chưa khai thác hết các tính năng cao cấp, nhiều tài liệu chưa được biên tập và khai thác hiệu quả. Giáo trình chuyên ngành Thạc sĩ QLGD và tài liệu tham khảo chưa đáp ứng đầy đủ 100% , nguồn tài liệu nội sinh còn ít, nguồn tài liệu điện tử chưa phong phú. Việc hợp tác khai thác mới chỉ bắt đầu, chưa có nhiều nguồn tài liệu liên kết khai thác từ bên ngoài. Do vậy, việc sử dụng chung nguồn tài liệu với các trường đại học, các cơ sở đào tạo khác, các nhà xuất bản còn hạn chế.

Khảo sát nguồn học liệu được công bố trong ĐCCT các học phần của CTĐT cho thấy, số giáo trình, tài liệu tham khảo của các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và ngành khá cũ nát, xuất bản từ năm 2000 trở về trước chiếm tỷ lệ 12% (23 trong tổng số 188 tài liệu). Những giáo trình, tài liệu tham khảo xuất bản mới chưa được bổ sung, cập nhật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
----	----------	----------	-------------------------	---------------------

1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường bổ sung tài liệu đã số hóa, cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm dùng chung, nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng hệ thống mạng máy tính và chất lượng mạng wifi của thư viện và nhà trường.	TTTT-TV	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và phát triển hệ thống quản lý dữ liệu, học liệu của thư viện; TT TTTV và CBGV trong Khoa tăng cường tìm kiếm nguồn tài liệu mới để có đủ nguồn học liệu đáp ứng nhu cầu học tập nghiên cứu của GV và HV.	TTTT-TV; Khoa TLGD	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay, Trường có 6 phòng thực hành Tin học, 2 phòng thi trắc nghiệm trực tuyến được trang bị đầy đủ máy vi tính kết nối mạng nội bộ và truy cập internet đáp ứng giảng dạy thực hành học phần tin học, tiếng Anh và tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính các học phần ngoại ngữ tiếng Anh cho toàn bộ các CTĐT của Trường. Đội ngũ cán bộ có chuyên môn về CNTT phụ trách các phòng thực hành lập hồ sơ theo dõi tình hình sử dụng trang thiết bị, định kỳ hàng tháng kiểm tra tình trạng phòng máy (có sổ theo dõi hàng năm). Việc sử dụng phòng thực hành tuân theo hướng dẫn, quy định chung của Nhà trường, nội quy phòng thực hành. Hằng năm, Trường chú trọng việc sửa chữa, cập nhật, duy tu, bảo dưỡng thiết bị thực hành đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động dạy học. Qua khảo sát và phỏng vấn cán bộ liên quan cho thấy, phòng thực hành và trang thiết bị dùng chung cho các CTĐT của Trường đáp ứng tốt các nội dung thực hành trong các học phần của CTĐT.

Khoa TLGD là khoa đào tạo chuyên ngành đặc thù nên cần thiết phải có phòng thực hành riêng chính vì vậy hiện nay Khoa có 01 phòng thực hành cho người học [H9.09.03.01], Khoa xây dựng nội quy sử dụng phòng thực hành, lên lịch thực hành theo thời khóa biểu của nhà trường để có thể dễ dàng hơn cho việc theo dõi sử dụng có hiệu quả các thiết bị được giao quản lý, có đánh giá tần suất sử dụng, có sổ nhật ký theo dõi theo từng kỳ trong mỗi năm học [H9.09.03.02].

CSVC và trang thiết bị đang được Nhà trường quan tâm và đầu tư đồng bộ với

vai trò của việc học đi đôi với hành, thực tiễn, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu, có thái độ phục vụ nghiêm túc, thành thạo nghiệp vụ, được HV đánh giá cao và tin tưởng.

2. Điểm mạnh

CSVC và trang thiết bị đang được nhà trường quan tâm và đầu tư đồng bộ với vai trò của việc học đi đôi với hành, thực tiễn, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu dạy và học, có thái độ phục vụ nghiêm túc, thành thạo nghiệp vụ, được người học đánh giá cao và tin tưởng.

3. Điểm tồn tại

Trang thiết bị phòng thực hành còn hạn chế. Khoa chưa tổ chức đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị phòng thực hành, phục vụ đào tạo và NCKH để có cơ sở đề xuất với Nhà trường có các giải pháp cải tiến và bố trí nguồn kinh phí bổ sung trang thiết bị phù hợp đảm bảo yêu cầu của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung, mua sắm thiết bị mới, thay thế thiết bị hỏng trong thời gian nhanh nhất có thể để các phòng thực hành phục vụ tốt hơn trong công tác dạy, học và NCKH; Khoa tiến hành tổ chức đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị phòng thực hành, phục vụ đào tạo và NCKH cho HV	Phòng TC-HC-QT; Khoa TLGD	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đầu tư CSVC, trang thiết bị; Làm tốt hơn nữa công tác quản lý, vận hành phòng thực hành.	Phòng TC-HC-QT; Khoa TLGD	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

CSVC của trường về hạ tầng CNTT đã được đầu tư mạnh mẽ thông qua các dự án giáo dục đại học, có khả năng đáp ứng khá tốt cho nhu cầu giảng dạy và các hoạt động đào tạo nói chung. Hiện tại, Nhà trường có 7 phòng tin học học với 250 máy tính [H9.09.04.01], có đầy đủ thiết bị nghe nhìn do Phòng ĐBCL&KT, Trung tâm CNTT&TT quản lý phục vụ công tác khảo thí, thi kiểm tra đánh giá dùng chung cho người học trong toàn trường.... đồng thời Nhà trường đã trang bị cho tất cả cán bộ làm

công tác quản lý ở các khoa, phòng, ban, trung tâm 01 bộ máy tính để bàn kèm theo máy in để làm việc; đội ngũ cán bộ trợ lý các khoa và chuyên viên, nhân viên các phòng, ban đều được trang bị 01 máy tính để bàn có kết nối internet tốc độ cao nên hiện nay số máy tính đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của đội ngũ cán bộ và nhân viên phục vụ dạy học. Hệ thống phần mềm có bản quyền được trang bị đủ cho tất cả các hoạt động chính bao gồm: phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm tổ chức thi và chấm thi trắc nghiệm cho Phòng ĐBCL&KT, phần mềm quản lý sách thư viện LIBOL cho TTTT-TV, phần mềm quản lý HSSV, phần mềm quản lý tài chính, phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp Misa cho phòng Kế hoạch - tài chính và hiện nay đang đưa vào sử dụng phần mềm Hệ thống QLGD PMT-EMS ... Các phần mềm này có bản quyền sử dụng và giao cho các đơn vị chức năng quản lý. Nhà trường đã trang bị các đường cáp quang tốc độ cao vào hệ thống mạng nhà điều hành và tất cả các khoa, phòng, ban, trung tâm và các giảng đường nên hệ thống mạng Internet ổn định đáp ứng được công việc cập nhật thông tin lên website của khoa cũng như nhà trường [H9.09.04.03]. Bên cạnh đó nhiều phòng học tại các giảng đường đều được trang bị máy chiếu, tivi và hệ thống âm thanh để phục vụ công tác dạy, học ngày càng tốt hơn. Nhà trường có hệ thống mạng liên thông tất cả các phòng làm việc với tổng số 263 nút mạng. Riêng phòng 707 là phòng dùng chung cho các cuộc họp trực tuyến của nhà trường với hệ thống máy móc, micro, loa, camera, máy chiếu, màn hình lớn [H9.09.04.02]... thiết bị hiện đại đáp ứng rất tốt cho các hoạt động trực tuyến của nhà trường. Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành kiểm kê, đánh giá chất lượng và lấy ý kiến CBGV, HV về mức độ khả dụng của hệ thống máy móc CNTT phục vụ hoạt động dạy học, NCKH để kịp thời sửa chữa và mua sắm thay thế, nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu hoạt động dạy, học và NCKH của CBGV, HV và sinh viên. Kết quả lấy ý kiến CBGV, sinh viên và HV về chất lượng của hệ thống thông tin phục vụ cho công tác đào tạo của nhà trường trong những năm qua đều đạt mức hài lòng trên 80% [H9.09.04.07]. Các sự cố kỹ thuật về hệ thống kỹ thuật thông tin như: máy chiếu, máy tính, đường truyền tại các phòng học, các khoa... đều đã được xử lý một cách nhanh chóng kịp thời.

Hiện tại, Trường sử dụng nhiều phần mềm riêng biệt tại các đơn vị như phần mềm QLĐT; quản lý CSVC; quản lý nhân sự; quản lý chứng chỉ, văn bằng; quản lý tài chính; dịch vụ công trực tuyến; cổng thông tin điện tử; quản lý thư viện điện tử; kho học liệu số trực tuyến dùng chung. Ngoài ra, Trường đang triển khai phần mềm quản lý khoa học và công nghệ, quản lý hành chính điện tử. Nhà trường có mua bản quyền một số phần mềm chuyên biệt như phần mềm trắc nghiệm cho phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí; phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0; phần mềm kế toán Misa; phần mềm kiểm tra tài liệu (chống đạo văn); ứng dụng hỗ trợ học trực tuyến (Trans, phần mềm Zoom Cloud Meeting, phần mềm MS Teams). Hệ thống các phần mềm,

ứng dụng Trường sử dụng đã hỗ trợ tích cực, hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, quản lý, điều hành của Nhà trường.

Hệ thống phòng học trực tuyến, máy vi tính, máy chiếu đa năng và các thiết bị tin học hiện có của Nhà trường nói chung và Khoa TLGD nói riêng đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và NCKH của đội ngũ CBGV, HV. Các giảng đường và phòng làm việc trong khoa được lắp đặt hệ thống mạng và hệ thống wifi để GV, sinh viên và HV làm việc, học tập, tra cứu thông tin.

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng học trực tuyến, máy vi tính, máy chiếu đa năng và các thiết bị tin học hiện có của nhà trường nói chung và khoa TLGD nói riêng đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và NCKH của đội ngũ CBGV, HV. Các giảng đường và phòng làm việc trong khoa được lắp đặt hệ thống mạng và hệ thống wifi để GV, HV làm việc, học tập, tra cứu thông tin.

3. Điểm tồn tại

Tính đồng bộ của hệ thống CNTT chưa đồng đều. Việc kiểm tra, giám sát và sửa chữa hệ thống thông tin phục vụ dạy học, NCKH đôi khi còn chưa kịp thời. Máy tính tại một vài phòng làm việc và một vài phòng học đã được sử dụng nhiều năm, cấu hình thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu dạy, học và NCKH của CBGV và HV. Tính chủ động của GV và người học trong việc áp dụng hệ thống CNTT, thông tin tài liệu tại Thư viện nhà trường để tìm kiếm dữ liệu, tài liệu còn thấp.

Nghiên cứu minh chứng và phỏng vấn SV, CBQL đào tạo cho thấy, phần mềm QLĐT đang sử dụng hiện nay còn thiếu một số chức năng như QLĐT song bằng. Phần mềm QLĐT chưa tương tác và liên thông dữ liệu với các hệ thống phần mềm khác như phần mềm quản lý thư viện điện tử, phần mềm tổ chức thi trực tuyến, hệ thống website của Trường, website của các đơn vị; chưa ứng dụng nhiều trong tổ chức QLĐT bậc SDH nói chung, CTĐT Thạc sỹ QLGD nói riêng.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện rà soát, điều chỉnh và sửa đổi quy trình kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa máy móc thiết bị hệ thống CNTT trong trường, tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế một số máy tính cấu hình thấp hoặc hư hỏng...	Phòng TC-HC-QT; Trung tâm CNTT&TT	Năm học 2022-2023
2	Phát huy	Tiếp tục duy trì hệ thống trang thiết bị	Phòng	Năm học

	điểm mạnh	CNTT phục vụ giảng dạy hoạt động ổn định. Khuyến khích CBGV và HV tích cực khai thác tối đa được nguồn tài nguyên này phục vụ học tập và nghiên cứu.	TC-HC-QT; Trung tâm CNTT&TT Khoa TLGD	2022-2023
--	-----------	--	--	-----------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Với quy mô hơn 8.000 người học, 695 CBVC&LD, có thể nói Trường ĐHHĐ là nơi tập trung đông người của thành phố Thanh Hoá, vì thế Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Nhà trường đã ban hành các quy định về an ninh, trật tự, an toàn; về bảo vệ môi trường, rèn luyện sức khỏe; về PCCC [H9.09.05.01] ... Tất cả các khu nhà làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành, thể dục thể thao, Ký túc xá, nhà ăn, căn tin... đều có công khai các bảng nội quy, quy định [H9.09.05.02]. Nhà trường đã phối hợp với cảnh sát PCCC tỉnh Thanh Hoá tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ. Phòng TC-HC-QT, Ban Quản lý ký túc xá, Y tế và An ninh trật tự là các đơn vị đầu mối để triển khai, thực hiện công tác môi trường, sức khỏe và an toàn trong nhà trường.

Nhà trường có trạm Y tế riêng, đầy đủ các phòng làm việc, phòng khám đảm bảo về CSVC, thiết bị y tế, nhân lực cho việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu cho HSSV, và CBGV trong trường [H9.09.05.04]. Ban quản lý Ký túc xá, Trạm Y tế và An ninh trật tự hướng dẫn quy trình đảm bảo vệ sinh môi trường chung và tổ chức khám sức khỏe đầu vào cho 100% thí sinh trúng tuyển hệ chính quy nhập học; khám sức khỏe định kỳ cho người học 1 lần/ năm học; tổng hợp kết quả khám, phân loại sức khỏe, cập nhật vào sổ khám bệnh, hồ sơ quản lý sức khỏe của từng người học và thực hiện công tác bảo hiểm y tế cho người học đúng theo Luật và tổng hợp, báo cáo theo quy định [H9.09.05.04]. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, PCCC trong trường học được Ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày chia thành 3 ca, mỗi ca có từ 2-3 người trực theo các vị trí được phân công trong toàn bộ khuôn viên Nhà trường, cán bộ trực được trang bị đầy đủ dụng cụ, các đồ bảo hộ phục vụ cho công tác tuần tra, đảm bảo an ninh trật tự (ANTT) trường học. Ngoài ra, nhà trường đã hợp đồng với

Công an phường trên địa bàn trường đóng để tăng cường công tác phối hợp, tuần tra đảm bảo ANTT trường học, đồng thời trong các đợt nghỉ lễ tết Nhà trường phối hợp với công an các cấp thành lập Ban chỉ đạo trực tăng cường đảm bảo ANTT trong Nhà trường. Kết quả: 100% người học ký cam kết chấp hành pháp luật về ANTT, An toàn giao thông, Vệ sinh môi trường; trong nhiều năm qua, nhà trường luôn đạt các tiêu chí về “Nhà trường an toàn về ANTT”. Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai đồng bộ đến toàn thể CBVC-Lao động và người học trong nhà trường thông qua “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” đầu khóa, các hội nghị về công tác sinh viên và được quy định cụ thể trong Nội quy ra vào cơ quan, nội quy ra vào khu Nội trú, nội quy phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành... Trong đó, Nhà trường đặc biệt quan tâm và luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm để hỗ trợ tốt nhất cho người học, đặc biệt là người học bị khuyết tật được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện ở ký túc xá tầng 1, được khám sức khỏe theo nhu cầu; tăng cường trồng cây xanh, tạo bóng mát đảm bảo môi trường luôn trong sạch, thông thoáng góp phần nâng cao sức khỏe cho CBVC-LĐ và người học. Cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ về công tác môi trường, sức khỏe, bảo vệ ANTT, an toàn trong nhà trường được tập huấn nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn hằng năm, như tập huấn về công tác vệ sinh môi trường, công tác y tế học đường, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, nghiệp vụ bảo vệ... Nhà trường đã trang bị đầy đủ bình chữa cháy, nội quy, quy trình, tiêu lệnh và tiêu chí hướng dẫn tại tất cả giảng đường, nhà xưởng, phòng thí nghiệm, nhà làm việc và khu ký túc xá và hợp đồng đo tiếp địa, sơn lại hệ thống chống sét trong toàn trường. Bên cạnh đó, tất cả các khu giảng đường, phòng thí nghiệm đều có lối đi dành cho người khuyết tật để đảm bảo an toàn. Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá công tác ANTT trường học và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong năm học tiếp theo, kết quả về công tác đảm bảo ANTT trong nhiều năm qua nhà trường đã vinh dự được Bộ Công an, UBND tỉnh, Thành phố, Giám đốc Công an tỉnh tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen cho nhà trường; các mô hình đảm bảo ANTT của nhà trường đã được Bộ Công an thông báo nhân rộng ra toàn quốc. Hằng năm, nhà trường lấy ý kiến phản hồi của CBVC- LĐ, người học và các bên liên quan (đặc biệt là phản hồi từ người học khuyết tật) thông qua nhiều kênh, như tổ chức Hội nghị CBVC-LĐ, hội nghị đối thoại, Hội nghị giao ban để CBVC-LĐ, người học và các bên liên quan đóng góp ý kiến về môi trường, sức khỏe và an toàn trong quá trình triển khai, thực hiện của nhà trường, kết quả cho thấy phần lớn CBVC - LĐ, người học và các bên liên quan hài lòng cao với các tiêu chí về môi trường, sức khỏe, đảm bảo an toàn về ANTT khi tham gia làm việc, học tập, nghiên cứu tại trường [H9.09.05.11].

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai toàn diện đến toàn thể CBVC-LĐ và người học và có lưu ý đến nhu cầu của người

khuyết tật. Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai đồng bộ đến toàn thể CBVC-LĐ và người học thông qua “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” đầu khóa, các hội nghị về công tác sinh viên. 100% người học ký cam kết thực hiện tốt ANTT, vệ sinh môi trường; nhà trường luôn đạt các tiêu chí về “Nhà trường an toàn về ANTT”.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai toàn diện đến toàn thể CBVC-LĐ và người học và có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai đồng bộ đến toàn thể CBVC-LĐ và người học thông qua “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” đầu khóa, các hội nghị về công tác sinh viên. 100% người học ký cam kết thực hiện tốt ANTT, Vệ sinh môi trường; nhà trường luôn đạt các tiêu chí về “Nhà trường an toàn về ANTT”.

3. Điểm tồn tại

Chưa có quy định cụ thể các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn. Tình trạng mất trộm các thiết bị dạy học, máy tính, điện thoại di động tại các giảng đường và khu nội trú vẫn còn. Hiện tượng vi phạm nội quy trong ký túc xá vẫn còn xảy ra. Một số sinh viên vẫn chưa mua bảo hiểm y tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản về môi trường, y tế, ANTT; tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra giám sát đảm bảo vệ sinh môi trường, sức khỏe, an toàn. Kiểm soát được người ra, vào cổng trường; phối hợp chặt chẽ với Công an các cấp, các đơn vị chức năng trong nhà trường tuần tra, giám sát trong toàn bộ khuôn viên nhà trường để phát hiện và ngăn chặn kịp thời kẻ gian vào trường ăn trộm, gây mất ANTT trường học.	BQL KTX,YT &ANTT	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể CBVC-LĐ, người học về công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, sức khỏe và	BQL KTX,YT &ANTT	Năm học 2022-2023

		an toàn; Tiếp tục thực hiện Quyết định 338/QĐ-BGDĐT ngày 30/01/2018 về Kế hoạch giáo dục người khuyết tật giai đoạn 2018-2020 của ngành Giáo dục và Nghị định 86/2015/NĐ-CP.		
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Qua tất cả các số liệu nêu trên, có thể thấy rằng CSVK Khoa được Nhà trường trang bị tương đối đầy đủ. Hệ thống CNTT được kế thừa từ Nhà trường phát huy hiệu quả. CBQL, GV và cán bộ phục vụ có chuyên môn nghiệp vụ tốt, có trách nhiệm trong công việc. Hệ thống phần mềm CNTT thường xuyên được cập nhật, nâng cấp đáp ứng nhu cầu của người học và GV. Các yếu tố về sức khỏe người học, môi trường, an ninh trật tự luôn được đảm bảo, Khoa phân công cán bộ phụ trách phối hợp chẽ với các đơn vị chức năng trong Nhà trường, theo định kỳ có báo cáo, đánh giá về tình hình hiện tại và các đề xuất phù hợp. Hằng năm, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ Khoa và các đơn vị trong nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi của người học và CBGV về mức độ hài lòng, mức độ phù hợp của hệ thống CNTT trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT Thạc sĩ QLGD tự đánh giá tiêu chuẩn 9 đạt 5/5 tiêu chí (trong đó, có 02 tiêu chí đạt mức 4/7, 02 tiêu chí đạt mức 5/7 và 01 tiêu chí đạt 6/7).

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt	Đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 9			4.8	5	100% (5/5)
Tiêu chí 9.1		6.0			
Tiêu chí 9.2		5.0			
Tiêu chí 9.3		4.0			
Tiêu chí 9.4		5.0			
Tiêu chí 9.5		4.0			

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển của một cơ sở đào tạo. Vì vậy, nâng cao chất lượng đào tạo là một trong

những mục tiêu quan trọng và là yếu tố tiên quyết đối với mọi cơ sở đào tạo.

Tầm nhìn của Trường ĐHHĐ được xác định đến năm 2030 sẽ là địa chỉ tin cậy, có uy tín về đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ ở một số chuyên ngành mũi nhọn thuộc các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục, kỹ thuật công nghệ, nông - lâm - ngư nghiệp, kinh tế (mỗi lĩnh vực ngành chọn 1-2 chuyên ngành) đạt trình độ ngang tầm với các trường đại học lớn trong khu vực miền Trung. Do vậy, nhà trường rất chú trọng việc nâng cao chất lượng các ngành đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu HV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng, các chuyên gia kinh tế và giáo dục) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc ĐBCL trong KTĐG, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả hiện trạng

Xác định rõ vai trò của các bên liên quan trong việc cung cấp các thông tin hữu dụng về đặc điểm, yêu cầu của xã hội đối với nguồn lực lao động và coi đó là cơ sở quan trọng để xây dựng được CTDH phù hợp, cung cấp cho HV được các kiến thức và kỹ năng cơ bản, đáp ứng được tốt nhất các yêu cầu của thị trường lao động. Vì vậy, Nhà trường và khoa đặc biệt chú trọng việc thu thập phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH.

Nhà trường xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan, thành lập và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của phòng chức năng làm đầu mối để thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan ở trong và ngoài trường. Cụ thể, Phòng ĐBCL&KT được thành lập và là đầu mối để thu thập ý kiến của các bên liên quan trong trường (gồm GV, nhân viên, HV, CBQL, ...) [H10.10.01.01].

Để việc khảo sát được hiệu quả, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng quy trình thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH [H10.10.01.02].

Bộ phận chuyên trách sẽ thực hiện công việc theo quy trình và thu thập các phiếu khảo sát ý kiến về CTĐT của HV tốt nghiệp, của đơn vị sử dụng lao động, của HV đang theo học, của nhà quản lý/chuyên gia... [H10.10.01.03]. Sau khi nhận thông tin phản hồi của các bên liên quan (nhà tuyển dụng, giảng viên, cựu học viên, ...) từ bộ phận khảo sát, Khoa TLGD tổ chức sinh hoạt chuyên môn học thuật, họp hội đồng khoa rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT để thảo luận và tiếp nhận các phản hồi của

GV, học viên... về mục tiêu, CDR của CTĐT, bản mô tả CTĐT, đề cương học phần, chương trình dạy học. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và viết thành báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các bên liên quan (đơn vị sử dụng lao động, học viên và cựu học viên, giảng viên, nhà quản lý/chuyên gia) để hoàn thiện CDR của ngành, làm cơ sở để thiết kế, phát triển, điều chỉnh CTĐT Thạc sĩ QLGD tại Trường ĐHHĐ.

Thực hiện theo đúng chủ trương cải tiến chất lượng đào tạo, giảng dạy, năm 2019, 2020, 2022, Khoa TLGD thực hiện điều chỉnh CTĐT Thạc sĩ QLGD [H10.10.01.04]. Trong quá trình cập nhật, điều chỉnh CTĐT Thạc sĩ QLGD, Khoa TLGD đã thu thập phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, bao gồm nhà tuyển dụng, HV đang học tại trường, cựu HV, GV, các chuyên gia giáo dục... sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu xã hội.

So với phiên bản trước, bản mô tả CTĐT năm 2022 đã thể hiện ma trận mục tiêu và CDR của CTĐT và ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt CDR. Đây là 2 điểm khác biệt và cũng rất có ý nghĩa trong mô tả CTĐT. Thông qua tổ hợp ma trận thể hiện trong CTĐT giúp cho các bên liên quan đánh giá CTĐT, đặc biệt là GV nhận thức được những yêu cầu trong quá trình dạy học, hướng dẫn các hoạt động nghiên cứu, thực tập, làm luận văn, đề án cho HV [H10.10.01.05].

2. Điểm mạnh

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được hình thành từ cấp trường đến khoa. Trước khi thực hiện điều chỉnh CTĐT, Khoa TLGD đều lấy ý kiến phản hồi về CTĐT bằng cách gửi phiếu hỏi và nhận được nhiều ý kiến, góp ý của các chuyên gia, nhà nghiên cứu cùng ngành. Các thông tin phản hồi từ các đơn vị, cá nhân có liên quan về CTĐT đều được nhà trường, khoa kiểm chứng về mức độ chính xác qua phân tích, tổng hợp, thụ lý các ý kiến góp ý từ các bên và sử dụng hợp lý, hiệu quả trong các lần điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với mục tiêu đào tạo.

3. Điểm tồn tại

- Số lượng ý kiến phản hồi thu được hàng năm chưa nhiều và chất lượng của các phản hồi cũng chưa cao, vì vậy sẽ có những khó khăn nhất định đối với Khoa khi cải tiến CTĐT.

- Việc thực hiện lấy ý kiến chỉ mới thực hiện với các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động trong tỉnh Thanh Hóa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát	Duy trì kinh nghiệm triển khai lấy	Khoa TLGD đề xuất	Đầu khoá

	huy điểm mạnh	ý kiến của các bên liên quan, phát huy các phương pháp lấy ý kiến hiệu quả, tin cậy.	với nhà trường, phối hợp với Phòng ĐBCL&KT, Phòng QLĐT SĐH	tuyển sinh (từ năm 2023)
2	Khắc phục hạn chế	Đổi thoại và phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các nhà sử dụng lao động (mời tham dự hội thảo, chuyên đề về cải tiến CTDH) để nhận được nhiều ý kiến có giá trị. Khảo sát, thu thập các ý kiến phản hồi của các nhà sử dụng lao động ngoài tỉnh. Thực hiện việc lấy ý kiến của chuyên gia, cựu HV và nhà sử dụng lao động với số lượng lớn nhằm thu thập được nhiều phản hồi có giá trị, làm cơ sở để điều chỉnh CTDH.	Khoa TLGD đề xuất với nhà trường, phối hợp với Phòng ĐBCL&KT, Phòng QLĐT SĐH	Năm 2023- 2024 xây dựng cơ chế, sau đó đánh giá hàng năm

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan, CTĐT Thạc sĩ QLGD được điều chỉnh và đánh giá tính phù hợp với nhu cầu xã hội. Chuẩn đầu ra đã được Nhà trường ban hành, CTĐT Thạc sĩ QLGD đã được điều chỉnh vào năm 2019, 2020, 2022. Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa đã thực hiện trình tự các bước theo quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Nhà trường [H10.10.02.01]. Năm 2022, Nhà trường ban hành quyết định thành lập các tổ soạn thảo, điều chỉnh CTĐT [H10.10.02.02], theo đó việc xây dựng mới, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT Thạc sĩ QLGD được khẩn trương thực hiện. Lãnh đạo khoa đã phân công các thành viên tham gia soạn thảo đề xuất khung chương trình, hội đồng Khoa thảo luận để thống nhất. Các nội dung trong khung chương trình dự thảo được gửi đến GV, CBQL đào tạo và các bên liên quan để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi thẩm định. Sau khi thẩm định, Tổ soạn thảo tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết luận trong biên bản để chính thức tham mưu ban hành CTĐT Thạc sĩ QLGD, từ đó các ĐCCT HP được biên soạn và nghiệm thu đưa vào sử dụng [H10.10.02.03]. Khoa TLGD đã thực hiện đúng theo quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT đã ban hành, lấy ý kiến các chuyên gia, đội ngũ CBQL và GV để cải tiến, hoàn thiện quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung

CTĐT, đảm bảo phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn trên cơ sở các ý kiến phản hồi và cập nhật các văn bản mới của Bộ GD&ĐT.

Kết quả, sau quá trình điều chỉnh, CTĐT Thạc sĩ QLGD đã có những thay đổi trong việc phân bổ các học phần theo kỳ học hợp lý hơn thể hiện ở chương trình năm 2022. Những học phần không phù hợp đã được lược bỏ khỏi CTĐT. Chương trình được áp dụng từ 2022 cũng có sự điều chỉnh phù hợp hơn với xu thế tăng cường khối kiến thức chuyên ngành, giảm bớt khối kiến thức cơ sở ngành [H10.10.01.06]. Bên cạnh đó, CTĐT được chỉnh sửa năm 2022 đã bổ sung thêm một số học phần phù hợp với yêu cầu thực tế cho HV, tích hợp một vài học phần và cập nhật một số học phần mới đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

2. Điểm mạnh

Quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ. Quy trình này là cơ sở để GV trong và ngoài khoa tham gia các nhiệm vụ được phân công trong quá trình cải tiến và xây dựng CTDH liên tục cập nhật và thay đổi qua các năm học.

Khoa TLGD luôn cập nhật các nội dung cần điều chỉnh trong CTĐT tại các cuộc họp chuyên môn của các BM như một bước bổ sung so với quy trình chung để đem lại hiệu quả trong xây dựng và cải tiến CTDH.

3. Điểm tồn tại

CTDH chưa tham khảo đa dạng các chương trình dạy học tiên tiến.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đúng và hiệu quả quy trình xây dựng, điều chỉnh CTDH để cập nhật và thay đổi phù hợp với nhu cầu xã hội.	Phòng QLĐT SDH, Khoa TLGD	Đầu khoá tuyển sinh (từ năm 2023)
2	Khắc phục hạn chế	Tham khảo đa dạng các chương trình tiên tiến của các trường ĐH trong và ngoài nước.	Phòng QLĐT SDH, Khoa TLGD	Năm 2022-2023 xây dựng cơ chế, sau đó đánh giá hàng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí: 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

KTĐG kết quả học tập của HV là một khâu rất quan trọng không thể thiếu

trong quá trình đào tạo tại Trường ĐHHĐ nói chung và đào tạo Thạc sĩ QLGD nói riêng. Nó là khâu cuối cùng, không chỉ có ý nghĩa đánh giá độ tin cậy kết quả học tập của quá trình dạy và học mà còn có tác dụng điều tiết trở lại hết sức mạnh mẽ đối với quá trình đào tạo. Kết quả kiểm tra, đánh giá không chỉ phản ánh năng lực học tập của HV mà còn phản ánh một phần phương pháp dạy học của GV, bởi vì kiểm tra, đánh giá gắn liền và có quan hệ trực tiếp với việc đổi mới phương pháp dạy học của GV và đổi mới phương pháp học tập của HV.

Quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về công tác tổ chức thi, KTĐG kết quả học tập, quy định về việc tổ chức thi và chấm thi [H10.10.03.02].

Quá trình dạy và học cũng như việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành QLGD được thực hiện theo Quy định đào tạo thạc sĩ [H10.10.03.01]. Nhà trường có các quy trình/tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ KTĐG phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR [H10.10.03.02]. Căn cứ vào các hướng dẫn của Nhà trường, Khoa và các BM chỉ đạo thực hiện việc thiết kế các phương pháp, công cụ KTĐG, thể hiện trong ĐCHP. Đề cương các môn học trong CTĐT đều nêu rõ mục tiêu, yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm. GV luôn bám sát các yêu cầu về CĐR của học phần để xây dựng nội dung, hình thức và tiêu chí KTĐG phù hợp với từng nội dung bài giảng. Việc KTĐG kết quả học tập của người học được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian, tiêu chí đánh giá, thang điểm (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Để đáp ứng tiêu chuẩn về kiến thức trong CĐR, trong thời gian học chính thức, các học phần đều được đánh giá bởi 3 loại điểm: điểm đánh giá thường xuyên (chiếm 30%), điểm đánh giá chuyên cần (chiếm 20%) và điểm thi kết thúc học phần (chiếm 50%). Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, bao gồm: bài kiểm tra viết tại lớp, tiểu luận, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,... Hình thức thi của từng học phần được đề xuất, ghi rõ trong ĐCCT HP và được thông báo cho người học ngay từ đầu kỳ, đảm bảo mọi người học có định hướng và kế hoạch học tập cho từng học phần [H10.10.02.04].

Việc ĐGKQ học tập của HV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hoạt động/phương pháp KTĐG kết quả học tập của HV được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR. Tổ hợp các phương pháp KTĐG kết quả học tập của HV của từng học phần Thạc sĩ QLGD được thiết kế phù hợp. Các phương pháp và nội dung đề thi KTĐG kết quả học tập của từng học phần Thạc sĩ QLGD phản ánh được nội dung kiến thức cơ bản của học phần, đảm

bảo tính khách quan, độ dễ, khó và phù hợp để đo lường mức độ đạt được CDR của HV.

Khoa luôn có được kết quả đánh giá cao trong việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập [H10.10.03.03]. Thông tin được lấy từ sự kết hợp giữa cán bộ Khoa TLGD và Phòng ĐBCL&KT vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần, nhằm lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động dạy - học, KTĐG kết quả học tập học phần của GV. Về cơ bản, tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp KTĐG đã công bố được GV thực hiện tốt, tất cả học viên đều hài lòng với việc đánh giá của GV [H1.10.03.04].

Lãnh đạo Khoa, BM chỉ đạo một cách quyết liệt và thường xuyên giám sát, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, nhắc nhở tiến độ, chất lượng thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng của từng cá nhân. Hàng năm, BM tiến hành tổ chức dự giờ một số tiết học, họp BM và đóng góp ý kiến cho từng tiết học cụ thể để GV kịp thời điều chỉnh, rút kinh nghiệm nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục những vấn đề tồn tại của bản thân. Kết quả dự giờ thăm lớp cho thấy 100% số giờ đều được đánh giá xếp loại Khá, Giỏi [H10.10.03.05]. Tất cả các ý kiến phản hồi từ học viên về PPGD [H10.10.03.03], phương pháp ĐGKQ học tập được tiếp thu và sử dụng trong rà soát, đảm bảo sự phù hợp và tương thích với CDR.

2. Điểm mạnh

Việc ĐGKQ học tập của người học được BM và Khoa TLGD theo dõi một cách thường xuyên, nghiêm túc để đảm bảo đạt chuẩn đầu ra.

Phương pháp và quy trình rà soát, đánh giá được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, phù hợp với quy định của Nhà trường, đảm bảo tính khách quan, công bằng. Kết quả KTĐG được sử dụng làm công cụ để điều chỉnh nội dung CTĐT, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét tốt nghiệp cho người học.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần còn chưa làm rõ được hoạt động vận dụng thực hành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục theo dõi kết quả học tập của HV để đạt CDR	Phòng QLĐT SĐH, Khoa TLGD	Đầu khoá tuyển sinh (từ năm 2023)
2	Khắc phục hạn chế	Rà soát, tăng tính ứng dụng cho các học phần	Khoa TLGD	Năm 2022-2023

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến

việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH, Nhà trường và Khoa TLGD luôn coi công tác NCKH là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu cùng với quá trình đổi mới nội dung và phương pháp dạy học, thể hiện trong quy định về chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHHĐ. Theo đó, NCKH là nhiệm vụ bắt buộc đối với tất cả các chức danh GV làm việc tại nhà trường từ GV cao cấp, GV chính, GV hạng 3, giáo sư, phó giáo sư đến trợ giảng và GV thực hành [H10.10.04.01]. Trong những năm qua, hoạt động NCKH của GV Khoa TLGD được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: Chủ trì, tham gia đề tài NCKH các cấp, viết bài đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, hội thảo trong nước và quốc tế, viết sách tham khảo, hướng dẫn học viên NCKH... bước đầu đạt được những thành tựu đáng kể.

- Giai đoạn từ 2017 đến nay, Khoa TLGD đã thực hiện được nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở (01 đề tài cấp bộ, 01 đề tài cấp tỉnh, 11 đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nghiệm thu) có liên quan trực tiếp đến hoạt động dạy và học các chuyên ngành, thể hiện thông qua quá trình thẩm định đề tài và danh mục đề tài được thực hiện hàng năm liên quan đến chương trình dạy học Thạc sĩ QLGD nói riêng và các ngành trong đào tạo giáo viên nói chung, cụ thể:

+ Đối với đề tài NCKH của GV, theo quy định quản lý đề tài NCKH của GV [H10.10.04.02] các đề tài trước khi được thực hiện đều được thông qua kiểm duyệt đảm bảo tính cấp thiết cũng như tính liên quan và ứng dụng kết quả trong quá trình dạy và học mới được phép thực hiện. Cụ thể, các GV khi muốn thực hiện các nhiệm vụ khoa học phải tiến hành đăng ký trong kế hoạch năm học của BM, khoa và Nhà trường. Sau đó, các đề tài được thông qua vòng kiểm duyệt, xác định tên, mục tiêu, đối tượng và một số các yếu tố khác của đề tài. Sau khi đề tài được kiểm duyệt đáp ứng tính cấp thiết, tính ứng dụng trong quá trình dạy và học, Nhà trường sẽ ra quyết định giao nhiệm vụ khoa học hằng năm cho CBGV toàn trường [H10.10.04.02]. Sau khi nhận nhiệm vụ NCKH, các chủ nhiệm đề tài tiếp tục thông qua 2 vòng đánh giá cấp khoa và cấp trường về Thuyết minh đề tài NCKH bao gồm các nội dung về tính cấp thiết, mục tiêu nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu..., được Hội đồng cấp khoa và cấp trường đánh giá lại theo các tiêu chí cho sẵn, trong đó đảm bảo tính ứng dụng về mặt lý luận và thực tiễn, phục vụ cho công tác dạy và học là một trong những tiêu chí hàng đầu để thông qua Thuyết minh đề tài NCKH [H10.10.04.02]. Nhìn chung, quy trình thẩm định ban đầu đối với đề tài ngoài nhằm mục đích thẩm định tính cấp thiết, tính phù hợp với yêu cầu lý luận, pháp lý và thực tiễn, thì tất cả các đề tài NCKH được thực hiện đều được khoa và Nhà trường thẩm định với tiêu chí liên quan trực tiếp và ứng dụng cho hoạt động dạy và học của HV

cũng như CBGV trong khoa.

+ Đối với đề tài của HV chuyên ngành QLGD, các đề tài luận văn thạc sĩ do HV thực hiện được GV hướng dẫn định hướng dựa trên các hướng nghiên cứu đã được BM xây dựng và ban hành [H10.10.04.03]. Các hướng nghiên cứu được BM chuyên môn ban hành dựa trên các nội dung lý thuyết cơ bản của các học phần chuyên ngành kết hợp với tính ứng dụng trong phạm vi nghiên cứu cụ thể, với mục đích giúp HV nắm vững kiến thức, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, nâng cao chất lượng việc dạy và học. Với lộ trình đó, 100% đề tài luận văn thạc sĩ của HV trong 5 năm trở lại đây đều thuộc các định hướng nghiên cứu của BM cũng như liên quan trực tiếp đến việc dạy và học [H10.10.04.04].

- Các kết quả NCKH bước đầu đã được vận dụng trong việc cải tiến chất lượng việc dạy và học. Cụ thể:

+ Kết quả NCKH của GV bước đầu được sử dụng kết quả ứng dụng vào quá trình dạy học cho HV Thạc sĩ QLGD nói riêng và sinh viên Khoa TLGD nói chung.

+ Bên cạnh đó, các kết quả nghiên cứu như các đề tài NCKH của GV, HV, luận văn thạc sĩ được Nhà trường yêu cầu nộp lại TTTT-TV nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập và giảng dạy của HV và GV, từ đó cải tiến chất lượng dạy và học [H10.10.04.02; H10.10.04.04]. Các công trình NCKH được Nhà trường yêu cầu các tác giả là GV, nghiên cứu sinh, HV cao học, SV... nộp bản lưu chiếu vào TTTT-TV bằng bản mềm và bản cứng. Bản mềm sẽ được lưu giữ trong kho dữ liệu số online, bản cứng được lưu tại TTTT-TV nhằm phục vụ cho việc tra cứu tài liệu, sử dụng tài liệu của người học cũng như CBGV. Các kết quả NCKH được lưu giữ đóng vai trò vô cùng quan trọng, là kho tàng tri thức hữu ích cho hoạt động dạy và học của CBGV và người học hiện tại và trong tiến trình nhiều năm tới.

+ Việc viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong và ngoài trường đã diễn ra đều đặn hàng năm, nhiều khóa đào tạo, là nhiệm vụ CNKH của GV và HV cao học QLGD. Trong các năm qua, số lượng và chất lượng bài báo khoa học đã được nâng cao đáng kể [H10.10.04.05].

Bảng 10.1. Số lượng bài báo đăng tạp chí trong các năm 2017-2022

Năm	2021-2022	2020-2021	2019-2020	2018-2019	2017-2018
Tổng số bài báo trong nước	11	18	29	13	28
Tổng số bài báo quốc tế	03	2	2	1	1
Tổng cộng	14	20	31	14	29

+ Hằng năm vào thời điểm cuối năm học, Khoa TLGD tổ chức hội nghị tổng

kết hoạt động NCKH. Hội nghị đã chỉ ra được các thành tựu đạt được trong NCKH, phổ biến các kết quả nghiên cứu, tuyên dương các cá nhân và tập thể có nhiều thành tích trong hoạt động NCKH của Khoa, đồng thời chỉ ra những tồn tại, rút kinh nghiệm trong công tác NCKH và ứng dụng kết quả NCKH vào công tác giảng dạy, học tập [H10.10.04.10]. Từ đó, giúp HV và GV nhận thức được việc phát huy những thế mạnh trong NCKH, rút kinh nghiệm, khắc phục những hạn chế, góp phần cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH cũng như hoạt động học tập, giảng dạy.

2. Điểm mạnh

Các đề tài NCKH các cấp của HV và GV đều liên quan đến việc dạy và học. Các kết quả NCKH đã được sử dụng vào việc cải tiến hoạt động dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Việc áp dụng/chuyên tải các kết quả NCKH thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH chưa được đo lường cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Khuyến khích công tác NCKH của HV và GV theo hướng ứng dụng	Khoa TLGD	Năm 2022-2023	
2	Khắc phục hạn chế	Thúc đẩy sự vận dụng kết quả NCKH trong thực tế và giảng dạy	Khoa TLGD	Năm 2022-2023	

Trong năm học 2022-2023, nhà trường, Khoa và BM chuyên môn cần xây dựng kế hoạch, quy định, hướng dẫn để áp dụng/chuyên tải các kết quả NCKH thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHHĐ đã có quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác, được quy định trong Sổ tay ĐBCL ban hành năm 2010 (Điều 13: Theo dõi và đo lường sự hài lòng của người học) [H10.10.05.01], trong đó có quy định: “khách hàng của Nhà trường là người học, ...”, “các thông tin về sự hài lòng của khách hàng được ghi nhận, xem xét một cách nghiêm túc, công khai nhằm xác định nội dung cải tiến”,... Ngoài ra còn quy

định các biểu mẫu khảo sát và trình tự thực hiện [H10.10.05.09].

Nhà trường cũng ban hành các mục tiêu chất lượng theo từng năm học, làm căn cứ cải tiến chất lượng (QĐ 2136/QĐ-ĐHHD ngày 09/8/2016 ban hành mục tiêu chất lượng Trường ĐHHĐ năm học 2016-2017, QĐ 2134/QĐ-ĐHHD ngày 01/8/2017 ban hành mục tiêu chất lượng Trường ĐHHĐ năm học 2017-2018, QĐ 1194/QĐ-ĐHHD ngày 01/8/2018 ban hành mục tiêu chất lượng Trường ĐHHĐ năm học 2018-2019, QĐ 1155/QĐ-ĐHHD ngày 22/7/2019 ban hành mục tiêu chất lượng Trường ĐHHĐ năm học 2019-2020, QĐ 1746/QĐ-ĐHHD ngày 30/10/2020 ban hành mục tiêu chất lượng Trường ĐHHĐ năm học 2020-2021) [H10.10.05.01]. Một trong các mục tiêu của TT- TTTV là “...có ít nhất 150 lượt bạn đọc/ngày mượn tài liệu, giáo trình tại trung tâm phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu và mức hài lòng của bạn đọc trong Trường đối với công tác tổ chức, quản lý và phục vụ của trung tâm từ 90% trở lên ...” [H10.10.05.02] và Phòng TC-HC-QT là “100% thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH được kiểm soát, đo lường, đánh giá và sửa chữa kịp thời đảm bảo hệ số sẵn sàng của máy móc, thiết bị đạt 80% và Mức hài lòng của CBVC-LĐ trong trường đối với phòng đạt từ 90%,” [H10.10.05.03]. Hiện nay, với hệ thống 80 máy tính, được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập trên mạng; truy cập khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trên mạng do Liên hiệp thư viện Việt Nam về nguồn tin điện tử và Cục Khoa học Công nghệ Quốc gia cung cấp; nguồn tài nguyên số từ website Tailieu.vn với hơn 1.400.000 tài liệu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tài liệu trực tuyến ViNa; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0. Hiện tại TTTT-TV có 3 máy chủ dùng để cài đặt website và các phần mềm dùng chung của Nhà trường thường xuyên được cải tiến, cập nhật [H10.10.05.05].

HV cao học QLGD được hỗ trợ bởi các CSVC phục vụ cho việc học tập, tự học, phòng sinh hoạt chuyên môn/seminar tại phòng học giảng đường A6 và trung tâm thông tin - thư viện được xây dựng khang trang với nguồn tài liệu phong phú, hàng năm đều được bổ sung, cập nhật phù hợp với CTĐT, được trang bị hệ thống máy vi tính có kết nối mạng Internet phục vụ cho việc khai thác, tìm kiếm dữ liệu. Để nâng cao chất lượng phục vụ, định kỳ các đơn vị liên quan sẽ thực hiện khảo sát về tính hiệu quả, chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng,... của HV, GV về phòng học, hệ thống máy tính, thư viện, CSVC, trang thiết bị hỗ trợ hoàn thành các nhiệm vụ giảng dạy, học tập. Định kỳ, TTTT-TV khảo sát về thư viện và các hoạt động hỗ trợ của thư viện [H10.10.05.12]; Phòng TC-HC-QT khảo sát mức độ hài lòng của người học đối với CSVC, trang thiết bị, hệ thống thực hành [H10.10.05.9]; hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe cho người học và CBGV được quy định và hoạt động 24/7 [H10.10.05.07], hoạt động vệ sinh trong khuôn viên trường được theo dõi và báo cáo kết quả thường xuyên

[H10.10.05.11], hệ thống PCCC được quan tâm, rà soát và thực hiện diễn tập thường xuyên [H10.10.05.10]....Kết quả khảo sát cho thấy: mức độ hài lòng của CBGV, HV đối với chất lượng phục vụ của TTTT-TV khoảng 70-80% [H10.10.05.12], mức độ hài lòng đối với CSVC, thái độ phục vụ của Phòng TC-HC-QT bình quân trên 90%. Từ năm học 2017-2018, bên cạnh việc lấy ý kiến mức độ hài lòng của các bên liên quan theo quy định, Phòng TC-HC-QT còn trực tiếp tổ chức lấy ý kiến của người học về chất lượng phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên để điều chỉnh nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.05.13].

Kết quả đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của TTTT-TV, hệ thống CNTT và các dịch vụ khác thông qua người học, đội ngũ kỹ thuật viên làm căn cứ để các đơn vị xem xét, đánh giá trách nhiệm của từng cá nhân, từng hình thức triển khai đề ra giải pháp khắc phục hữu hiệu để tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của HV và đội ngũ CBGV [H10.10.05.06].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã ban hành các quy định về đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ của TTTT-TV, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác cho HV.

- Hằng năm, Nhà trường thực hiện rà soát, xây dựng, đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng nhằm cải tiến chất lượng phục vụ người học và môi trường học tập.

- Hoạt động khảo sát lấy ý kiến về chất lượng phục vụ từ các bên liên quan được thực hiện hàng năm, thể hiện sự cầu thị trong việc cải tiến chất lượng và bám sát mục tiêu cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng, đảm bảo sự hài lòng của khách hàng trong vai HV

- Hoạt động đối thoại người học với Nhà trường được thực hiện định kỳ hàng năm thể hiện sự cầu thị lắng nghe ý kiến phản hồi, quan điểm, mong muốn của người học nhằm cải tiến chất lượng phục vụ tiệm cận gần nhất với mong muốn của người học.

3. Điểm tồn tại

Chất lượng phục vụ của các đơn vị chuyên trách phụ trách CSVC cần rà soát thường xuyên như: Việc bảo trì, sửa chữa, nâng cấp hệ thống máy tính, máy chiếu, quạt; Nhà vệ sinh hồng, bẩn; Nhà để xe cho SV chật...

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích	Phòng QLĐT SDH, Khoa TLGD	Năm 2022-2023
2	Khắc phục hạn chế	Đôn đốc việc nâng cấp, sửa chữa hệ thống máy tính đề xuất giải pháp để	Phòng TC-HC-QT	Năm 2022-2023

		nâng chất chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích		
--	--	---	--	--

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện công tác ĐBCL của Nhà trường, hàng năm nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để nắm bắt tình hình và định hướng cải tiến hoạt động đào tạo nói chung của trường. Nhà trường có hệ thống, quy trình, quy định, công cụ thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (chuyên gia, CBQL, GV, người học, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) cho các mặt hoạt động của Nhà trường. Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học [H110.10.06.01].

Phòng ĐBCL&KT của Trường ĐHHĐ thực hiện chức năng tham mưu cho nhà trường về công tác đánh giá, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục cho Nhà trường [H10.10.06.01]. Hiện nay, Phòng ĐBCL&KT là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá cấp chương trình và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan.

Theo đó, Nhà trường cũng đã ban hành các quy định về cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.01]. Công việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan ở cấp đào tạo thạc sĩ được giao cho 2 phòng chủ đạo là Phòng ĐBCL&KT và Phòng QLĐT SDH hỗ trợ tiến hành nhằm đáp ứng yêu cầu về kiểm định chất lượng trường, triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 trong toàn bộ hoạt động đào tạo và công tác quản lý của nhà trường. Phòng QLĐT SDH tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác chính trị, quản lý học viên của trường.

Phòng ĐBCL&KT đã tham mưu cho Nhà trường ban hành kế hoạch ĐBCL, trên cơ sở đó Khoa TLGD xây dựng mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm học của Khoa [H10.10.06.02]. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên có liên quan (người học, cựu người học, chuyên gia và nhà tuyển dụng lao động) về CTĐT được thực hiện thường xuyên và có tính hệ thống [H10.10.06.03]. Để nâng cao tinh thần trách nhiệm và hiệu quả của hoạt động lấy ý kiến các bên có liên quan, nhà trường đã giao cho Phòng ĐBCL&KT lấy ý kiến người học về chất lượng hoạt động giảng dạy của GV và chất lượng quá trình đào tạo. Phòng ĐBCL&KT sẽ thực hiện việc in các mẫu phiếu khảo sát và phát hành xuống các lớp học trong trường để HV thực hiện khảo sát. Sau khi thu thập các phiếu phát ra, cán bộ Phòng ĐBCL&KT sẽ trực tiếp thống kê và tổng hợp các ý kiến người học về chất lượng giảng dạy cũng như CTĐT [H10.10.06.05]. Ngoài việc thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan bằng

Phiếu điều tra, Nhà trường còn thực hiện khảo sát bằng hình thức online.

Hoạt động lấy ý kiến người học và các bên liên quan được triển khai đồng bộ, thường xuyên, đúng quy định, quy trình, thủ tục [H10.10.06.01]. Hoạt động này được thực hiện bảo mật, các cá nhân có liên quan không tham gia trực tiếp vào việc lấy ý kiến, người được hỏi trả lời trực tiếp vào phiếu lấy ý kiến (khuyết danh), kết quả lấy ý kiến được xử lý bằng phần mềm chuyên dụng và được lưu trữ trong phần mềm Excel để xác định độ tin cậy và đối sánh giữa các năm. Kết quả lấy ý kiến sau khi được xử lý sẽ thông báo đến các đơn vị, cá nhân để kịp thời điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của các bên liên quan. Trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan, khoa đã phân tích, đánh giá và lựa chọn các ý kiến để đưa vào nhằm cải tiến CTĐT cho phù hợp với người học [H10.10.06.03].

Ngoài việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng giảng dạy, quá trình đào tạo, nhà trường còn khảo sát ý kiến phản hồi của người học, CBGV về mức độ đáp ứng của trang thiết bị dạy học, chất lượng phục vụ của TTTT-TL-TV, của đội ngũ KTV/NV phục vụ... [H10.10.05.06].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống, nhận được nhiều ý kiến đóng góp hữu ích, từ đó phục vụ cho các hoạt động của Khoa và Nhà trường về xây dựng, phân tích đánh giá CTĐT nói chung và CTĐT Thạc sĩ QLGD nói riêng.

100% hoạt động lấy ý kiến phản hồi được thực hiện đúng quy trình, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến, bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn; các ý kiến phản hồi đảm bảo độ tin cậy, hoạt động phản hồi của các bên có liên quan đảm bảo tính hiệu quả và được khoa tham khảo để điều chỉnh, cải tiến CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Một số loại phiếu lấy ý kiến các bên liên quan chưa được điều chỉnh phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của HV	Phòng QLĐT SĐH, Khoa TLGD	Năm 2022-2023
2	Khắc phục hạn chế	Rà soát các qui định lấy ý kiến và mẫu phiếu hỏi được cải tiến	Đơn vị liên quan	Năm 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 10:

Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo Thạc sĩ QLGD đã được Nhà trường, Phòng QLĐT SĐH và Ban chủ nhiệm Khoa TLGD xây dựng và thiết lập một

cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được hình thành từ cấp trường đến khoa bằng nhiều hình thức khác nhau. Thông tin phản hồi từ các bên liên quan được tổng hợp, phân tích một cách khoa học và sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh, cải tiến CTĐT cho phù hợp với yêu cầu thực tế của xã hội.

Điểm tự đánh giá về Tiêu chuẩn 10:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt	Đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 10					
Tiêu chí 10.1		5.0	5.0	5	100% (6/6)
Tiêu chí 10.2		5.0			
Tiêu chí 10.3		5.0			
Tiêu chí 10.4		5.0			
Tiêu chí 10.5		5.0			
Tiêu chí 10.6		5.0			

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra đối với người học trước khi tốt nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng. Hằng năm, Nhà trường, Khoa TLGD đã thực hiện giám sát chặt chẽ chuẩn đầu ra của Thạc sĩ QLGD; thống kê tỷ lệ người học tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ người học thôi học để làm cơ sở để cải tiến chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được quy định cụ thể, đảm bảo phù hợp với ngành học và chuẩn đầu ra của CTĐT Thạc sĩ QLGD. Nhà trường đã xây dựng quy trình dùng chung để triển khai, lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giảng dạy của GV và CTĐT trước khi tốt nghiệp; khảo sát người học sau tốt nghiệp 01 năm, khảo sát nhà sử dụng lao động về CTĐT Thạc sĩ QLGD. Đây là cơ sở để Nhà trường, Khoa TLGD phân tích, đánh giá và có hướng để điều chỉnh CTĐT phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu của xã hội.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Để quản lý và giám sát cơ sở dữ liệu học tập của HV, Nhà trường đã xây dựng hệ thống phần mềm QLĐT (<http://sinhvien.hdu.edu.vn/>). Phòng QLĐT SDH là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý công tác này (<http://hdu.edu.vn/c24/sau-dai->

hoc).

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm. Công tác quản lý HV được thực hiện trên hệ thống phần mềm QLĐT. Tất cả cơ sở dữ liệu về học viên, đặc biệt là danh sách HV thôi học, tốt nghiệp từng đợt được cập nhật (theo Quyết định) [H11.11.01.04; H11.11.01.05]; việc thống kê số lượng HV ngành Thạc sỹ QLGD, tốt nghiệp, thôi học được thực hiện thường xuyên theo từng khóa học.

Bảng 11.1. Tỷ lệ người học Thạc sỹ QLGD tốt nghiệp và thôi học 5 khóa (K9-K13 và K14a)

Thứ tự	Khóa đào tạo	Số SV nhập học	Số tốt nghiệp	Số bảo lưu	Số thôi học
1	K9 (2016-2018)	47	47	-	-
2	K10 (2017-2019)	72	71	-	01
3	K11 (2018-2020)	35	35	-	0
4	K12 (2019-2021)	25	25	-	0
5	K13 (2020-2022)	59	59	-	0
6	K14a (2020-2022)	39	39	-	0

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được đánh giá, phân tích, giám sát. Từ thống kê số liệu HV thôi học ở từng học kỳ, Nhà trường, Khoa TLGD tổ chức hội nghị giao ban công tác người học hằng tháng, quý và học kỳ; đồng thời đã xây dựng kế hoạch, chiến lược đào tạo của Khoa, BM trong đó có xác lập, phân tích, dự đoán về tỉ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của CTĐT Thạc sỹ QLGD để phân tích, tìm hiểu nguyên nhân tại sao người học thôi học và đề xuất các biện pháp tư vấn, hỗ trợ, như: Trợ lý giáo vụ SDH sẽ thông báo cho HV gặp gỡ hoặc trao đổi, giúp người học lập kế hoạch học tập tốt hơn để có thể đảm bảo tốt nghiệp đúng theo kế hoạch [H11.11.01.02]. Trong trường hợp HV vì lý do cá nhân mà không thể hoặc chưa tham gia học sẽ được Trợ lý đào tạo SDH tư vấn bảo lưu kết quả học tập hoặc làm đơn xin thôi học.

Bảng 11.2 Tỷ lệ người học thạc sỹ QLGD chưa tốt nghiệp 5 khóa (K9 - K13)

Khoá học	Số lượng người học	Số học viên chưa tốt nghiệp	Tỷ lệ % HV chưa TN	Ghi chú
K9 (2016-2018)	47	0	0	
K10 (2017-2019)	72	0	0	1 (thôi học)
K11 (2018-2020)	35	0	0	
K12 (2019-2021)	25	0	0	
K13 (2020-2022)	59	0	0	

Khoa cũng đã thực hiện đối sánh và kế quả đối sánh cụ thể về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của CTĐT Thạc sỹ QLGD với các CTĐT khác của Nhà trường nhằm cải tiến chất lượng [H.11.11.01.01.06].

Bảng 11.3. Đối sánh tỷ lệ HV tốt nghiệp, tỷ lệ HV thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình

Khóa tốt nghiệp	Tổng số học viên	Tỷ lệ (%) học viên tốt nghiệp		Tỷ lệ (%) học viên thôi học		Thời gian tốt nghiệp trung bình	
		CTĐT được đánh giá	CTĐT của ngành Ths QTKD	CTĐT được đánh giá	CTĐT của Ths QTKD	CTĐT được đánh giá	CTĐT của ngành Ths QTKD
K9	120	47	73	0	0	2 năm	0
K10	149	72	77	1	8	2 năm	0
K11	134	35	98	0	9	2 năm	2 năm
K12	83	25	58	0	3	2 năm	2 năm
K13	120	59	61	0	0	2 năm	2 năm

Bảng 11.4. Thống kê số lượng HV tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn; thời gian tốt nghiệp

Khóa học	Tổng số HV tốt nghiệp	Số lượng học viên tốt nghiệp trong					
		1,5 năm (trước hạn)	2 năm (đúng hạn)	> 2 năm (quá hạn)			
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4
K9	47	0	47	0	0	0	0
K10	72	0	71	0	0	0	0
K11	35	0	35	0	0	0	0
K12	25	0	25	0	0	0	0
K13	59	0	59	0	0	0	0
K14a	39	0	39	0	0	0	0

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phần mềm quản lý, kịp thời theo dõi tỷ lệ người học thôi học, tốt nghiệp; Khoa TLGD, BM GDH, Trợ lý giáo vụ SDH đã làm tốt công tác quản lý, giám sát kết quả học tập của người học; kịp thời tư vấn, hỗ trợ cho người học chậm tiến độ, nợ môn học phần. Vì thế, trung bình trong 5 khóa gần đây (K9-K14a) tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn cao.

3. Điểm tồn tại

Chưa có sự đối sánh tỷ lệ thôi học của HV Thạc sỹ QLGD với các khối ngành

tương tự ở bên ngoài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Hoàn thiện quy trình phân tích, đánh giá các nguyên nhân thôi học	Phòng QLĐT SDH; Khoa TLGD	Khoá đào tạo 2023-2024
2	Khắc phục tồn tại	Tổng hợp nguyên nhân thôi học và tỷ lệ thôi học tương ứng với các CTĐT bên ngoài; từ đó đề xuất giải pháp giảm thiểu thôi học.	Phòng QLĐT SDH; Khoa TLGD	Khoá đào tạo 2023-2024

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những HV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Trụ lý SDH và Phòng QLĐT SDH là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý, giám sát thời gian tốt nghiệp của HV. Nhà trường có quy trình, quy định, công cụ giám sát, phân tích, đối sánh, đánh giá chất lượng HV tốt nghiệp (thời gian tốt nghiệp trung bình). CTĐT Thạc sĩ QLGD có hình thức đào tạo chính quy tập trung, trong khoảng thời gian quy định tối đa là 2 năm, việc kéo dài thời gian học tập của HV cao học không quá 2 năm [H11.11.02.01]. Hầu hết HV đều hoàn tất 3 học kỳ đầu tiên của CTĐT và thực hiện luận văn thạc sĩ (học kỳ 4). Tỷ lệ HV hoàn tất luận văn thạc sĩ đúng thời hạn chiếm 100% [H11.11.02.05; H11.11.02.06].

Khóa học	Số lượng người học	Tỷ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian		Số thôi học	Khóa
		2 năm	trên 2 năm		
(2016-2018)	47	47	0	-	K9
(2017-2019)	72	72	0	1	K10
(2018-2020)	35	35	0	-	K11
(2019-2021)	25	25	0	-	K12
(2020-2022)	59	59	0	-	K13
(2020-2022)	39	39	0	-	K14a
Trung bình					

Nhà trường, Khoa TLGD theo dõi tiến độ thực hiện đề tài luận văn của học viên; tìm hiểu, phân tích nguyên nhân 01 học viên bỏ học là do chuyển công tác và một số điều kiện bất khả kháng khác nên không bố trí theo học được ở một số học phần theo đúng tiến độ, không hoàn thành luận văn trong thời gian quy định [H11.11.02.04]. Đối với các HV khóa sau có hoàn cảnh tương tự, Khoa TLGD đã chỉ đạo BM GDH học, Trợ lý SDH xây dựng kế hoạch, nội dung, thời gian gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc qua email, điện thoại, facebook, zalo... để tư vấn, hướng dẫn cho HV phương pháp học học phần còn nợ hoặc động viên các HV tập trung làm luận văn.

Để nâng cao khả năng làm luận văn của HV, nhà trường xem xét và xử lý theo hướng: (1) Phân công người hướng dẫn khoa học phù hợp với định hướng nghiên cứu của HV [H11.11.02.02]; (2) Thư viện thuê tài khoản truy cập thông tin khoa học từ cổng truy cập nguồn tin điện tử của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia [H11.11.02.07].

2. Điểm mạnh

Có bộ phận, qui trình để theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa học trong cùng CTĐT.

Tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học bỏ học và có đề xuất các biện pháp hỗ trợ người học để giảm tối đa số lượng học viên bỏ học.

3. Điểm tồn tại

Chưa tổ chức tổng kết/đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học hoàn thành thời gian học tập đúng hạn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tập trung hoàn thiện quy trình phân tích, đánh giá các nguyên nhân HV bỏ học để có giải pháp hỗ trợ HV kịp thời	Phòng QLĐT SDH; Khoa TLGD	Khoá đào tạo 2023-2024
2	Khắc phục tồn tại	Tổng kết đánh giá hiệu quả các giải pháp hỗ trợ HV hoàn thành tiến độ học tập đúng qui định.	Phòng QLĐT SDH; Khoa TLGD	Khoá đào tạo 2023-2024

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Đặc thù của CTĐT trình độ thạc sĩ nói chung và chuyên ngành QLGD nói riêng là đa số người học đang làm việc tại các cơ quan QLGD (Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT), tại các nhà trường (mầm non, tiểu học, THCS, THPT, CĐ, ĐH, dạy nghề...), tại các cơ quan và tổ chức khác. Do đó, mối quan tâm của người học không phải là việc làm, mà là nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực công tác và đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác.

Nhà trường đã xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin HV, trong đó có nội dung đơn vị công tác và vị trí công tác [H11.11.03.01]. Các thông tin này là cơ sở để tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan (nhà tuyển dụng, cựu học viên) về mức độ đáp ứng của CTĐT về những năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp khóa học [H11.11.03.03].

Kết quả khảo sát các bên liên quan về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT, về đề cương học phần, chương trình dạy học được sử dụng như là cơ sở để điều chỉnh CTĐT nhằm không ngừng đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu xã hội. Kết quả khảo sát của Khoa TLGD cho thấy, phần lớn nhà quản lý, cựu học viên, học viên hài lòng với mức độ phù hợp của mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT với nhu cầu của người học và nhà sử dụng lao động [H11.11.03.03]. Có nhiều HV có cơ hội thăng tiến cao hơn tại đơn vị công tác [H11.11.03.04].

Với đặc thù của HV học ngành QLGD đa số là các CBGV đang công tác trên địa bàn Tỉnh Thanh Hóa, đây là đối tượng HV đã có việc làm ổn định từ trước khi nhập học, việc học tập chủ yếu nhằm mục đích nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng phát triển trong công việc nên 100% HV đều có việc làm [H11.11.03.02].

2. Điểm mạnh

Có khảo sát nhà sử dụng lao động và cựu HV về mức độ phù hợp của mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT với nhu cầu của người học và nhà tuyển dụng trong thời gian đánh giá; thống kê về việc làm của HV và số lượng HV thành đạt, có cơ hội thăng tiến sau tốt nghiệp.

Có số liệu tin cậy về việc làm của người học.

Có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp cải thiện năng lực và có việc làm tốt hơn chuyên ngành QLGD của Nhà trường với chuyên ngành Thạc sĩ QLGD và một số ngành thuộc khối ngành Khoa học giáo dục của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiến hành đối sánh ý kiến cựu HV và nhà tuyển dụng về cơ hội việc làm và cải thiện năng lực sau tốt nghiệp	Phòng QLĐT SDH	Năm 2023-2024
2	Khắc phục tồn tại	Tiến hành đối sánh tỷ lệ cải thiện việc làm khi có thông tin từ bên ngoài.	Khoa TLGD	Năm 2023-2024

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường, Khoa TLGD xác định hoạt động NCKH của người học có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình học tập, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, vị thế của Thạc sĩ QLGD nói riêng và Khoa TLGD, Nhà trường nói chung.

Các hoạt động NCKH của HV được xác lập về số lượng và loại hình. Việc xác lập này được thể hiện thông qua các qui định về đào tạo thạc sĩ, trong đó công tác NCKH được xác định là một phần trong CTĐT [H11.11.04.05]. Hoạt động nghiên cứu trong quá trình học gắn với yêu cầu, PPGD, phương pháp đánh giá; cụ thể là tiến hành lược khảo các nghiên cứu trước (tổng quan nghiên cứu) theo các hướng nghiên cứu trong học phần, viết tiểu luận nhóm, tiểu luận cá nhân về các vấn đề nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu này được GV đánh giá, thể hiện trong điểm quá trình hoặc điểm kết thúc học phần, tùy theo học phần cụ thể. Thông qua các hoạt động này, HV có thể thực hành những kiến thức đã được học trong các học phần về phương pháp nghiên cứu, đồng thời chuẩn bị cho việc lựa chọn hướng nghiên cứu để thực hiện luận văn thạc sĩ.

Một quy định của CTĐT trình độ thạc sĩ là HV bắt buộc phải thực hiện luận văn thạc sĩ, và luận văn thạc sĩ theo quy định như một công trình NCKH theo hướng ứng dụng [H11.11.04.01].

Ngành QLGD có đề xuất danh mục các hướng nghiên cứu đề gợi ý cho các học viên định hướng hướng nghiên cứu phù hợp năng lực, sở trường, vị trí công tác cũng như với chuyên ngành QLGD. Tại mỗi khóa đào tạo, căn cứ vào ngành, đơn vị và vị trí công tác, những gợi ý từ phía GV học phần, vào học kỳ 3 HV đăng ký tên đề tài và đề xuất người hướng dẫn khoa học [H11.11.04.02]. Căn cứ vào hướng nghiên cứu của

GV, chỉ tiêu hướng dẫn theo quy định và nguyện vọng của HV, Tiểu ban QLGD tiến hành họp và đề xuất danh sách tên đề tài luận văn, người hướng dẫn khoa học để nhà Trường ra quyết định [H11.11.04.03].

Ngoài ra các HV còn được khuyến khích công bố kết quả nghiên cứu của mình trên các tạp chí khoa học chuyên ngành. [H11.11.04.04]

Các khoản chi cho hoạt động thực hiện luận văn của HV (thù lao hướng dẫn, thù lao hội đồng chấm luận văn) được nhà Trường tổng hợp và đánh giá hàng năm [H11.11.04.05].

Các hoạt động NCKH của người học (đặc biệt là các luận văn, bài báo công bố) phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học và góp phần đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản lý tại đơn vị công tác của HV [H11.11.04.03].

Nhằm hỗ trợ cho hoạt động NCKH phù hợp với xu thế phát triển và khả năng của HV, Nhà trường đã có nhiều đề xuất/đầu tư cũng như hỗ trợ người học. Cụ thể, nhà trường khuyến khích cộng điểm vào kết quả đánh giá luận văn thạc sĩ cho HV (tối đa 1,0 điểm tùy thuộc vào tạp chí khoa học và đóng góp của học viên) trong Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường ĐHHĐ [H11.11.04.05]. Bên cạnh đó, Hội khuyến học của Nhà trường cũng có chính sách khen thưởng cho người học có công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học quốc tế có chỉ số ISI, Scopus.

Tuy nhiên, cho đến nay, do hạn chế về dữ liệu công bố công khai từ các cơ sở đào tạo SDH khác, về mặt chủ quan, Trường chưa thể đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của HV với các cơ sở đào tạo khác.

2. Điểm mạnh

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học ngành Thạc sĩ QLGD đã được xác lập, giám sát. Các hoạt động đề xuất đầu tư đã được Nhà trường quan tâm thực hiện nhằm phát triển hoạt động nghiên cứu của người học.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện được việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học chuyên ngành Thạc sĩ QLGD với một số trường đại học cùng vị thế trong nước và quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ cải tiến chất lượng hoạt động NCKH của HV dựa trên kết quả theo dõi, giám sát và đánh giá	Phòng QLĐT SDH	Năm 2023-2024

2	Khắc phục tồn tại	Tiến hành đối sánh tỷ lệ loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học giữa các cơ sở đào tạo khác nhau.	Khoa TLGD	Năm 2023-2024
---	-------------------	---	-----------	---------------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên có liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh

1. Mô tả hiện trạng

Trong những năm qua, Nhà trường nói chung và Khoa TLGD nói riêng không ngừng cải tiến, điều chỉnh chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội nhằm phát huy tối đa năng lực HV trên cơ sở xác lập mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động đào tạo. Nhiều năm qua Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV và các hoạt động khác của Nhà trường. Nhà trường đã xây dựng các công cụ điều tra tiếp nhận phản hồi thông qua phát phiếu điều tra khảo sát từ các bên liên quan, từ đó làm cơ sở cho việc điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTDH [H11.11.05.01; H11.11.05.02].

Trợ lý giáo vụ SDH theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ học tập, nghiên cứu của HV, trao đổi, hỗ trợ và giải quyết thắc mắc của người học, giúp khoa và các đơn vị liên quan kịp thời xử lý, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn công tác đào tạo của Nhà trường.

Trước khi thực hiện điều chỉnh CTĐT, Khoa TLGD tổ chức hoạt động khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi của cơ quan, đơn vị sử dụng lao động, cựu HV, GV và HV về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT, đề cương học phần, chương trình dạy học thông qua việc phát phiếu điều tra khảo sát đến từng nhóm đối tượng. Dữ liệu sau khi nhập đầy đủ được giao cho bộ phận xử lý dữ liệu bằng phần mềm Microsoft Excel. Sau khi xử lý xong, dữ liệu được tổng hợp, lưu trữ và công bố kết quả khảo sát theo yêu cầu của Trường. Bước tiếp theo sẽ tổng hợp kết quả khảo sát nhằm đánh giá, phân tích và tìm cách khắc phục nếu có hạn chế. Ngoài ra, khoa còn phối hợp với nhà trường tổ chức các cuộc Hội thảo về xây dựng CTĐT, Hội thảo về đào tạo Thạc sĩ QLGD gắn với thực tiễn nhằm nắm bắt tâm tư nguyện vọng của HV cũng như nhu cầu thông tin của các đối tượng bên ngoài để có hướng khắc phục chương trình đào tạo nói riêng và chất lượng đào tạo nói chung nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội, đồng thời nâng cao vị thế của Khoa, nhà trường [H11.11.05.02; H11.11.05.02].

Ý kiến đóng góp của các bên liên quan là cơ sở quan trọng, được Khoa TLGD phân tích, đối sánh, xây dựng kế hoạch cải tiến, điều chỉnh CTĐT Thạc sĩ QLGD phù

hợp với nhu cầu xã hội và thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc đo lường mức độ hài lòng của HV về CTĐT đã được tiến hành qua nhiều năm và có sự đối sánh giữa các năm hoặc đối sánh với cùng CTĐT khác của Nhà trường, tuy nhiên việc đo lường mức độ hài lòng của cựu HV và nhà tuyển dụng mới được tiến hành ở phạm vi hẹp và vẫn chưa có sự đối sánh với các CTĐT của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

2. Điểm mạnh

Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan chưa được thực hiện trên diện rộng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện cơ chế đào tạo cải tiến chất lượng CTĐT dựa trên đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan.	Phòng QLĐT SĐH	Năm 2023-2024
2	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát trên diện rộng các đối tượng liên quan.	Khoa TLGD	Năm 2023-2024

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về Tiêu chuẩn 11:

Chất lượng đầu ra của người học ngành Thạc sĩ QLGD được đảm bảo theo đúng các quy chế của Bộ GD&ĐT. Trường ĐHHĐ cũng như Khoa TLGD đã giám sát việc đạt được các chuẩn đầu ra, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và thống kê về cơ hội thăng tiến, cải thiện việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Nhà trường có phần mềm quản lý, kịp thời theo dõi tỷ lệ người học thôi học, tốt nghiệp. Tập thể CBGV Khoa TLGD, đặc biệt là Trợ lý giáo vụ SĐH đã làm tốt công tác quản lý, giám sát kết quả học tập của người học. Mặt khác, nghiên cứu khoa học của HV Thạc sĩ QLGD cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư, các đề tài của học viên có chất lượng, học viên tốt nghiệp ra trường đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác mà mình đảm nhận. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá về Tiêu chuẩn 11:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt	Đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 11			5.4	5	100 % (5/5)
Tiêu chí 11.1		6.0			
Tiêu chí 11.2		6.0			
Tiêu chí 11.3		5.0			
Tiêu chí 11.4		5.0			
Tiêu chí 11.5		5.0			

PHẦN III. KẾT LUẬN

Đề thực hiện sứ mạng của Trường ĐHHĐ là *‘đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; NCKH, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước’* thì chuyên ngành QLGD cũng phải luôn thích ứng với sự phát triển của xã hội để góp phần thực hiện sứ mệnh đó. Việc đánh giá chương trình là tất yếu, nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học có được cơ hội và môi trường học tập tốt; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và tham gia KĐCL định kỳ. Chúng tôi cam kết sẽ phát huy điểm mạnh và cải thiện các điểm còn tồn tại để chất lượng đào tạo ngày càng được tốt hơn đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội.

1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo Thạc sĩ QLGD

(i) Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT Thạc sĩ QLGD đã được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của Luật giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nguồn nhân lực quản trị giáo dục.

Mục tiêu của CTĐT được xây dựng phù hợp với từng giai đoạn phát triển của giáo dục, của đơn vị đào tạo và nhu cầu của xã hội thông qua việc thực hiện khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh và cập nhật các nội dung mới của ngành QLGD phù hợp với thực tế xã hội.

CĐR của CTĐT Thạc sĩ QLGD được xác định rõ ràng, đã xác định rõ những yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể đối với người tốt nghiệp. Nội dung CĐR hướng tới hình thành năng lực chủ động, sáng tạo của HV, đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng HV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT và khuyến khích khả năng học tập suốt đời cho người học. CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường.

Chuẩn đầu ra CTĐT Thạc sĩ QLGD được xây dựng trên cơ sở các quy định hiện hành, có sự tham gia của các bên liên quan. Việc rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT được xuất phát từ thực tiễn vị trí việc làm, dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, gắn với vị trí làm việc của người lao động với sự tham gia của các cơ sở giáo dục

CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát và công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Nội dung cụ thể của CĐR được phản ánh trong Bản mô tả chương trình và trong từng học phần cụ thể của CTĐT và được chỉnh sửa hàng năm; được công bố công khai cho HV ngay từ năm thứ nhất, được cụ thể trong từng năm học.

(ii) Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT đã phản ánh rõ mục tiêu đào tạo và CĐR của chương trình,

bao gồm CĐR về kiến thức và năng lực chuyên môn, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng hỗ trợ và phẩm chất đạo đức. Bản mô tả CTĐT đã cung cấp đầy đủ thông tin về phương pháp dạy và học được áp dụng, các yêu cầu cụ thể đối với hoạt động KTĐG và tổ chức thực hiện đào tạo để người học có thể đạt được CĐR.

Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới. Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo quy định của các cấp quản lý thuộc Trường ĐHHĐ. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy - học và KTĐG nhằm đạt được CĐR của ngành.

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định về việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung đề ĐCCT HP đào tạo theo hệ thống tín chỉ; 100% ĐCHP được chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường, được BM chuyên môn thẩm định, Khoa phê duyệt và Nhà trường tổ chức đánh giá.

ĐCCT HP thuộc CTĐT Thạc sĩ QLGD bám sát mục tiêu, nội dung CTĐT và liên tục cập nhật. Trong quá trình biên soạn, cập nhật đề cương đã có sự tham gia của các bên liên quan.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần được cung cấp cho người học và các bên liên quan đầy đủ, giúp cho người học có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho GV phụ trách học phần trong CTĐT hiểu rõ kiến thức người học cần nắm được sau khi kết thúc học phần; giúp cho nhà tuyển dụng biết được các kỹ năng của người học khi tốt nghiệp.

(iii) Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH của Thạc sĩ QLGD được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT theo định hướng ứng dụng có các nhiều hoạt động kết nối tham quan thực tiễn ở các cơ sở giáo dục giúp thực hiện tốt và bám sát thực tiễn các chuẩn đầu ra đã công bố.

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu, CĐR của từng học phần và có sự gắn kết với các học phần trong các khối kiến thức khác nhằm đảm bảo quá trình dạy - học và đánh giá đạt được CĐR của toàn CTĐT.

CTDH Thạc sĩ QLGD được thiết kế với cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành. CTDH được thiết kế theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao nhằm đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng đáp ứng được những yêu cầu của công việc. Các học phần trong chương trình luôn luôn được cập nhật, điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và xu hướng phát triển chung của xã hội.

(iv) Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Triết lý giáo dục của Trường ĐHHĐ được tuyên bố rõ ràng trên website của

Trường và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan.

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. CTDH có nhiều hoạt động thực tế, thực hành, sinh hoạt chuyên môn học thuật.

Người học được rèn luyện nhiều kỹ năng và khả năng học tập suốt đời thông qua các nhiệm vụ tự học phong phú và đa dạng.

(v) Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường và Khoa có hệ thống văn bản, quy định về KTĐG kết quả học tập của người học một cách rõ ràng, cụ thể, luôn bám sát các CĐR của học phần và của CTĐT cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Việc ĐGKQ học tập của người học được thiết kế phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt CĐR của CTĐT, cũng như CĐR của từng học phần.

Hệ thống các văn bản quy định về ĐGKQ học tập của người học là đầy đủ, rõ ràng và được công bố công khai đến người học qua nhiều kênh thông tin. Người học biết, hiểu rõ các quy định về công tác KTĐG của Nhà trường và đồng thuận cao với các quy định hiện có.

Đảm bảo đánh giá đúng, công bằng kết quả học tập của người học, giúp người học tự nhìn nhận về quá trình học tập của bản thân. Phương pháp đánh giá đa dạng, mức độ liên hệ thực tế cao.

Có các qui trình về phản hồi kết quả đánh giá người học được công khai và qua nhiều kênh. Phòng QLĐT SĐH luôn hỗ trợ GV một cách kịp thời trong quá trình lỗi nhập điểm trên hệ thống.

Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại nhằm hỗ trợ người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại.

Trường có các bộ phận chuyên trách để hỗ trợ HV trong quá trình giải quyết khiếu nại, Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho CBGV để hỗ trợ HV

(vi). Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ giảng viên

Việc quy hoạch ĐNGV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng) được thực hiện tốt và đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo.

Đội ngũ Tiên sĩ tham gia CTĐT của Khoa tăng qua các năm về số lượng và chất lượng, đáp ứng tốt nhiệm vụ giảng dạy, hướng dẫn, NCKH, nhiều CBGV được cử đi đào tạo từ các trường đại học trong nước có uy tín, có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH.

Khôi lượng công việc của ĐNGV được xác định và được giám sát bởi BM, Khoa và các đơn vị chức năng trong Nhà trường, góp phần cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng.

Chương trình có ĐNGV cơ hữu và mời giảng mạnh về năng lực và sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy, hướng dẫn và NCKH.

Nhà trường, Khoa đã tổ chức lấy ý kiến, thảo luận, thống nhất xây dựng và ban hành tiêu chí tuyển dụng cụ thể, phù hợp với chuyên ngành, góp phần tuyển dụng được ĐNGV đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, NCKH.

Tiêu chí tuyển dụng được công bố công khai và giúp các ứng viên dễ dàng tiếp cận, từ đó Khoa, BM tuyển dụng được ĐNGV có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong NCKH và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc các chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước và đạo đức nhà giáo.

Nhà trường đã ban hành tiêu chí xác định năng lực của ĐNGV trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các bên có liên quan, được công bố công khai và thống nhất dùng chung trong toàn trường.

Kết quả đánh giá năng lực hoạt động của ĐNGV được lưu trữ hằng năm và đối sánh giữa các năm giúp GV phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao năng lực người học đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội.

Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo...). Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho GV chất lượng, hiệu quả.

Việc quản lý, xác nhận kết quả khối lượng công tác, kết quả bình xét thi đua khen thưởng đối với ĐNGV luôn được thực hiện công khai, minh bạch, kịp thời, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn làm thước đo khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện chặt chẽ, giúp cho công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa, tạo động lực cho GV trong công tác giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của Khoa và Nhà trường.

ĐNGV tham gia ngày càng nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài Khoa học các cấp, các dự án, các hội thảo, các bài báo Khoa học được đăng trên các kỷ yếu Khoa học trong nước và quốc tế.

(vii). Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Đội ngũ cán bộ thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT Thạc sỹ QLGD

Tiêu chí tuyển dụng bổ nhiệm và điều chuyển được Nhà trường công khai đầy đủ trên hệ thống website, được phổ biến đến toàn thể CBVC-LĐ trong trường và được công khai quá các phương tiện thông tin (đài, báo của Tỉnh) vào các đợt tuyển dụng.

Nhà trường có tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên một cách cụ thể rõ ràng; hoạt động đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai, khách quan, công bằng.

Nhà trường và Khoa đã xác định đúng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên

môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ và được triển khai thực hiện đúng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đã được xác định.

Nhà trường đã có cơ chế chính sách đáp ứng yêu cầu học tập bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên phục vụ.

Nhà trường và Khoa có sự phân công công việc cho đội ngũ nhân viên một cách rõ ràng, có cơ chế giám sát chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo khen thưởng. Kết quả công việc được đánh giá định kỳ hàng năm, nhờ đó đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

(viii) Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng. Chính sách tuyển sinh được công bố công khai. Chính sách tuyển sinh được cập nhật.

Có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được cập nhật theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa; những quy định về tiến trình học tập được thể hiện rõ trong ĐCCTHP, kết quả đào tạo công khai, minh bạch và thực hiện nghiêm túc theo quy định.

Nhà trường, Khoa có bộ phận QLĐT SĐH, giao nhiệm vụ Trợ lý giáo vụ SĐH Khoa chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của HV. Thường xuyên phối hợp với các cơ sở giáo dục, nhà sử dụng lao động để hỗ trợ học tập, tham quan, trao đổi hợp tác cho người học.

Trường có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch, đẹp, an toàn, tạo môi trường học tập, nghiên cứu, làm việc thân thiện, thoải mái, đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến CTĐT. HV cao học chuyên ngành QLGD luôn có ý thức tuân thủ các quy định trong trường học và quy định của Luật pháp.

Cảnh quan sư phạm thoáng mát, sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn và tạo sự thoải mái cho người học.

(ix) Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khoa có phòng làm việc chung và phòng làm việc riêng cho Ban chủ nhiệm, có các phòng máy tính được trang bị đủ máy tính có kết nối internet, máy in, máy chiếu, có phần mềm dạy học online, có tai nghe và hệ thống âm thanh, có máy điều hòa không khí/quạt trần/quạt treo tường, tạo môi trường thích hợp cho các hoạt động đào tạo và NCKH. HV cao học thạc sĩ QLGD được học tập trong hệ thống phòng học đạt chuẩn của Trường, được luyện tập để phát triển năng lực chuyên môn trong những phòng chức năng chuyên biệt, định kỳ được bảo trì, tu sửa.

CSVC tốt, hiện đại, khuôn viên nhà Thư viện thoáng mát. Môi trường Thư viện

thân thiện, dịch vụ đa dạng, nhiều tiện ích.

Đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho từng môn học thuộc CTĐT Thạc sĩ QLGD
 Nguồn cơ sở dữ liệu đa dạng, được liên kết, sử dụng nhiều nguồn cơ sở dữ liệu số từ nhiều nguồn cung cấp khác nhau, ở cả trong và ngoài nước trong đó có một số tạp chí chuyên ngành nước ngoài phục vụ trực tiếp cho CTĐT.

Đội ngũ cán bộ, nhân viên Thư viện được đào tạo cơ bản, được bồi dưỡng thường xuyên; có tinh thần, thái độ phục vụ chuyên nghiệp, tận tình, lịch sự, nhân văn, hiếu khách.

Các phòng thực hành đặc thù của Khoa TLGD được trang bị đầy đủ trang thiết bị, luôn đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng mát, an toàn, phục vụ tốt cho chương trình đào tạo của Khoa nói chung, chuyên ngành Thạc sĩ QLGD nói riêng.

Hạ tầng CNTT hỗ trợ hoạt động dạy học và NCKH cơ bản đã được đầu tư đầy đủ, có hệ thống.

Hệ thống CNTT hoạt động tương đối ổn định, an toàn, hỗ trợ cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin và tri thức phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Khoa đã sử dụng phần mềm Zoom có bản quyền để phục vụ dạy học online, tạo được môi trường cho GV, HV tương tác trong học tập và NCKH.

Việc vận hành và bảo trì hệ thống CNTT đảm bảo hoạt động 24/24 được thực hiện bởi bộ phận phụ trách thuộc TTTT-TV.

Có đầy đủ các phòng chức năng phụ trách các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn. Các tiêu chí này được quy định và triển khai đồng bộ đến toàn thể CBVC-LĐ và người học.

(x). Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được hình thành từ cấp trường đến Khoa; Các thông tin phản hồi từ các đơn vị, cá nhân có liên quan về CTĐT đều được Nhà trường, Khoa kiểm chứng về mức độ chính xác qua phân tích, tổng hợp, thụ lý các ý kiến góp ý từ các bên và sử dụng hợp lý, hiệu quả trong các lần điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với mục tiêu đào tạo.

Quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ. Quy trình này là cơ sở để GV trong và ngoài Khoa tham gia các nhiệm vụ được phân công trong quá trình cải tiến và xây dựng CTDH liên tục cập nhật và thay đổi qua các năm học.

Khoa TLGD luôn cập nhật các nội dung cần điều chỉnh trong CTĐT tại các cuộc họp chuyên môn của các BM như một bước bổ sung so với quy trình chung để đem lại hiệu quả trong xây dựng và cải tiến CTDH.

Triển khai và tuân thủ các quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ

Số lượng và chất lượng của các đề tài NCKH của CBGV và HV chuyên ngành

QLGD được đánh giá cao. Có các đề tài NCKH ở các cấp cao như cấp Bộ và cấp Tỉnh đã bảo vệ đạt loại xuất sắc và đang thực hiện đúng tiến độ. Đối với đề tài cấp cơ sở, hàng năm đều duy trì ở số lượng cao GV, HV trong chuyên ngành cao học QLGD thực hiện đề tài NCKH. Số lượng giờ NCKH có những năm được đảm bảo vượt định mức.

Các đề tài NCKH các cấp của HV và GV đều thực hiện theo đúng định hướng NCKH của BM, đảm bảo hỗ trợ, ứng dụng cho việc dạy và học. Một số kết quả đề tài NCKH đã được sử dụng vào việc cải tiến việc dạy và học của chuyên ngành cao học QLGD,

Số lượng các bài báo được đăng trên tạp chí Khoa học ngày càng cao, chất lượng và điểm đánh giá tạp chí cũng đang được cải thiện. Số lượng HV tham gia viết bài báo Khoa học nhằm phục vụ đề tài NCKH, hỗ trợ luận văn tốt nghiệp đang ngày càng cao hơn.

Nhà trường đã ban hành các quy định về đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác cho HV.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện rà soát, xây dựng, đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng nhằm cải tiến chất lượng phục vụ người học và môi trường học tập.

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến về chất lượng phục vụ từ các bên liên quan được thực hiện hàng năm thể hiện sự cầu thị trong việc cải tiến chất lượng và bám sát mục tiêu cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng đảm bảo sự hài lòng và thỏa dụng của khách hàng trong vai người học.

Hoạt động đối thoại người học với Nhà trường được thực hiện định kỳ hàng năm thể hiện sự cầu thị lắng nghe ý kiến phản hồi, quan điểm, mong muốn của người học nhằm cải tiến chất lượng phục vụ tiệm cận gần nhất với mong muốn của HV

Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống, nhận được nhiều ý kiến đóng góp hữu ích, từ đó phục vụ cho các hoạt động của Khoa và Nhà trường về xây dựng, phân tích đánh giá CTĐT nói chung và CTĐT Thạc sĩ QLGD nói riêng.

100% hoạt động lấy ý kiến phản hồi được thực hiện đúng quy trình, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn; các ý kiến phản hồi đảm bảo độ tin cậy, hoạt động phản hồi của các bên có liên quan đảm bảo tính hiệu quả và được Khoa tham khảo để điều chỉnh, cải tiến CTĐT.

(xi). Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Nhà trường có phần mềm quản lý, kịp thời theo dõi tỷ lệ người học thôi học, tốt nghiệp; Khoa TLGD, BM GDH đã làm tốt công tác quản lý, giám sát kết quả học tập của người học; kịp thời tư vấn, hỗ trợ cho người học chậm tiến độ, nợ học phần. Vì thế, trung

binh trong 5 khóa gần đây (K9-K13 và K14a) tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn cao.

Có bộ phận, quy trình để theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa học trong cùng CTĐT.

Tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và có đề xuất các biện pháp hỗ trợ người học giảm tối đa thời lượng học tập.

Có khảo sát cựu HV về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá. Có khảo sát nhà tuyển dụng về cải thiện năng lực người học sau tốt nghiệp.

Có số liệu tin cậy về việc làm của người học.

Có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học Thạc sĩ QLGD đã được xác lập, giám sát và bước đầu thực hiện các hoạt động đổi sách trong Khoa và Nhà trường. Các hoạt động đề xuất đầu tư đã được Nhà trường quan tâm thực hiện nhằm phát triển hoạt động nghiên cứu của người học.

Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH và phục vụ cộng đồng.

2. Những điểm tồn tại và vấn đề cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo ngành QLGD

(i) Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Trong quá trình xây dựng mục tiêu CTĐT có khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến của các bên liên quan nhưng đối tượng khảo sát chưa đa dạng; Sau tổng hợp ý kiến các bên liên quan chưa tổ chức được hội thảo để thống nhất ý kiến mục tiêu CTĐT.

Chưa thực hiện khảo sát độc lập về nhu cầu và xu hướng phát triển của thị trường lao động, chủ yếu dựa trên số liệu thứ cấp từ các báo cáo, văn bản đã được công bố.

Một số CDR còn khó đo lường, việc sắp xếp các chuẩn đầu ra đóng góp trong ma trận còn một số chỗ chưa khoa học.

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan để góp ý, xây dựng, chỉnh sửa CDR trước khi ban hành chưa được đồng bộ, số lượng ý kiến phản hồi chưa cao so với số phiếu thăm dò ý kiến đã gửi. Chưa đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến.

(ii) Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT chưa lấy ý kiến phản hồi từ phía cựu HV nên chưa đánh giá được toàn diện mức độ phù hợp so với nhu cầu của người học.

Toàn bộ ĐCHP thuộc BM, Khoa quản lý được rà soát, cập nhật, điều chỉnh hàng năm nhưng chưa được làm rõ, cụ thể hóa những nội dung cập nhật, điều chỉnh bằng văn bản.

Chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các bên liên quan.

(iii) Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Các kỹ năng mềm chưa được thể hiện thực sự rõ trong CTDH.

Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt CĐR chưa đồng đều, có học phần đóng góp nhiều, còn có những học phần cùng thời lượng nhưng đóng góp hạn chế.

Chưa có nhiều hoạt động tham quan trao đổi kinh nghiệm về PPGD Thạc sĩ ở các trường đại học trong và ngoài nước.

(iv) Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Tài liệu về sổ tay người học chưa cập nhật đủ mục tiêu của chương trình đào tạo mới chỉnh sửa gần đây

Chưa khảo sát nhiều HV cao học về phương pháp học tập

Một số học phần thiết kế phần tự học còn nặng về nghiên cứu lý thuyết

(v) Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Các hình thức KTĐG chưa đa dạng. Việc đánh giá các học phần của chuyên ngành QLGD mới chỉ tập trung chủ yếu vào hình thức tự luận, chưa có hình thức thi vấn đáp và trắc nghiệm trên máy.

Mặc dù, hệ thống các văn bản quy định về ĐGKQ học tập của người học là đầy đủ, rõ ràng và được công bố công khai đến người học bằng nhiều hình thức nhưng vẫn còn một số ít người học chưa dành sự quan tâm để khai thác và tìm hiểu.

GV vẫn tự ra đề thi ở mỗi học phần mà chưa có ngân hàng đề thi.

Phần mềm QLĐT đôi khi còn bị quá tải nên ảnh hưởng đến việc tra cứu thông tin về đánh giá tình hình học tập.

Khó khăn trong việc nắm bắt thông tin về phương án cải thiện việc học tập của người học sau khi họ nhận được kết quả đánh giá học tập.

Chưa có kênh đánh giá sự hài lòng của HV về việc tiếp cận quy trình khiếu nại.

(vi). Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ giảng viên

Mặc dù Trường có chính sách thu hút và tuyển dụng GV có trình độ tiến sĩ, PGS về giảng dạy cho chương trình, tuy nhiên, số lượng CBGV có trình độ TS, PGS được tuyển dụng mới còn rất hạn chế.

Cơ chế giám sát khối lượng công việc của GV chưa thực sự chặt chẽ và thường xuyên.

Các chính sách chưa đủ hấp dẫn để thu hút GV, nghiên cứu viên có trình độ cao về công tác tại trường. Việc tuyển dụng chưa thực sự phù hợp với cơ cấu giữa các ngành.

Năng lực ngoại ngữ của đội ngũ CBGV chưa thực sự đồng đều. Số lượng bài báo quốc tế/GV chưa cao, chưa có nhiều bài báo thuộc danh mục Web of science và Scopus.

Hàng năm chưa có khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động đào tạo,

phát triển chuyên môn của GV, nghiên cứu viên từ đó làm căn cứ tổng kết, đánh giá và điều chỉnh phù hợp.

Việc quản trị theo kết quả công việc đôi lúc còn chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho GV, nghiên cứu viên.

Ít có đề tài nghiên cứu cấp nhà nước về lĩnh vực quản lý, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài chưa có các công trình nghiên cứu mang tính đóng góp cho phát triển địa phương chưa nhiều

(vii). Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Việc phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

Việc điều chuyển nhân viên giữa các đơn vị trong trường còn có trường hợp chưa xem xét đến nhu cầu của cán bộ được điều chuyển.

Nhà trường chưa lấy ý kiến để điều chỉnh, cải tiến mẫu phiếu tự đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên.

Tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn chưa tương xứng với yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

Cơ chế khen thưởng chưa linh hoạt theo vị trí và kết quả công việc.

(viii). Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chưa có sự phân tích, đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hàng năm (mặc dù có đánh giá và dự báo nhu cầu nhân lực khi rà soát, cập nhật CTĐT).

Chưa lấy ý kiến phản hồi về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đầu vào.

Hệ thống giám sát mới chỉ ghi nhận thống kê tiến độ học tập của HV mà chưa thực sự giám sát sự tiến bộ của người học.

Công tác tư vấn, hướng dẫn người học chưa thật sự đồng đều nên vẫn còn tình trạng có HV còn thụ động trong các hoạt động học tập và ngoại khóa.

Thi thoảng vẫn tồn tại tình trạng khu vệ sinh một số giảng đường thiếu nước, chưa sạch sẽ vào cuối tuần.

(ix) Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Phòng học dành cho HV thạc sĩ nói chung và HV Thạc sĩ QLGD nói riêng chưa được trang bị điều hoà.

Nguồn tài liệu nội sinh còn ít, nguồn tài liệu điện tử chưa phong phú. Ngoài các cơ sở đào tạo thì việc liên kết để sử dụng chung nguồn tài liệu với các đơn vị xuất bản còn hạn chế.

Phần mềm Thư viện điện tử Libol không được thường xuyên cập nhật, thiếu thiết bị để khai thác hiệu quả.

Khoa chưa tổ chức đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị phòng thực hành, phục vụ đào tạo và NCKH để có cơ sở đề xuất với Nhà trường có các giải pháp cải tiến và bố trí

nguồn kinh phí bổ sung trang thiết bị phù hợp đảm bảo yêu cầu của CTĐT.

Cơ sở hạ tầng CNTT của Trường/Khoa phục vụ CTĐT còn chưa được nâng cấp đồng bộ, chưa chú trọng phát triển các phần mềm quản lý, cố vấn học tập của CTĐT chưa được sử dụng phần mềm chuyên dụng để quản lý những HV do mình phụ trách nhằm giảm tải khối lượng công việc. CBGV, người học còn gặp khó khăn khi sử dụng wifi trong giờ cao điểm.

Chưa có quy định cụ thể cho người khuyết tật đối với các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn; Các phòng học chưa bố trí chỗ ngồi học dành riêng cho người khuyết tật.

(x). Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Chưa tổ chức các hình thức và phương thức đa dạng để thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan cho việc điều chỉnh và thiết kế CTĐT một cách phù hợp.

Các kỹ năng mềm chưa thể hiện rõ trong CTDH.

Chưa rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Các phương tiện đánh giá quá trình chưa thực sự đo lường được mức độ đạt được từng CĐR của môn học.

Việc áp dụng/chuyển tải các kết quả NCKH thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH chưa được đo lường cụ thể. Danh mục định hướng nghiên cứu cần được bộ môn cập nhật hàng năm.

Chất lượng phục vụ của Thư viện còn chưa cao như: tài liệu lỗi thời, lượt đọc, tra cứu còn thấp, tốc độ truy cập internet chậm, lỗi.

Chất lượng phục vụ của các đơn vị chuyên trách phụ trách CSVC cần rà soát thường xuyên như: Việc bảo trì, sửa chữa, nâng cấp hệ thống máy tính, máy chiếu, quạt; Nhà vệ sinh hồng, bẩn; Nhà để xe cho HV chật.

Hệ thống các văn bản quy định về hoạt động lấy ý kiến và mẫu phiếu hỏi chưa được rà soát, cập nhật, cải tiến một cách thường xuyên, liên tục.

(xi). Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Trong 5 khóa gần nhất (K9-K13), vẫn còn HV thôi học, chủ yếu là năm thứ nhất.

Chưa tổ chức tổng kết/đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học hoàn thành thời gian học tập đúng hạn.

Chưa thực hiện đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp cải thiện năng lực và có việc làm tốt hơn Thạc sĩ của Nhà trường với Thạc sĩ QLGD và một số ngành thuộc khối ngành quản lý của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

Chưa thực hiện được việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của HV cao học QLGD với một số trường đại học cùng vị thế trong nước và quốc tế.

Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan chưa được thực hiện trên diện rộng.

3. Kế hoạch cải tiến

Tiêu chuẩn	Tên TC	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện
1	Mục tiêu và CDR của CTĐT	<ul style="list-style-type: none"> - Cần nghiên cứu số liệu thống kê về cựu người học và xu hướng nhu cầu thị trường để xây dựng kế hoạch lấy mẫu đảm bảo đảm. - Tổ chức hội thảo thống nhất ý kiến về mục tiêu CTĐT sau khảo sát. - Cần có nghiên cứu độc lập về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT trong vòng 5 năm. 	P. QLĐT SDH, Khoa TLGD
		<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, lựa chọn các thang đo kiến thức, kỹ năng, thái độ phẩm chất phù hợp, có thể đo lường và đảm bảo tính khả thi để sử dụng trong mô tả CDR tương ứng. - Rà soát mức đóng góp của các CDR trong ma trận cho phù hợp hơn. (Tập trung thể hiện trong ma trận những học phần có mức đóng góp trung bình và cao để thuận tiện trong đo lường đánh giá). 	P. QLĐT SDH, Khoa TLGD
		Đa dạng hoá đối tượng lấy ý kiến khảo sát trong xây dựng mục tiêu CTĐT để điều chỉnh và cập nhật phù hợp với thực tế xã hội.	P. QLĐT SDH, Khoa TLGD
2	Bản mô tả CTĐT	Xây dựng mối quan hệ với nhiều đơn vị sử dụng lao động, người học, GV, chuyên gia	P. QLĐT SDH, Khoa TLGD
		Các nội dung cập nhật, điều chỉnh ĐCCT HP sẽ được cụ thể hóa trong biên bản các cuộc họp chuyên môn và công bố rộng rãi đến người học, GV, và các bên liên quan khác.	Khoa TLGD
		Xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các bên liên quan.	Khoa TLGD
3	Cấu trúc và nội dung CTDH	Điều chỉnh, rà soát và hoàn thiện CTDH theo hướng mô tả rõ nét, cụ thể các kỹ năng mềm	GV giảng dạy
		Điều chỉnh, rà soát học phần trong việc đạt được chuẩn có học phần đóng góp nhiều sẽ tăng thời lượng phù hợp	GV giảng dạy
		Tham quan, trao đổi kinh nghiệm dạy học ở các trường đại học lớn	Nhà trường cử CBGV

4	Triết lý giáo dục	Cập nhật các thông tin trong sổ tay người học cho HV	P. QLĐT SDH
		Tăng hoạt động khảo sát HV	P. ĐBCL&KT
		Gắn hoạt động tự học với vận dụng trong thực tiễn công việc của HV	GV giảng dạy
5	Đánh giá kết quả học tập của người học	Đa dạng các hình thức đánh giá kết quả học tập của người học.	CB GV giảng dạy
		Trợ lý giáo vụ SDH, CBGV tăng cường tổ chức các buổi tư vấn, sinh hoạt chuyên môn học thuật để quán triệt và nhắc nhở người học	TLGV, GV giảng dạy
		Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi.	GV giảng dạy
		Nâng cấp đường truyền internet giúp cho CBGV, người học và các bên liên quan cập nhật tốt hơn các thông tin về kết quả của người học.	P. QLĐT SDH
		Thực hiện khảo sát đánh giá việc tiếp cận quy trình khiếu nại của người học.	P. QLĐT SDH, Khoa TLGD
		Trong năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh lại cơ chế chính sách thu hút người có trình độ tiến sĩ về công tác tại Khoa và BM	P. TC-HC-QT Khoa TLGD
		Nhà trường nên có thêm giải pháp để tuyển dụng GV có trình độ TS, PGS về giảng dạy cho chương trình.	P. TC-HC-QT Khoa TLGD
		Từ năm học 2021-2022, Khoa TLGD, BM GDH sẽ xây dựng, hoàn thiện cơ chế giám sát khối lượng công việc của GV, rà soát mức độ hoàn thành khối lượng công việc 3 lần/kỳ, đặc biệt thường xuyên rà soát và cảnh báo về mức độ hoàn thành khối lượng NCKH.	P. TC-HC-QT Khoa TLGD
6	Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Trong năm học 2021-2022, Nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh lại cơ chế chính sách thu hút người có trình độ tiến sĩ về công tác tại Khoa và BM. Rà soát lại số lượng GV và nhu cầu đào tạo để có căn cứ tuyển dụng cho phù hợp với điều kiện thực tế.	P. TC-HC-QT Khoa TLGD
		Khuyến khích CBGV tự học tập nâng cao năng lực ngoại ngữ. Xây dựng các nhóm nghiên cứu để tập trung hỗ trợ nghiên cứu và viết bài báo chất lượng đăng trên tạp chí có chỉ số ISI và Scopus	Phòng QL KHCN và HTQT; Khoa TLGD

		Giai đoạn 2021 - 2025, Khoa thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch phát triển ĐNGV đáp ứng nhu cầu của CBGV và phù hợp với nhu cầu sử dụng của Khoa; xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn của GV, nghiên cứu viên	P. TC-HC-QT Khoa TLGD
		Nhà trường cần chỉnh sửa, bổ sung quy trình, đánh giá kết quả nhằm tạo động lực cho GV, nghiên cứu viên	
		Từ năm học 2021-2022, Khoa TLGD động viên thúc đẩy GV tham gia đa dạng hóa các hình thức NCKH, tích cực viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài có uy tín thuộc danh mục web of science/Scopus. Tích cực tham gia đấu thầu chương trình NCKH cấp nhà nước	Phòng QL KHCN và HTQT Khoa TLGD
7	Đội ngũ nhân viên	Thực hiện phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ GV	P. TC-HC-QT Khoa TLGD
		Nhà trường căn cứ vào yêu cầu thực tế công việc và nhu cầu của cán bộ để chuyển đổi cho phù hợp	P. TC-HC-QT Khoa TLGD
		Nhà trường giao cho Phòng TC-HC-QT lấy ý kiến tiếp tục hoàn thiện mẫu phiếu tự đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên phù hợp hơn	P. TC-HC-QT Khoa TLGD
		Xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên hướng đến tính chuyên nghiệp trong việc phục vụ công tác đào tạo và NCKH	P. TC-HC-QT Khoa TLGD
		Xây dựng các tiêu chí đánh giá, khen thưởng cụ thể theo vị trí và kết quả công việc nhằm tạo động lực cho nhân viên trong việc hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng.	P. TC-HC-QT Khoa TLGD
8	Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Tiến hành đánh giá, dự báo nhu cầu nhân lực hàng năm	P. QLĐT SĐH
		Lấy ý kiến của HV đầu khóa về tiêu chí tuyển chọn đầu vào	P. QLĐT SĐH
		Tăng cường phối hợp với Phòng QLĐT SĐH, nâng cao vai trò trách nhiệm của BM GDH, định kỳ rà soát, đánh giá quy trình giám sát tiến độ học tập, rèn luyện của người học.	Khoa TLGD, P. QLĐT SĐH

		<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường hoạt động tư vấn hỗ trợ, giúp người học tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa. - Tiếp tục lấy ý kiến người học về các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ người học trong học tập, sinh hoạt và kết nối việc làm sau khi tốt nghiệp... để kịp thời điều chỉnh, cải tiến hình thức triển khai 	Khoa TLGD, P. QLĐT SDH
		Khắc phục tình trạng thiếu nước, mất vệ sinh tại các giảng đường vào ngày cuối tuần.	P. TC-HC-QT, Khoa TLGD
9	Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Trang bị cho các phòng học riêng dành cho HV cao học nói chung của Khoa và HV Thạc sĩ QLGD nói riêng với 2 điều hoà/1 phòng học	P. TC-HC-QT, Khoa TLGD
		<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật phần mềm quản lý thư viện điện tử. - Tăng cường bổ sung tài liệu số, cập nhật thường xuyên tài liệu mới xuất bản, tài liệu liên quan đến CTĐT. - Mở rộng hoạt động liên kết, chia sẻ tài liệu số với các cơ sở giáo dục đại học khác. 	Phòng kế hoạch tài chính, TTTT-TV Khoa TLGD
		Định kỳ tổ chức đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị tại các phòng thực hành, phòng mô phỏng và siêu thị mini.	P. TC-HC-QT, Khoa TLGD
		<p>Nhà trường và phòng chức năng thực hiện rà soát, điều chỉnh và sửa đổi quy trình kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa máy móc thiết bị hệ thống thông tin trong trường.</p> <p>Tăng cường hệ thống wifi tại phòng hội trường dùng chung</p> <p>Thành lập trung tâm CNTT phụ trách hệ thống CNTT của Nhà trường</p>	TTTT-TV
		Xây dựng quy định cụ thể dành riêng cho người khuyết tật đối với các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn trong nhà trường. Thiết kế, bố trí chỗ ngồi học dành riêng cho người khuyết tật học tập một cách thuận lợi	P. TC-HC-QT, Khoa TLGD, Trạm y tế, Ban Bảo vệ
		Tổ chức các hình thức và phương thức đa dạng để thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan để điều chỉnh CTĐT	P. QLĐT SDH, Khoa TLGD

10	Nâng cao chất lượng	Điều chỉnh, rà soát và hoàn thiện chương trình dạy học theo hướng mô tả rõ nét, cụ thể các kỹ năng mềm	Khoa TLGD
		Tiến hành khảo sát lấy ý kiến về quá trình dạy và học và kết quả học tập của người học trong quá trình tổ chức đào tạo, sau khi kết thúc khóa học, HV cao học, GV, và đơn vị sử dụng lao động. Nghiên cứu xây dựng thang đánh giá mức độ đạt CDR của từng học phần	Khoa TLGD
		Thúc đẩy sự vận dụng kết quả NCKH trong thực tế và giảng dạy	Khoa TLGD
		Đôn đốc việc nâng cấp, sửa chữa hệ thống máy tính đề xuất giải pháp để nâng chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích	P. TC-HC-QT Khoa TLGD
		Rà soát các quy định lấy ý kiến và mẫu phiếu hỏi được cải tiến	Đơn vị liên quan
11	Kết quả đầu ra	Tăng cường phối hợp với Phòng QLĐT SDH nâng cao vai trò trách nhiệm của BM GDH, Trợ lý đào tạo SDH định kỳ rà soát, đánh giá quy trình giám sát tiến độ học tập của người học.	Khoa TLGD, P. QLĐT SDH
		Tổng kết đánh giá hiệu quả các giải pháp hỗ trợ học viên hoàn thành tiến độ học tập đúng quy định	P. QLĐT SDH; Khoa TLGD
		Tiến hành đối sánh tỷ lệ cải thiện việc làm khi có thông tin từ bên ngoài	Khoa TLGD
		Tiến hành đối sánh tỷ lệ loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học giữa các cơ sở đào tạo khác nhau.	Khoa TLGD
		Thực hiện khảo sát trên diện rộng các đối tượng liên quan.	Khoa TLGD

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠOTên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Hồng Đức**Mã trường: **HDU**Tên CTĐT: **Thạc sỹ QLGD**Mã CTĐT: **8.14.01.14**

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt yêu cầu	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5.33	3	100
Tiêu chí 1.1						6.0				
Tiêu chí 1.2					5.0					
Tiêu chí 1.3					5.0					
Tiêu chuẩn 2								5.33	3	100
Tiêu chí 2.1					5.0					
Tiêu chí 2.2					5.0					
Tiêu chí 2.3						6.0				
Tiêu chuẩn 3								5.0	3	100
Tiêu chí 3.1					5.0					
Tiêu chí 3.2					5.0					
Tiêu chí 3.3					5.0					
Tiêu chuẩn 4								5.0	3	100
Tiêu chí 4.1					5.0					
Tiêu chí 4.2					5.0					
Tiêu chí 4.3					5.0					
Tiêu chuẩn 5								5.20	5	100
Tiêu chí 5.1					5.0					
Tiêu chí 5.2					5.0					
Tiêu chí 5.3					5.0					
Tiêu chí 5.4					5.0					
Tiêu chí 5.5						6.0				
Tiêu chuẩn 6								5.43	7	100
Tiêu chí 6.1						6.0				
Tiêu chí 6.2						6.0				
Tiêu chí 6.3						6.0				
Tiêu chí 6.4					5.0					
Tiêu chí 6.5					5.0					
Tiêu chí 6.6					5.0					
Tiêu chí 6.7					5.0					
Tiêu chuẩn 7								5.2	5	100
Tiêu chí 7.1						6.0				
Tiêu chí 7.2					5.0					
Tiêu chí 7.3					5.0					
Tiêu chí 7.4					5.0					
Tiêu chí 7.5					5.0					

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn																																																																																																																																																																											
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt yêu cầu	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)																																																																																																																																																																									
	1	2	3	4	5	6	7																																																																																																																																																																												
Tiêu chuẩn 8								5.2	5	100																																																																																																																																																																									
Tiêu chí 8.1					5.0																																																																																																																																																																														
Tiêu chí 8.2					5.0																																																																																																																																																																														
Tiêu chí 8.3					5.0																																																																																																																																																																														
Tiêu chí 8.4						6.0																																																																																																																																																																													
Tiêu chí 8.5					5.0			Tiêu chuẩn 9								4.8	5	100	Tiêu chí 9.1						6.0		Tiêu chí 9.2					5.0			Tiêu chí 9.3				4.0				Tiêu chí 9.4					5.0			Tiêu chí 9.5				4.0				Tiêu chuẩn 10								5.0	5	100	Tiêu chí 10.1					5.0			Tiêu chí 10.2					5.0			Tiêu chí 10.3					5.0			Tiêu chí 10.4					5.0			Tiêu chí 10.5					5.0			Tiêu chí 10.6					5.0			Tiêu chuẩn 11								5.4	5	100	Tiêu chí 11.1						6.0		Tiêu chí 11.2						6.0		Tiêu chí 11.3					5.0			Tiêu chí 11.4					5.0			Tiêu chí 11.5					5.0			Đánh giá chung CTĐT								5.17	50	100
Tiêu chuẩn 9								4.8	5	100																																																																																																																																																																									
Tiêu chí 9.1						6.0																																																																																																																																																																													
Tiêu chí 9.2					5.0																																																																																																																																																																														
Tiêu chí 9.3				4.0																																																																																																																																																																															
Tiêu chí 9.4					5.0																																																																																																																																																																														
Tiêu chí 9.5				4.0				Tiêu chuẩn 10								5.0	5	100	Tiêu chí 10.1					5.0			Tiêu chí 10.2					5.0			Tiêu chí 10.3					5.0			Tiêu chí 10.4					5.0			Tiêu chí 10.5					5.0			Tiêu chí 10.6					5.0			Tiêu chuẩn 11								5.4	5	100	Tiêu chí 11.1						6.0		Tiêu chí 11.2						6.0		Tiêu chí 11.3					5.0			Tiêu chí 11.4					5.0			Tiêu chí 11.5					5.0			Đánh giá chung CTĐT								5.17	50	100																																																			
Tiêu chuẩn 10								5.0	5	100																																																																																																																																																																									
Tiêu chí 10.1					5.0																																																																																																																																																																														
Tiêu chí 10.2					5.0																																																																																																																																																																														
Tiêu chí 10.3					5.0																																																																																																																																																																														
Tiêu chí 10.4					5.0																																																																																																																																																																														
Tiêu chí 10.5					5.0																																																																																																																																																																														
Tiêu chí 10.6					5.0			Tiêu chuẩn 11								5.4	5	100	Tiêu chí 11.1						6.0		Tiêu chí 11.2						6.0		Tiêu chí 11.3					5.0			Tiêu chí 11.4					5.0			Tiêu chí 11.5					5.0			Đánh giá chung CTĐT								5.17	50	100																																																																																																														
Tiêu chuẩn 11								5.4	5	100																																																																																																																																																																									
Tiêu chí 11.1						6.0																																																																																																																																																																													
Tiêu chí 11.2						6.0																																																																																																																																																																													
Tiêu chí 11.3					5.0																																																																																																																																																																														
Tiêu chí 11.4					5.0																																																																																																																																																																														
Tiêu chí 11.5					5.0			Đánh giá chung CTĐT								5.17	50	100																																																																																																																																																																	
Đánh giá chung CTĐT								5.17	50	100																																																																																																																																																																									

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT KDCLGD-ĐHQGHN;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc trường;
- Lưu VT, P. ĐBCL&KT

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 12 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Dũng

PHẦN IV. PHỤ LỤC
CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC
(Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/10/2022)

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Trường Đại học Hồng Đức
- Tiếng Anh: Hong Duc University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục (Tiếng Việt và tiếng Anh)

- Tiếng Việt: ĐHHĐ
- Tiếng Anh: HDU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Hồng Đức

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

5. Địa chỉ: Số 565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0237.3910.222; E-mail: hcth@hdu.edu.vn; Website: hdu.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1997

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2015

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 2017

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện CTĐT thạc sĩ QLGD

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Tâm lý - Giáo dục
- Tiếng Anh: Faculty of Educational Psychology

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: Tâm lý-Giáo dục
- Tiếng Anh: Faculty of Educational Psychology

14. Tên trước đây (nếu có):

- Tiếng Việt: Tâm lý-Giáo dục
- Tiếng Anh: Faculty of Educational Psychology

15. Mã CTĐT : 8140114

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Nhà A2, Cơ sở chính, 565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

18. Số điện thoại liên hệ: 02373.223.378 Email: Khoatlgd@hdu.edu.vn; Website:

<http://hdu.edu.vn/vi-vn/5/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1997

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT thạc sĩ QLGD): 2016

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT thạc sĩ QLGD): 2017

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT Thạc sĩ QLGD

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật)

Khoa TLGD, Trường ĐHHĐ (trước đây là Bộ môn TLGD) có tiền thân từ Tổ TLGD, trường Cao đẳng sư phạm Thanh Hoá, được thành lập năm 1978.

Ngày 24/09/1997, Chính phủ ra quyết định thành lập trường Trường ĐHHĐ, Tổ TLGD trở thành Bộ môn TLGD trực thuộc trường.

Ngày 12/12/2006, Bộ GD&ĐT ra Quyết định số 7369/QĐ-BGDĐT cho phép Trường ĐHHĐ đào tạo hệ chính quy ngành Đại học Tâm lý học (định hướng Quản trị nhân sự).

Theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ, ngày 18/09/2012 Bộ môn TLGD chính thức trở thành Khoa TLGD

Hiện khoa đào tạo ngành Đại học Tâm lý học, Thạc sĩ QLGD, bồi dưỡng các lớp nghiệp vụ sư phạm, nâng hạng giáo viên.

Khoa có 19 CBGV, nhân viên, trong đó số PGS.TS: 01; Tiến sĩ: 07; Thạc sĩ: 11. Ngoài ra, khoa có 02 GV kiêm giảng các hệ đào tạo thạc sĩ, đại học và 05 GV cao cấp có trình độ PGS, TS là các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Trường ĐHHĐ tham gia giảng dạy chương trình thạc sĩ. CBGV trong khoa được học tập và tốt nghiệp ở các trường Đại học danh tiếng trong và ngoài nước như: Liên bang Nga, Vương quốc Anh, Trung Quốc, Hungary. Nhiều CBGV có trình độ Văn bằng 2 tiếng Anh, có thể giao tiếp và làm việc với người nước ngoài.

Từ năm 1997, Bộ môn TLGD chủ yếu tham gia đào tạo sinh viên các hệ Trung cấp, Cao đẳng sư phạm. Sau này, cùng với sự phát triển của Nhà trường, GV Khoa TLGD tham gia đào tạo hàng nghìn sinh viên hệ Đại học, Cao đẳng cho các ngành Sư phạm, Kinh tế, Nông - Lâm - Ngư nghiệp...

Trên cơ sở phát triển ngày càng lớn mạnh của ĐNGV trong khoa, năm học 2006 - 2007, Đề án mở ngành Tâm lý học (Định hướng Quản trị nhân sự) do Khoa xây dựng đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt, cho phép tuyển sinh đào tạo bậc đại học ngành Tâm lý học (Định hướng Quản trị nhân sự) từ năm học 2007-2008. Đến nay, Khoa đã và đang đào tạo được gần 700 sinh viên.

Năm học 2015-2016, Khoa đã xây dựng Đề án mở ngành và được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ QLGD, mở lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ

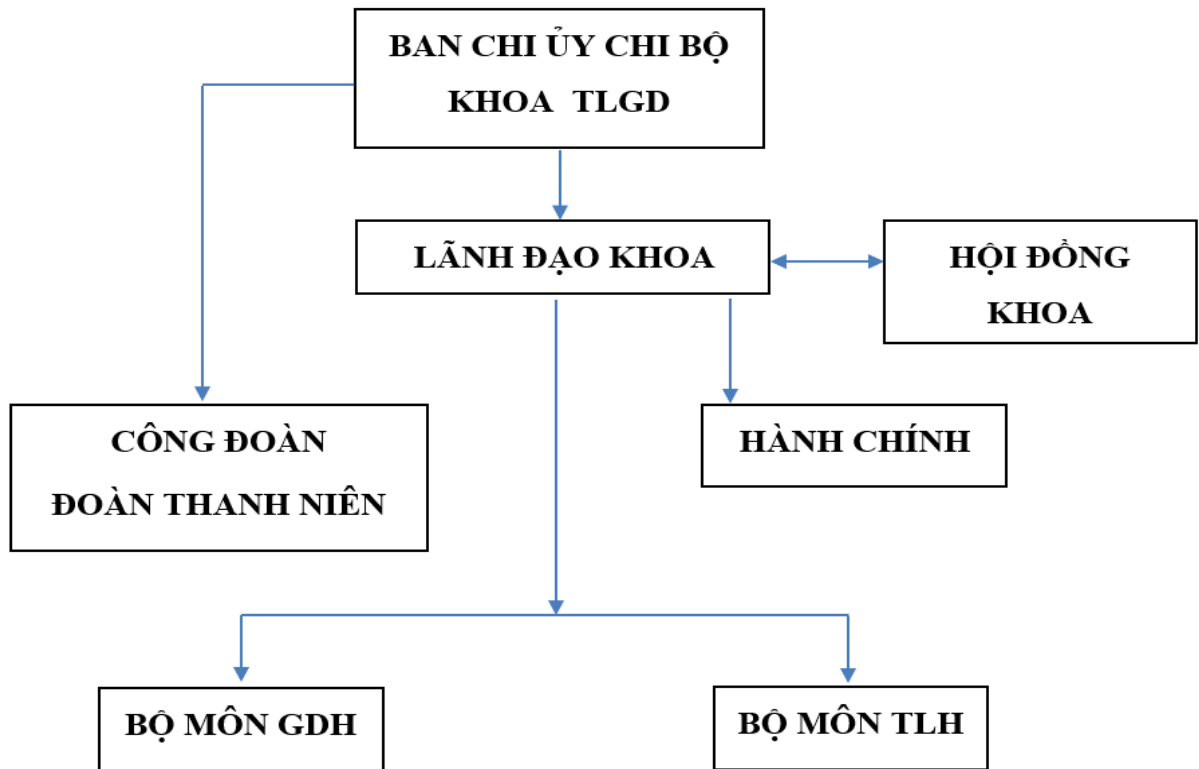
QLGD. Đến nay Khoa đã và đang đào tạo được 8 khóa cao học với gần 500 HV; Bồi dưỡng cấp chứng chỉ Nghiệp vụ QLGD cho 714 HV là CBQL và nguồn CBQL giáo dục của các Trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Trung tâm giáo dục thường xuyên trong tỉnh. Ngoài ra, khoa còn tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho hàng trăm HSSV trong và ngoài trường, như: Trường Cao đẳng Y tế Thanh hóa, Trường Đại học Văn hóa - Thể thao và Du lịch; tham gia bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho hàng nghìn giáo viên Mầm non và giáo viên phổ thông trong toàn tỉnh.

Hoạt động NCKH của Khoa được chú trọng và không ngừng phát triển đáp ứng yêu cầu ứng dụng kết quả nghiên cứu các công trình khoa học vào thực tiễn, đổi mới PPGD, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của Khoa và Nhà trường. Tính đến nay, CBGV trong khoa đã làm chủ nhiệm và bảo vệ thành công 2 đề tài cấp Bộ, 2 đề tài cấp Tỉnh, cộng tác viên nhiều đề tài cấp nhà nước, cấp Bộ, cấp tỉnh; chủ nhiệm hàng chục đề tài cấp cơ sở. Việc công bố công trình khoa học trên các Tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế được ĐNGV rất chú trọng. Có hàng trăm bài báo khoa học của CBGV trong khoa được công bố trên Tạp chí uy tín, trong đó có nhiều bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế có chỉ số ISI, Scopus; nhiều bài báo khoa học được đăng trên Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia, Quốc tế; Hàng chục tài liệu tham khảo, chuyên khảo, giáo trình do GV trong khoa chủ biên hoặc tham gia biên soạn đã được xuất bản.

Với những thành tích đã đạt được, từ năm học 2010-2011 đến nay Khoa TLGD 3 lần được Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu *Tập thể lao động xuất sắc*; Chi bộ 2 lần được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa tặng *Bằng khen*; Khoa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng *Bằng khen*; Chi bộ, Khoa được Đảng bộ, Nhà trường nhiều lần tặng giấy khen, Liên chi đoàn 9 lần được Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, BCH Trung ương Hội sinh viên, BCH Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Thanh Hóa tặng *Bằng khen*; Nhiều CBGV của Khoa được tặng *Bằng khen* các cấp. Đặc biệt có 7 CBGV tham gia Hội thi Giảng viên giỏi Nghiệp vụ sư phạm toàn quốc được Chủ tịch UBND Tỉnh tặng *Bằng khen*, 8 CBGV được tặng *Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục*.

23. Cơ cấu tổ chức đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (Cơ đồ phân giới thiệu chung báo cáo ĐGN)

Khoa TLGD có cơ cấu tổ chức bao gồm: BM Tâm lý học, BM GDH và có các tổ chức Chi bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên.



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hiệu trưởng	Bùi Văn Dũng	1969	PGS.TS	0902.09.1969	buivandung@hdu.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Hoàng Nam	1963	TS	0912.162.824	hoangnam@hdu.edu.vn
3	Phó hiệu trưởng	Hoàng Thị Mai	1970	PGS. TS	0915.188.090	hoangthimai@hdu.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Trưởng khoa	Lê Thị Thu Hà	1971	TS	0911.268.819	lethithuha@hdu.edu.vn
2	Phó trưởng khoa	Nguyễn Thị Hà Lan	1975	PGS.TS	0912.958.029	nguyenthihalan@hdu.edu.vn
3	Phó trưởng khoa	Dương Thị Thoan	1974	TS	0825.762.518	duongthithoan@hdu.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Bí thư chi bộ	Lê Thị Thu Hà	1971	TS	0911.268.819	lethithuha@hdu.edu.vn
2.	Chủ tịch CDBP	Đỗ Thị Hồng Hạnh	1974	ThS	0912.315.355	dothihonghanh@hdu.edu.vn
3.	Bí thư LCD	Nguyễn Bá Châu	1985	ThS	0911.260.388	nguyenbachau@hdu.edu.vn
III.	Các phòng, ban					
1.	Văn phòng khoa	Bùi Thị Dịu	1986	ThS	0948.574.362	buihidu@hdu.edu.vn
2.	Trợ lý Giáo vụ khoa	Nguyễn Bá Châu	1985	ThS	0911.260.388	nguyenbachau@hdu.edu.vn
3.	TL. Khoa học NV	Lê Thị Lan	1984	ThS	0947.417.098	lethilan@hdu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
4.	CBQLSV	Bùi Thị Dịu	1986	ThS	0948.574.362	buihidiu@hdu.edu.vn
IV.	Các bộ môn					
1.	Trưởng BM GDH	Nguyễn Thị Thanh	1973	TS	0945.329.521	nguyenthithanh@hdu.edu.vn
2.	Trưởng BM Tâm lý	Lê Tuyết Mai	1980	TS	0936.451.441	letuyetmai@hdu.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:**26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ:** 0**27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ:** 01**28. Số lượng ngành đào tạo đại học:** 01**29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng:** 0**30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):** 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Chính quy Có Không

Không chính quy

Từ xa

Liên kết đào tạo với nước ngoài

Liên kết đào tạo trong nước

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

32. Tổng số các ngành đào tạo: 02**IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo****33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị**

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹. Trong đó:	2	17	19
I.1	Cán bộ trong biên chế	1	13	14
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	1	4	5
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ²)			
	Tổng số	2	17	19

¹Cán bộ cơ hữu CBQL, GV, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²GV thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khóa học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp GD	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	5	1	-	-	4	-
3	Tiến sĩ Khoa học	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	9	6	1	1	1	-
5	Thạc sĩ	11	5	4	1	1	-
6	Đại học	-	-	-	-	-	-
7	Cao đẳng	-	-	-	-	-	-
8	Trình độ khác	-	-	-	-	-	-
	Tổng số	25	12	5	2	6	-

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 19 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%.

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giáo viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp GD	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp GD	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi								
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0
2	PGS	15	5	1	0	0	4	0	20.7
3	TS Khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ	18	9	6	1	1	1		27,5
4	Thạc sĩ	11	11	5	4	1	1	0	22.5
5	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	59	25	12	5	2	6	0	

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)

T T	Trình độ/học vị	Số lượng , người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	5	20	4	1	0	0	5	0	2
3	Tiến sĩ Khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	9	36	3	6	0	0	9	0	0
5	Thạc sĩ	11	44	2	9	0	2	9	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	25	100	9	16	0	0	23	0	2

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 45 tuổi

36.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 47,36 %.

36.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 52,64%.

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

T T	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng NN và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	50	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	40	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	10	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	-	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	-	-
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của CTĐT)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Khóa	Số TS đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm TB của HV được tuyển	Số lượng HV quốc tế nhập học (người)
2016-2017	K10	75	72	0,96	72	14.5/20	15.75	2
2017-2018	K11	37	36	0,97	35	12.5/20	13.5	0
2018-2019	K12	27	27	0	25	12.0/20	14.5	0
2019-2020	K13	63	59	0,93	59	12.25/20	14.25	2
2020-2021	K14	105	96	0,91	96	12.5/20	13.75	1
2021-2022	K15	114	112	0,9	111	XT	XT	1

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Học viên cao học	35	25	59	96	111
2. Sinh viên đại học	4	0	0	0	16

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Tiêu chí	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	0	0	2	1	1
Tỷ lệ (%) trên tổng số HV	0	0	3%	1%	1%

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	37	37	37	37	37
2. Người học có nhu cầu	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	0	0	0	0	0
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4,6	4,6	4,6	6,1	6,1

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên NCKH

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng(người)	0	2	0	12	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số HV	0	3%	0	14%	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. HV tốt nghiệp cao học	71	35	25	59	39
2. SV tốt nghiệp đại học	9	4	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của học viên thạc sĩ của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	71	35	25	59	39
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	99,1%	100	100%	100%	100%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4					
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:	100%	100%	100%	100%	100%
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	100%	100%	100%	100%	100%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0	0	0	0	0
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:	100%	100%	100%	100%	100%
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	100%	100%	100%	100%	100%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	0%	0%	0%	0%	0%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0%	0%	0%	0%	0%

VI. Nghiên cứu Khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu Khoa học và chuyển giao Khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	2	0	0	1	0	1	2
3	Đề tài cấp trường	4.0	1	2	2	1	2	4.0
	Tổng	6.0	1	2	3	1	3	6.0

Tổng số đề tài quy đổi: 6.5

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao Khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 34,21

46. Doanh thu từ nghiên cứu Khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VND)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VND/ người)
1	2017-2018	-	-	-
2	2018-2019	-	-	-
3	2019-2020	-	-	-
4	2020-2021	-	-	-
5	2021-2022	-	-	-

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài Khoa học trong 05 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	1	10	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	10	

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ	Số lượng
----	----------------	----	----------

		số* *	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	0	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	4	1	0	0	1	2	4
4	Sách hướng dẫn	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	4	1	0	0	1	2	4

Tổng số sách (quy đổi): 4

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 21,05

9. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	2	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	3	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	
1	Tạp chí Khoa học quốc tế	10.5	1	1	2	2	3	13.5
2	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	99	28	13	29	18	11	99
3	Tạp chí /tập san của cấp trường	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	112.5	29	14	31	20	14	112.5

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 112.5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,55 bài/1GV

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí Khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí /tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	13	2
Từ 6 đến 10 bài báo	0	4	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	17	2

52. Số lượng báo cáo Khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
1	Hội thảo quốc tế	5	0	2	1	2	0	5
2	Hội thảo trong nước	20	10	5	15	10	0	20
3	Hội thảo cấp trường	7.5	20	0	10	0	0	7.5
	Tổng	32.5	30	7	26	12	0	32.5

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 32.5 bài

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,71 bài/1GV

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo Khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo Khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường

Từ 1 đến 5 báo cáo	3	9	16
Từ 6 đến 10 báo cáo	-	-	-
Từ 11 đến 15 báo cáo	-	-	-
Trên 15 báo cáo	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	3	9	16

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017-2018	Không
2018-2019	Không
2019-2020	Không
2020-2021	Không
2021-2022	Không

55. Nghiên cứu Khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài Khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	-	4	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	-	-	
Trên 6 đề tài	-	-	-	
Tổng số người học tham gia			4	

55.2. Thành tích nghiên cứu Khoa học của học viên:

TT	Thành tích nghiên cứu Khoa học	Số lượng				
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu Khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	-	2	-	12	-
Tổng cộng		0	2	0	12	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 640.000

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 20.000

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 11.536 m² Nơi học: 35.385 m² Nơi vui chơi giải trí: 32.170 m².

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 35.383 m².
- Tỉ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,42 m²

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin –**Thư viện:**

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 06.
 - Dùng cho người học học tập: 0.
- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy:

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số GV cơ hữu (người): 18

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100 %

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 44,44%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 323

Tỷ số người học chính quy trên GV: HV/1 GV.

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 100%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 98%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 0,2%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 10,0

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 100%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 0%

6. Nghiên cứu Khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao Khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5GV/1 đề tài

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,8

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,71 bài/1GV

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy:

Tỉ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 0,16

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 1,65

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1730* /QĐ - ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày *10* tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo
năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT – BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ vào các Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc sắp xếp bộ máy tổ chức và cán bộ của Trường;

Xét đề nghị của Trường phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Trường phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo năm học 2022-2023, gồm các ông (bà) có tên sau (*có danh sách kèm theo*).

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức tự đánh giá và hoàn thành Báo cáo tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2260/QĐ-ĐHHĐ ngày 24/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

Các ông/bà có tên tại Điều 1 và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng;
- Như điều 3/QĐ;
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT.





ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số *175*/QĐ-ĐHHD ngày *10* tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng
1.	Ông Bùi Văn Dũng	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Bà Hoàng Thị Mai	Phó hiệu Trưởng	Phó Chủ tịch
3.	Bà Lê Thị Thu Hà	TK. TLGD	Phó Chủ tịch
4.	Bà Cao Thị Cúc	Phó TBM. GDH	Thư ký
5.	Bà Lê Thị Hạnh	TP. ĐBCL&KT	Ủy viên
6.	Ông Đậu Bá Thìn	TP. QLĐT	Ủy viên
7.	Bà Lương Thị Kim Phụng	TP. QL Đào tạo SĐH	Ủy viên
8.	Bà Nguyễn Thị Dung	TP. TC-HC-QT	Ủy viên
9.	Ông Ngô Chí Thành	TP. QL KHCN&HTQT	Ủy viên
10.	Bà Lê Thị Minh Huệ	TP. KH-TC	Ủy viên
11.	Ông Lê Minh Hiền	TP.GDCT&CTHSSV	Ủy viên
12.	Ông Lê Thanh Thủy	GD.TT TT-TV	Ủy viên
13.	Bà Lê Thị Thắng	Kế toán trưởng	Ủy viên
14.	Ông Nguyễn Đức Long	PTP. TC-HC-QT	Ủy viên
15.	Bà Nguyễn Thị Hà Lan	PTK. TLGD	Ủy viên
16.	Bà Dương Thị Thoan	PTK. TLGD	Ủy viên
17.	Bà Nguyễn Thị Thanh	TBM. GDH	Ủy viên
18.	Bà Lê Tuyết Mai	TBM. TLH	Ủy viên
19.	Ông Cao Xuân Hải	Phó TBM. TLH	Ủy viên
20.	Ông Nguyễn Bá Châu	Trợ lý GV và ĐT SĐH	Ủy viên
21.	Ông Lê Đình Hường	HV K14A Cao học QLGD	Ủy viên

(Ấn định danh sách gồm 21 thành viên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2261 /QĐ - ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban thư ký và các nhóm chuyên trách đánh giá
các chương trình đào tạo năm học 2021-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT – BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Xét đề nghị của Trường phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban thư ký và các nhóm chuyên trách đánh giá chương trình đào tạo của Nhà trường năm học 2021-2022, gồm các ông (bà) có tên sau (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban thư ký, nhóm chuyên trách đánh giá CTĐT có trách nhiệm hoàn thành Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được giao theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ban thư ký và nhóm chuyên trách tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà có tên tại Điều 1 và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục & Đào tạo (để báo cáo);
- Như điều 3/QĐ (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC
Bùi Văn Dũng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2261/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng
1	Bà Cao Thị Cúc	PTBM.GDH	Trưởng ban thư ký
2	Ông Cao Xuân Hải	PTBM. TLH	Ủy viên
3	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Giảng viên. K.TLGD	Ủy viên
4	Bà Lê Thị Lan	Giảng viên. K.TLGD	Ủy viên
5	Ông Nguyễn Bá Châu	Giảng viên, Trợ lý GV, SĐH	Ủy viên
6	Bà Lê Thị Phương Nga	Giảng viên. K.TLGD	Ủy viên
7	Bà Lê Thị Lan Anh	Phòng ĐBCL&KT	Thành viên hỗ trợ

(Ấn định danh sách gồm 07 thành viên)



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2261 /QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

STT	Họ tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (Tiêu chuẩn 1-4)			
1	1. Bà Nguyễn Thị Hà Lan	Phó Trưởng khoa	Trưởng nhóm
2	2. Bà Lê Thị Phương Nga	Giảng viên, BM TLH	Thư ký
3	3. Bà Nguyễn Phương Lan	Giảng viên, BM GDH	Ủy viên
4	4. Bà Phạm Thị Thu Hòa	Giảng viên, BM TLH	Ủy viên
5	5. Bà Trương Thị Thảo	Giảng viên, BM TLH	Ủy viên
Nhóm 2 (Tiêu chuẩn 5+8)			
6	1. Bà Nguyễn Thị Thanh	Trưởng bộ môn GDH	Trưởng nhóm
7	2. Ông Cao Xuân Hải	Phó bộ môn TLH	Thư ký
8	3. Bà Phạm Thị Thoa	Giảng viên, BM TLH	Ủy viên
9	4. Ông Lê Đình Hường	HV K14A Cao học QLGD	Ủy viên
Nhóm 3 (Tiêu chuẩn 6-7)			
10	1. Bà Lê Thị Thu Hà	Trưởng khoa	Trưởng nhóm
11	2. Bà Lê Thị Lan	Giảng viên, Trợ lý KH, NV	Thư ký
12	3. Bà Lê Tuyết Mai	Trưởng bộ môn TLH	Ủy viên
Nhóm 4 (Tiêu chuẩn 9)			
13	1. Bà Dương Thị Thoan	Phó Trưởng khoa	Trưởng nhóm
14	2. Ông Nguyễn Bá Châu	Giảng viên, Trợ lý GV, SĐH	Thư ký
15	3. Bà Nguyễn Thị Hương	Giảng viên, BM TLH	Ủy viên
Nhóm 5 (Tiêu chuẩn 10-11)			
16	1. Bà Cao Thị Cúc	P.TBM GDH	Trưởng nhóm
17	2. Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Giảng viên, BM GDH	Thư ký
18	3. Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh	Giảng viên, BM GDH	Ủy viên

(Ấn định danh sách gồm 18 thành viên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 11 năm 2021

Số: 275 /KH-ĐHHD

KẾ HOẠCH
Đánh giá chương trình đào tạo năm học 2021-2022

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm thực hiện kế hoạch Bảo đảm chất lượng năm học 2021-2022 (số 235/KH/ĐHHD ngày 16/9/2021) và giúp nhà trường nắm bắt được thực trạng của các chương trình đang tổ chức đào tạo để cải tiến nâng cao chất lượng và đảm bảo các tiêu chí kiểm định chương trình đào tạo, tiến tới thực hiện đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

2. Yêu cầu

- 100% CTĐT được tổ chức tự đánh giá, trong đó có 15 CTĐT viết Báo cáo tự đánh giá.
- Phù hợp với thực tiễn nhà trường và từng khoa đào tạo; đảm bảo tính khả thi; đảm bảo theo tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 04/TT-BGD&ĐT.
- Việc đánh giá, nhận định phải có đầy đủ minh chứng, mỗi hoạt động phải có kế hoạch, biên bản và phải ghi rõ thời gian, đơn vị/ cá nhân thực hiện, kết quả thực hiện.

II. NỘI DUNG

1. Triển khai, quán triệt các văn bản về công tác tự đánh giá CTĐT

- Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- Công văn số 1074, 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT về việc Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học và Hướng dẫn tự đánh giá CTĐT.
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD của Cục quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.
- Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

2. Nội dung công việc và mốc thời gian thực hiện

Nhà trường xây dựng Kế hoạch đánh giá chất lượng CTĐT năm học 2021 - 2022 với các nội dung chính sau đây:

Stt	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả dự kiến
I	Giai đoạn I (từ tháng 11/2021 - tháng 12/2021)				

Stt	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả dự kiến
1	Xây dựng kế hoạch Tự đánh giá; đề xuất thành lập Hội đồng, Ban thư ký giúp việc Hội đồng tự đánh giá CTĐT (theo ngành); tổ chuyên trách, phân công nhiệm vụ cho thành viên.	Tháng 11/2021	Các khoa	P. TCCB	Dự thảo kế hoạch; Danh sách HĐ, ban thư ký và tổ chuyên trách
2	Rà soát, thẩm định Hội đồng; Ban thư ký giúp việc Hội đồng tự đánh giá và tổ chuyên trách các CTĐT.	30/11-04/12/2021	P. ĐBCL&KT	P. TCCB	Dự kiến kế hoạch; Danh sách HĐ, ban thư ký và tổ chuyên trách hoàn chỉnh
3	Phê duyệt Kế hoạch tự đánh giá CTĐT (theo ngành); Thành lập Hội đồng; Ban thư ký giúp việc Hội đồng tự đánh giá và tổ chuyên trách CTĐT.	07 - 15/12/2021	Hiệu trưởng		Bản kế hoạch; Danh sách HĐ, ban thư ký và tổ chuyên trách được phê duyệt
II	Giai đoạn II (từ 16/12/2021 - 14/3/2022)				
5	Tổ chức phân tích tiêu chí, thu thập thông tin, hồ sơ minh chứng đáp ứng yêu cầu của từng tiêu chí.	16/12/2021 - 08/01/2022	Thành viên Ban thư ký CTĐT	Các đơn vị liên quan	Phiếu đánh giá tiêu chí
6	Nghiên cứu, phân tích thông tin, hồ sơ minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá tiêu chí.	08 - 31/01/2022	Thành viên Ban thư ký CTĐT	Các đơn vị liên quan	Báo cáo tiêu chí
7	Nghiệm thu báo cáo tiêu chí và thu thập bổ sung thông tin, hồ sơ minh chứng	01 - 09/02/2022	Các nhóm công tác CTĐT	Các đơn vị liên quan	Biên bản nghiệm thu; Báo cáo tiêu chí hoàn thiện; Danh mục HSMC
8	Viết Báo cáo Tiêu chuẩn.	22/02 - 14/3/2022	Trưởng nhóm công tác CTĐT	Các đơn vị liên quan	Dự thảo báo cáo Tiêu chuẩn
III	Giai đoạn III (từ 15/3 11/4/2022)				
9	Nghiệm thu Báo cáo tiêu chuẩn và thu thập thông tin, hồ sơ minh chứng bổ sung.	15 - 21/3/2022	Ban thư ký	Hội đồng khoa	Dự thảo báo cáo TĐG lần 1
10	Hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá CTĐT kèm theo danh mục hồ sơ minh chứng.	22/3 - 11/4/2022	Trưởng ban Thư ký CTĐT	Hội đồng khoa	Dự thảo báo cáo TĐG lần 2
IV	Giai đoạn IV (từ 12/4 - 23/5/2022)				

Stt	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả dự kiến
11	Đánh giá nội bộ các Báo cáo tự đánh giá CTĐT	12/4 - 02/5/2022	Hội đồng nghiệm thu báo cáo TĐG	Các khoa có CTĐT ĐG	Các ý kiến/ Phiếu nhận xét; Biên bản nghiệm thu
12	Hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá CTĐT theo ý kiến của hội đồng nghiệm thu	03/5 - 23/5/2022	Trưởng ban Thư ký CTĐT		Dự thảo báo cáo TĐG lần 3
V	Giai đoạn V (từ 24/5 - 8/2022)				
13	Ký hợp đồng thẩm định báo cáo TĐG; Báo cáo Bộ GD&ĐT đăng ký Đánh giá ngoài	24 - 30/5/2022	Hội đồng TĐG CTĐT	P. KHTC	Ký hợp đồng đối tác phối hợp. Công văn gửi bộ
14	Hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá theo ý kiến thẩm định.	6/2022	Trưởng ban Thư ký CTĐT	Trực Hội đồng TĐG	Dự thảo báo cáo TĐG lần 4
15	Công khai lấy ý kiến các bên liên quan về Báo cáo tự đánh giá	6/2020	Hội đồng Tự đánh giá	Các tổ chuyên trách	Báo cáo tự đánh giá hoàn thiện theo ý kiến các bên liên quan
16	Xây dựng và triển khai Kế hoạch làm việc với đoàn Đánh giá ngoài.	Tháng 5/2022	Trực Hội đồng TĐG CTĐT	Các khoa	Kế hoạch; Thống nhất lựa chọn TT.KĐCLGD (đấu thầu qua mạng)
17	Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các CTĐT đã được đánh giá.	Từ tháng 5/2022	Các khoa có CTĐT được ĐG	Trực Hội đồng	Kế hoạch cải tiến chất lượng sau Đánh giá ngoài

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng ĐBCL&KT

- Chủ trì và phối hợp tổ chức, phổ biến chủ trương, hướng dẫn triển khai kế hoạch của Nhà trường và các văn bản của Bộ GD&ĐT về công tác Bảo đảm chất lượng.

- Tổ chức giám sát, đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện kế hoạch đánh giá chương trình đào tạo của nhà trường và các khoa trong năm học 2021 - 2022, tổng hợp báo cáo Ban Giám hiệu.

2. Các khoa đào tạo

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo, đề cử danh sách Hội đồng, Ban thư ký giúp việc Hội đồng tự đánh giá và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban thư ký; tổ chức thực hiện đúng tiến độ kế hoạch tự đánh giá và đánh giá CTĐT.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, báo cáo kết quả hoạt động theo từng giai đoạn.

- Thực hiện thu thập, mã hóa và lưu giữ hồ sơ minh chứng, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá đáp ứng yêu cầu công tác kiểm định chất lượng.

Trưởng các đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai Kế hoạch đánh giá chương trình đào tạo năm học 2021 – 2022 và tiếp tục triển khai các văn bản mới về công tác Bảo đảm chất lượng, các thủ tục, quy trình của Bộ GD&ĐT và các văn bản của Nhà trường theo quy định. /

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị (để phối hợp);
- Các khoa (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03 /TB-ĐHHĐ

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 01 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc điều chỉnh KH số 275 ngày 03/11/2021 về Đánh giá CTĐT năm học 2021-2022

Căn cứ vào nội dung Hội nghị triển khai chương trình TĐG các CTĐT ĐH năm học 2021- 2022: SP Vật lý, SP Hóa học, SP Sinh học, Tài chính Ngân hàng, Du lịch, Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Điện và CTĐT Thạc sĩ QLGD (Thuộc các khoa: K.KHTN, K.KHXH, K.KT-QTKD, K.KTCN và K.TLGD); Căn cứ tình hình thực tế của Khoa. Nhà trường điều chỉnh thời gian thực hiện kế hoạch Tự đánh giá các CTĐT năm học 2021-2022 cho các chương trình trên cụ thể như sau:

Stt	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả dự kiến
1	Xây dựng kế hoạch Tự đánh giá; đề xuất thành lập Hội đồng, Ban thư ký, tổ chuyên trách, phân công nhiệm vụ	Tháng 1/2022	Các khoa	P. TCCB	Kế hoạch; Danh sách HĐ, ban thư ký, tổ chuyên trách, bảng phân công nhiệm vụ
2	Tổ chức phân tích tiêu chí, thu thập, hồ sơ minh chứng đáp ứng yêu cầu của từng tiêu chí. Viết báo cáo TĐG tiêu chí	Tháng 2/2022	Thành viên Ban thư ký CTĐT	Các đơn vị liên quan	Báo cáo tiêu chí
3	Hoàn thiện Báo cáo TĐG CTĐT	Tháng 3/2022	Nhóm chuyên trách	Các đơn vị liên quan	Dự thảo Báo cáo TĐG
4	Tổ chức hội thảo Thẩm định Báo cáo TĐG	Tháng 4/2022	Khoa Đào tạo	Các đơn vị liên quan	Báo cáo TĐG
5	Gửi thẩm định Báo cáo TĐG; Hoàn thiện Báo cáo TĐG theo ý kiến thẩm định	5/2022	P.ĐBCL&KT	Các đơn vị liên quan	Kết quả thẩm định
6	Đánh giá ngoài	Từ T6-T10/2022	Trực hội đồng TĐG CTĐT	Các khoa có CTĐT ĐG	Kế hoạch;
7	Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các CTĐT đã đánh giá.	Từ tháng 11/2022	Các khoa có CTĐT được ĐG	Trực Hội đồng	Kế hoạch cải tiến chất lượng sau Đánh giá ngoài

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị (để phối hợp);
- Các khoa (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT

**KT-HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**
**TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC**
Hoàng Nam